

# CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT



THÀNH PHẬT CHI ĐẠO  
TRƯỚC TÁC: PHÁP SƯ ẮN THUẬN  
HIỆU ĐÍNH BẢN VIỆT: TỖ KHEO THÍCH ĐỒNG TỊNH

CON  
ĐƯỜNG  
dẫn đến  
THÀNH  
PHẬT

VIỆT DỊCH : CƯ SĨ LÊ HỒNG SƠN

Quyển 1



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

**Kính dâng Giác linh nhị vị Hòa thượng:**

**Giám đốc Thích Thiện Hòa**

**Phó Giám đốc Thích Thiện Hoa**

**Phật học Đường Nam Việt,**

**Chùa Ân Quang, 243 đường Sư Vạn Hạnh.**

**Phường 9, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh**

## *Lời tựa*

Hiện nay đạo Phật được chú ý trên khắp thế giới. Nhiều hội Phật học và nhóm học Phật đã ra đời và ngày càng có nhiều sách viết về phương pháp tu học đó được giới thiệu. Đạo Phật là đạo của Trí Tuệ, không phải chỉ của đức tin. Cho nên, sự giác ngộ chân chánh hay giáo huấn tu tập đều thông qua Trí Tuệ . Do sự thích nghi ngẫu nhiên hợp lý và tự do lựa chọn, Phật pháp trong quá trình truyền bá có thể nói là nội dung vô cùng phong phú và muôn màu muôn vẻ. Tuy nhiên, một điều đáng tiếc là hầu hết các nội dung được trình bày vẫn chưa rõ ràng, súc tích và có hướng đi cụ thể.

Trong bộ sách này, Đại sư Ấn Thuận đã bàn đến hầu hết những giáo lí căn bản của đạo Phật. Chủ đạo là nói về Ngũ Thừa Phật Giáo: Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn và Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa, Phật Thừa.

*Kế tiếp đó, Ngài giới thiệu và giảng giải những phương pháp thực hành rõ ràng, về ngôi vị chứng đắc cụ thể và sự tương quan giữa Phật giáo và nhân gian.*

*Đây có thể nói là một cẩm nang xuất sắc về các giai đoạn học Phật trong Phật giáo Trung Quốc và Việt Nam. Tác phẩm có cấu trúc chặt chẽ, từng giai đoạn rõ ràng, phạm vi tuy rộng nhưng cô đọng, có khả năng diễn đạt ý cốt lõi của của mỗi phương pháp tu học. Mặc dù con Người, Trời và Nhị Thừa, Bồ Tát Thừa có những khía cạnh khác nhau, nhưng với tính chất tương tức, dung thông, các cảnh giới có thể kết nối với nhau từ thế giới này sang thế giới khác và thậm chí đến sự viên mãn tối thượng của Phật quả.*

*Với bản dịch này, chúng tôi đã cố gắng hết mức theo sát nguyên văn và làm cho lời dịch dễ hiểu. Nhưng có một giới hạn cho sự giản dị hóa mà nếu vượt qua chúng ta sẽ dễ đánh mất ý nghĩa đặc biệt mà ngài Ấn Thuận Đại sư muốn truyền dạy. Chúng tôi đã cẩn thận ghi lại những lời lẽ chính đáng của tác giả thay vì một lối dịch thoát ý có thể dễ hiểu hơn nhưng lại dễ rơi vào lối uốn cong ý nghĩa.*

*Chúng tôi hy vọng bộ sách này, nếu phù hợp với căn cơ trình độ của mỗi người mà thấy được phần nào lợi ích từ bộ sách để có thể vận dụng được vào sự tu tập, có nhiều kết quả tốt, rồi chia sẻ lại cho nhiều người cùng thực hành, tu tập và cảm nhận được sự an lạc nhằm tạo ra nguồn phước báu to lớn cho tự thân thì đó là sự thành công của bộ sách. Công đức còn lại, xin hồi hướng cho Pháp giới chúng sanh, để nhân ra khắp nơi cùng cộng hưởng.*

*Chúng tôi rất mong được sự góp ý chân thành của các bậc cao minh và các vị học Phật, để mọi điều tốt được nhân lên, mọi điều chưa tốt được khắc phục hầu cho lợi lạc tất cả chúng sanh.*

Đà Nẵng, 10-2 (Nhượn) - Quý Mão

Phật lịch 2567

Tỳ kheo Thích Đồng Tịnh

Kính đề.

## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| CHƯƠNG 1: QUY Y TAM BẢO.....             | 10 |
| 1.1. Tâm trạng khi quy y.....            | 12 |
| 1.2. Đối Tượng quy y.....                | 14 |
| 1.2.1. Chẳng phải là nơi quy y.....      | 14 |
| 1.2.2. Đúng là nơi quy y.....            | 25 |
| 1.3. Nghi thức quy y.....                | 62 |
| 1.3.1. Nghi thức.....                    | 62 |
| 1.3.2. Công đức:.....                    | 65 |
| 1.4. Thể tánh của quy y.....             | 65 |
| 1.5. Chân nghĩa của quy y.....           | 67 |
| CHƯƠNG 2: NGHE PHÁP THÂM NHẬP.....       | 70 |
| 2.1. Nghe Pháp.....                      | 71 |
| 2.1.1. Bốn loại công đức.....            | 71 |
| 2.1.2. Lìa xa hai ví dụ, ba sai lầm..... | 74 |
| 2.1.3. Thái độ nghe Pháp.....            | 77 |
| 2.2. Thâm nhập vào Phật Pháp.....        | 81 |



|   |     |
|---|-----|
| 2.2.1. Điều quan trọng trước nhất để thâm nhập vào Phật Pháp..... | 81  |
| 2.2.2. Trước tiên quyết giữ lấy điều đặc biệt hơn hết.....        | 87  |
| 2.2.3 Xác lập mục tiêu. ....                                      | 94  |
| <b>CHƯƠNG 3: PHÁP CHUNG CỦA NĂM THỪA.</b> 111                     |     |
| 3.1. Giải, hành cùng tiến bước (Học và Hành song song).....       | 111 |
| 3.2. Chánh Kiến của thế gian. ....                                | 115 |
| 3.2.1. Bốn loại Chánh Kiến.....                                   | 115 |
| 3.2.2. Năm hướng của thế gian .....                               | 148 |
| 3.2.3. Nhắc nhở Tu Thiện. ....                                    | 176 |
| 3.3. Việc làm chân chánh của Người và Trời.....                   | 177 |
| 3.3.1. Xác lập hạnh nguyện.....                                   | 177 |
| 3.3.2. Pháp môn thông thường .....                                | 181 |
| 3.3.3. Pháp môn dễ tu.....  | 236 |

## CHƯƠNG 1: QUY Y TAM BẢO

❖ **Tất cả pháp môn đều là con đường đi đến thành Phật.**

• **Học Phật là để thành Phật.**

Học Phật là học tập theo Phật. Chúng ta lấy Phật làm lý tưởng, lấy Phật làm gương mẫu, luôn luôn học tập theo Phật. Nếu đi đến bình đẳng như Phật, đó chính là thành Phật.

• **Tu học để thành Phật phải có phương pháp hướng dẫn đúng đắn.**

Phật là vị thánh tột bậc đại giác, đại bi, công đức tròn đầy. Kẻ phàm phu vô trí bậc phước muốn theo tu tập để đến được quả Phật tột bậc như thế rất khó khăn, nên việc tu học này cần có phương pháp và tuân thủ đúng đắn chánh đạo mới có thể từ từ đi đến Phật quả được. Vì vậy, phát tâm học Phật phải đúng pháp môn đúng chánh đạo. Pháp môn, chánh đạo tu tập để thành Phật ấy chính là con đường đi đến thành Phật.

• **Tất cả con đường, đều là pháp môn tu tập dẫn đến thành Phật.**

Phật pháp thích ứng với những căn tính khác nhau, cho nên có rất nhiều con Đường, nào: Phước đức, Trí Tuệ, Khó đi, Dễ đi, Thế gian, Xuất thế gian, Thanh Văn, Bồ Tát...

Nhưng rốt cuộc đều không có hai mà tất cả đều là phương pháp thành Phật; đều là **“Khiến cho chúng sanh Khai, Thị, Ngộ, Nhập Tri Kiến của Phật”**; cho nên nói: Chỉ có một con đường thanh tịnh, chỉ có một vị giải thoát; *“Phương tiện thì nhiều phương pháp tu tập, trở về không có hai đường. Giống như muôn sông ngàn suối đều xuất phát từ lòng đất và đều đổ ra biển cả”*.

- **Dẫn kinh để chứng minh.**

Tất cả phương pháp đều là con đường dẫn đến thành Phật, cho nên trong kinh A Hàm, kinh Pháp Hoa gọi Pháp của Phật là Con Đường dẫn đến Nhất Thừa hay Phật thừa.

- ❖ **Quy y Tam Bảo mới vào được cửa Phật.**

Tam Bảo là cương yếu của Phật pháp. Quy y Tam Bảo là cơ sở ban đầu đi vào cửa Phật. Công đức của Tam Bảo thật là vô lượng, vô biên, không thể nghĩ bàn. Vì vậy, phát tâm học Phật, trước hết phải Quy y Tam Bảo: **Trở Về Nương Tựa Ba Ngôi Báu.**

### 1.1. Tâm trạng khi quy y.

有海無边际,      *Hữu hải vô biên tế,*  
 世间多愆苦,      *Thế gian đa ưu khổ,*  
 流转起还没,      *Lưu chuyển khởi hoàn một,*  
 何处是依怙.      *Hà xứ thị y hũ.*

Biển lớn không bờ bến,      Thế gian nhiều khổ đau,  
 Trôi nổi hụp lặn hoài,      Biết nương tựa nơi đâu.

- **Với tâm khẩn thiết cầu cứu mới có được công đức quy y trọn vẹn.**

Quy y phải có thành tâm hướng về, nương tựa. Như người rơi vào biển cả, theo sóng bênh bồng, bốn phía mịt mờ. Trong cảnh mấp mé sống chết, thấy được bó cỏ chập chờn trên mặt nước, dường như bàn tay đưa ra cứu vớt, nghe được tiếng chim kêu gió thổi, dường như tiếng kêu cứu âm vang, tâm trạng mong muốn cứu giúp còn tha thiết hơn vạn phần. Có thể nói, lúc ấy, chỉ còn biết van xin được cứu sống. Giá mà có chiếc thuyền đi qua, quăng cho sợi dây hay phao cứu sinh thì tay liền nắm lấy, có cố sức leo lên thuyền không?

Thành khẩn mong muốn quy y cũng giống như người rơi xuống biển cả, muốn được cứu sống vậy. Như thế, công đức màu nhiệm của sự quy y mới thành tựu hoàn toàn.

- **Trôi nổi trong biển khổ ví như cái khổ của sống chết trong sáu nẻo luân hồi.**

Đời sống hiện tại ví như biển khổ nhấp nhô sóng dữ.

Thế gian lấy chúng sanh làm gốc, là loài có tình thức, có sinh mạng; là nơi tồn tại thật sự, cho nên kinh Phật gọi chúng sanh là Hữu (Bhava).

Mỗi chúng sanh, trong quá khứ, đã sanh đi sanh lại nhiều lần.

Kiếp trước đã không ra khỏi sanh tử; kiếp sau lại sanh tiếp theo, vô cùng.

Sinh mạng trôi nổi của chúng sanh (Hữu) tiếp nối không dừng như biển cả mịt mờ, không bờ bến.

Đời sống hiện tại này chẳng hơn gì một con sóng bập bênh trong biển cả.

Từ quá khứ đến hiện tại, khổ nhiều, vui ít; vui hết, khổ đến; đúng là khổ đau thật nhiều. Cho nên, Phật nói là “Ưu, bi, não khổ thuận đại khổ tự”: Cuộc đời tập trung toàn là lo âu, buồn, đau, khổ não.

Chúng sanh ở thế gian lo âu, đau khổ vô cùng, tợ dòng nước xoáy tròn trong biển cả. Rồi chợt sanh làm trời, làm người; chợt đoạ địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ. Lên xuống chìm nổi, xoay vần không ngừng. Đây là sự trôi lăn trong biển khổ của chúng sanh mà không có bi ai, đau đớn nào so sánh cho bằng.

- **Kêu cứu khẩn thiết, tìm cầu sự nương tựa.**

Nhân loại dường như rơi vào trong biển lớn, theo sóng bập bênh, bốn phía mờ mịt, nhưng đâu còn biết kêu cứu sự giúp đỡ nào đây.

Chúng sanh hụp lặn trong biển sanh tử, sao không cầu cứu sự giúp đỡ; tìm tòi sự tự tại, giải thoát; đến bờ bên kia vậy! Muốn đến được nơi ấy, phải thành tâm mong cầu quy y, cứu giúp, khẩn thiết thì tự nhiên phát sanh.

Nhưng mà, chỗ nào là nơi quy y đúng nhất; chỗ nào là nơi nương tựa đúng nhất đây?

Tóm lại, không thể nắm bừa một bó cỏ bập bênh trên mặt nước làm phao cứu sinh.

## 1.2. Đối tượng quy y.

### 1.2.1. Chẳng phải là nơi quy y.

#### 1.2.1.1. Vui thú ở thế gian.

|        |                                |
|--------|--------------------------------|
| 積聚皆銷散, | <i>Tích tụ giai tiêu tán,</i>  |
| 崇高必墮落, | <i>Sùng cao tất đoạ lạc,</i>   |
| 合會要當離, | <i>Hợp hội yếu đương ly,</i>   |
| 有生無不死, | <i>Hữu sanh vô bất tử,</i>     |
| 國家治還亂, | <i>Quốc gia trị hoàn loạn,</i> |

器界成復毀, *Khí giới thành phục huỷ,*  
 世間諸可樂, *Thế gian chư khả lạc,*  
 無事可依怙. *Vô sự khả y hũ.*

Giàu sang rồi tiêu tan, Danh vọng sẽ luy tàn,  
 Sum vầy ắt chia xa, Có sống sao không chết.  
 Thanh bình đến loạn lạc, Vũ trụ thành lại huỷ.  
 Thế gian có gì vui, Không đâu nương tựa cả.

- **Say mê cuộc đời không cần quy y.**

Có người không biết mong cầu quy y. Có người mong cầu quy y lại lầm lạc tà sư, ngoại đạo.

Vì sao không mong cầu quy y? Tâm trạng mê đắm trần thế không còn biết gì và cho là có ý nghĩa nhất. Đợi đến khi biến cố tới chân mới tỉnh lại thì đau buồn thất vọng ập đến, cứu vãn đâu còn kịp nữa!

- **Xin nêu ra sáu thứ say mê hiện có:**

- **Tài sản tom góp rồi tiêu tan**

- ***Lấy tài sản làm chỗ dựa.***

Có nhiều người lấy kinh tế làm số một, có tiền là có tất cả; thậm chí nói: “*Có tiền mua tiên cũng được*”.

- ***Phân tích: Tài sản không phải là chỗ đáng nương tựa.***

- ✓ **Tài sản là của chung năm nhà.**

Tài sản là của chung của năm nhà, không thể một mình làm chủ được. Không cần nói giàu có đến mức nào, nhưng tài sản cuối cùng phải tiêu tan. Không cần đề cập đến những người không biết kinh doanh thì tiền của đã lãng phí hơn phân nửa. Tiền của của một người còn không thể làm chủ được; cho nên Phật nói: “*Của chung năm nhà*”: Thủy tai, hoả hoạn, đạo tặc, vua ác, con oan nghiệt. Tài sản, chớp mắt, hóa thành không.

✓ Tài sản có bản chất khổ đau và khó giữ được.

Gom góp tài sản không những không thể kinh doanh và bảo tồn mà còn dẫn đến vô vàn lo âu và đau khổ. Có khi nó là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn, khổ đau; cho nên Đức Phật đã nói đạo tặc, ác vương là có thật. Tài sản vốn đem lại nhiều lo âu, đau khổ và không có cách nào giữ gìn. Sao lại có thể nói: có tiền là có tất cả ư?

○ ***Danh lợi ngút trời rồi tũn nhục.***

▪ ***Nương tựa vào danh lợi và quyền thế.***

Tôn sùng danh lợi và quyền thế. Tham đắm lợi quyền. Khi còn tại vị quất mây hét gió, thoả lòng vừa ý; hầu như tất cả đều do khí khái của ta đây.

▪ ***Phân tích thì quyền và lợi không thể dựa vào.***

Tuy nhiên, cuộc đời thì phải có lúc thịnh, lúc suy.



Dựa vào truyền thuyết Phật giáo:

Sau khi chết, hơi ấm còn ở đỉnh đầu thì thần thức người chết sanh lên trời.

Trong truyện ký Phật Giáo nói: Người chết rồi, ở đỉnh đầu còn nóng thì thần thức sanh lên cõi trời Đao Lợi. Khi phước đức không còn thì đoạ xuống nhân gian, không tránh khỏi ưu khổ và chết.

Ở địa vị này là chủ tể của trời đất, là cha của nhân loại, gọi là Đế Thích. Cuối cùng hết phước, cũng không tránh khỏi đầu thai vào bụng lừa, bụng ngựa. Danh tiếng ngất trời, địa vị cao sang, thật tể, cũng không đủ để nương tựa.

○ **Bà con, bạn hữu rồi cũng chia ly.**

▪ ***Nương tựa vào người thân, bạn lành***

Hoặc là cha mẹ, con cái, vợ chồng làm nên gia đình dư giả, ấm no.

Hoặc trong trường học thầy trò, bạn học, đồng nghiệp tánh nét hợp nhau giúp đỡ lẫn nhau làm nên bạn hữu thâm tình.

Con người là loài động vật có tính xã hội cao, có thể kết thân, bạn hiền, cùng chung hợp tác. Đó là một việc làm cực kỳ lý tưởng và an toàn nữa.

▪ ***Thân thuộc cũng không thể nương tựa.***

Nhưng mà, từ thân yêu biến thành oan gia. Điều này tạm thời không nói đến.

Cho dù, thân yêu, gần gũi đến đâu rồi cũng phải chia ly. Một ngày nào đó, sanh ly tử biệt cũng đến, lìa xa cha mẹ, xa cách vợ con; cô đơn thê thảm trên hình thành chiếc bóng; ai đoái hoài ai đây!

○ **Sanh tồn: có sanh phải có chết.**

▪ ***Nương tựa vào sanh mạng của chính mình.***

Kinh nghiệm cho chúng ta biết: Đã có sống thì phải có chết.

Chết là một sự thật, bất cứ nơi đâu vẫn là như thế; cơ thể con người đối với chính mình, hầu hết, dường như không hiểu hết về cái chết.

Sự sanh tồn có ý nghĩa nằm gọn trong vì danh vì lợi, tom góp, tranh giành tất cả về cho mình.

▪ ***Nêu lên tính điên đảo về sự không biết chết.***

Miệng luôn nói đến chết, nhưng đối với việc làm, đối với con người, lại không hiểu biết tí xúu nào về cái chết.

人生不滿百，常有千歲忧

Nhân sanh bất mãn bách, thường hữu thiên tuế ưu:

Đời người không tròn 100 năm, mà luôn lo sao sống được đến 1000 tuổi. Đây là tính điên đảo: suy tư về cái không Chết.

不 死 之 覺 = 不 死 之 念

Bất tử chi giác = bất tử chi niệm: Không biết về cái chết, không nhớ về cái chết.

Tà kiến có: Sống mãi mãi và sống rất lâu đều do cái Bất Tử Kiến này mà ra. Nhưng anh (chị) có nghe nói, đúng là có Cái Bất Tử không?

Bốn câu đầu trong bài kệ sau còn gọi là Tứ Phi Thường Kệ của Pháp Cú Thí Dụ:

常 者 皆 盡,      *Thường giả giai tận,*

高 者 亦 墮,      *Cao giả diệc đọa,*

合 會 有 離,      *Hợp giả hữu ly,*

生 者 有 死.      *Sanh giả hữu tử.*

Còn thì phải Hết,      Cao ắt phải Rơi,

Hợp thì có Tan,      Sống thì có Chết.

#### 1.2.1.2. Ngoại đạo.

鬼 神 好 凶 殺,      *Quỷ thần hảo hung sát,*

欲 天 耽 諸 欲,      *Dục thiên đam chư dục,*

獨 梵 依 慢 住,      *Độc Phạm y mạn trụ,*

亦 非 歸 依 處.      *Diệc phi quy y xứ.*

Quỷ thần hay giết người.      Cõi Dục nhiều ham muốn,

Đại Phạm tạm nương tựa      Chẳng phải nơi quy y.

- **Có người mong cầu quy y lại tin nhầm vào đối tượng quy y.**

Biết mong cầu quy y, nhưng lại bị lầm lạc bởi ngoại đạo, tà phái. Đối tượng của quy y không chỉ y lại người khác thì cũng lấy người khác làm điển hình để bắt chước theo. Đó chính là loại tâm lý không tự giác, cũng là loại tâm lý bị huân tập. Vì vậy thật cần thận.

- **Tóm tắt khuyết điểm do tin tưởng sai lầm về đối tượng quy y.**

- **Quỷ thần**

- ***Quỷ thần trong tôn giáo.***

- ✓ Quan điểm quỷ thần của Trung Quốc:

Người chết thành quỷ, thần. Thần trời; thần đất; người chết thành quỷ, người chết có công đức thành thần.

Mỗi hiện tượng có thần khác nhau: thần mưa; thần gió; thần thổ địa; thần ngũ cốc...

Kinh Dịch nói: Sơn tinh, mộc quái. Tức là chỉ cho tinh khí của núi rừng, cây cối gọi là Ly My, Vọng Lượng; cô hồn là người chết không có ai cúng giỗ.

- ✓ Quỷ thần theo kinh Phật:

Quỷ là nga quỷ (quỷ đói).

Thần là nói chung các trời do Bốn Đại Vương cai quản. Chủ yếu là Dạ Xoa, La Sát, Na Đà (rồng), Ma Hầu La Đà (thần rắn), Ca Lô La (Kim Xí Điểu)...hoặc là Đại Lực Thần Vương, hoặc là súc sinh cao đẳng.

▪ ***Ưu, khuyết điểm của quỷ thần:***

✓ Ưu điểm:

Thỉnh thoảng giúp đỡ người. Những quỷ thần này có ít nhiều công đức, có chút ít thần lực, cũng có hướng thiện, bậc cao là phục dịch cho các trời. Một vài loài thấp hơn có thể giúp sức cho con người; cho nên được người sùng bái, khẩn cầu ban phước, diệt sạch tà ác; hoặc xin đừng làm hại.

✓ Khuyết điểm: đạo đức không đủ, tánh nóng nảy, thích giết người.

Quỷ thần đều còn phiền não. Đó là tánh của chúng, có khi còn hơn cả con người; đặc biệt tánh sân hận và thích giết, làm tổn thương con người.

▪ ***Tai họa của việc sùng bái quỷ thần.***

Chúng yêu cầu con người cung cấp, hy sinh máu, thịt, cho đến đòi hỏi hy sinh cả con người. Nếu con người không cung kính cúng dường hay mạo phạm chúng thì sẽ báo thù một cách tàn khốc, như cuồng phong, lụt lội; mưa tuyết, ôn dịch...

- ***Nên làm theo lời dạy của Đức Khổng Tử: Kính nhi viễn chi.***

Đức Khổng Tử là bậc vĩ nhân đã dạy: Quý thần kính mà nên xa. Đây là cách thông minh nhất để không rước hoạ vào thân.

- ***Đại thân: Trời cõi Dục***

- ***Ý nghĩa của “Dục”.***

**Dục** là năm dục vật chất: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc vi diệu và dục tánh nam, nữ.

**Thiên** (trời) có ý nghĩa là ánh sáng, nói chung về Thiên Đế.

- ***Các chủng trời cõi Dục.***

Chủng loại trời cõi Dục: có sáu trời cõi Dục.

Thấp nhất là thiên chúng của Tứ Thiên Vương có tám bộ quỷ thân: Dạ Xoa, La Sát, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Cựu Bàn Đà, Tỳ Xá Thứ, Phú Đơn Na, Ca Sát Phú Đơn Na.

Cao nhất trời Đao Lợi (trời ba mươi ba) Gồm: Dạ Ma, Đâu Suất, Hoá Lạc, Tha Hoá Tự Tại.

Sáu trời này đều ham muốn vật chất, dâm dục nam nữ, cho nên gọi là Dục Thiên.

- ***Ưu, khuyết điểm của trời cõi Dục:***

- ✓ **Ưu điểm: Tôn trọng hoà bình, ham thích đạo đức.**

Trời cõi dục và nhân loại có quan hệ mật thiết, phải kể đến là Thích Đề là Thích Đề Hoàn Nhân vua của trời Đạo Lợi.

Tôn trọng hòa bình, ham thích đạo đức, mong muốn nhân loại tiến bộ. Mặc dù cai trị cõi trời này, nhưng thỉnh thoảng cũng phát động chiến tranh; tha thứ kẻ địch, không chủ trương giết hại.

Đề Thích trở thành Đại Đế vương quốc có nhiều thần, thông qua quỷ thần thống trị nhân gian. Thiên nữ vây quanh; so với truyền thuyết của Trung Quốc về Ngọc Hoàng, Thượng Đế rất gần.

- ✓ Khuyết điểm: đời sống xa hoa, phóng túng, mục nát.

So với các quỷ thần thì quỷ thần ở Dục thiên cao hơn nhiều; những khuyết điểm xuất phát từ đam mê các dục kể trên; ở trong sự hưởng thụ vật dục và dục tánh, không tránh khỏi xa hoa, phóng túng nên đời sống trở nên đắm say, mục nát. Do đó, đời sống trí huệ, đạo đức bị thoái hóa dần.

Từ trước đã nói: Đề Thích từng thỉnh Phật nói Pháp, cách đây chưa lâu, những gì có liên hệ với Phật nói, về sau, cũng quên luôn.

Các trời hưởng thụ vật dục dễ đọa lạc.

“*Dục là gốc của khổ*”, kinh Tạp A Hàm nói: Dục năng sanh bách khổ; dục thị chúng khổ bản.

Các trời hưởng thụ những vật dục như thế thì dễ đọa lạc là chắc rồi. Chính mình còn không giữ được thì cần thiết gì đến quy y!

○ **Thần sáng tạo.**

▪ **Ý nghĩa:**

✓ Phân loại Phạm:

Đó là Phạm Thiên trên cõi Dục và cõi Sắc.

Sắc giới chia ra bốn Thiên: Sơ thiên lại chia ba trời: Phạm Chúng, Phạm Phụ, Đại Phạm.

✓ Ý nghĩa của Phạm: Thanh tịnh hết mực, gần với nghĩa sự trong sạch của bậc thánh.

Trời Phạm Chúng: Nhân dân; trời Phạm Phụ: quan lại; trời Đại Phạm (có một không hai): Đế Vương, cho nên gọi là Độc Phạm.

▪ **Ưu, khuyết điểm của Phạm Thiên:**

✓ Ưu điểm: Thanh tịnh, từ bi, bác ái.

Phạm Thiên rất thanh tịnh, không dâm dục, cũng không tham lam vật dục của thế tục.

Về tinh thần: Đức hạnh, từ bi, bác ái và rất cao thượng. Ở trong tôn giáo, nói chung, có thể nói là người nổi bật.

✓ Khuyết điểm: tà thuyết nông cuồng, ngạo mạn.

- Truyền thuyết về trời Đại Phạm.

Dựa vào kinh Phật:



Trời Đại Phạm xuất hiện thì quần thần, nhân dân chưa có, cõi Dục cũng chưa có, đến địa cầu và các nơi ở khác cũng chưa có.

Trời Đại Phạm muốn có trời, đất, cõi dục cũng dần dần ngưng tụ và hoàn thành.

Muốn có con người, con người liền sanh ra. Vì tâm trời Đại Phạm dựa vào kiêu mạn (tâm ngạo mạn); cho nên sanh ra hiểu biết sai lầm, điên cuồng và cho rằng Trời, Đất do ta sáng tạo, nhân loại do ta sanh ra, thời gian sinh tồn khá dài, rồi bảo với thần dân rằng chính ta là bậc thường trụ, bất biến, vô thử vô chung đây.

- Sự hiểu biết sai lầm của nhất thân giáo là căn nguyên của tội ác.

Tịnh hạnh của Phạm Vương khắc chế tình dục của thế tục và tinh thần từ ái thật đáng khen ngợi.

### **1.2.2. Đúng là nơi quy y.**

#### **1.2.2.1. Tam Bảo.**

|                      |                                  |
|----------------------|----------------------------------|
| 歸依處處求,               | <i>Quy y xứ xứ cầu,</i>          |
| 求之遍十方,               | <i>Cầu chi biến thập phương,</i> |
| 究竟歸依處,               | <i>Cứu cánh quy y xứ,</i>        |
| 三寶最吉祥.               | <i>Tam bảo tối kiết tường.</i>   |
| Quy y tìm khắp nơi,  | Tìm hết cả mười phương,          |
| Chỗ quy y cuối cùng, | An lành nhất Tam Bảo.            |

- **Nói rõ nơi quy y cuối cùng.**

- *Quy thân khắp mười phương đều không phải là chỗ quy y.*

- Con người chúng ta cảm nhận được khổ đau, bức bách của sanh tử nên tìm tòi chỗ quy y ở khắp nơi, nhưng đều không phải là chỗ đúng nhất để quy y.

- *Chỗ đúng nhất để quy y là Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng*

Đây mới là chỗ quy y đúng và cuối cùng nhất. Đó là Tam Bảo, chỉ có trong Phật giáo.

Phật, Pháp, Tăng rất khó gặp được, không gì sánh bằng, công dụng rất mực, cho nên, gọi là quý báu (Bảo). Quy y Tam Bảo làm cho chúng ta từ hung dữ biến thành hiền lành, từ tai nạn trở thành tốt đẹp; bỏ ác về với hiền lành; từ đen tối chuyển thành ánh sáng; xa lìa thống khổ có được an lạc. Tất cả những việc tốt lành này, hết thảy đều thành tựu, cho nên, nói là tốt lành nhất.

- **Bằng chứng cứ thật sự hướng về Tam Bảo là nơi nương tựa cuối cùng.**

Tất cả đều không đáng để quy y, chỉ có Tam Bảo mới đúng là nơi đáng quy y. Đây không phải là khen mình chê người mà là một kết luận có lý do và bằng chứng.

○ **Thông thường nêu lên Phạm Thiên và Đế Thích làm chứng cứ.**

▪ ***Phạm Thiên thỉnh Phật chuyển pháp luân.***

Sau khi Phật Thích Ca thành Phật không lâu, Phạm Thiên Vương là vị thần sáng tạo, từ trên trời xuống cõi Ta Bà, khẩn cầu Như Lai nói pháp. Phật Thích Ca chấp thuận mới chuyển pháp luân để cứu độ loài người. Phạm Thiên Vương, nhân đây, cũng thành đệ tử của Phật và đã chứng được thánh quả ly dục.

▪ ***Đế Thích gặp Phật nghe pháp tránh đầu thai vào bụng heo.***

Trong đời quá khứ, trời Đế Thích là vị thần đặc biệt gần gũi với Ngọc Hoàng Đại Đế, biết mình sắp chết. Bất hạnh làm sao, sau khi chết phải đoạ vào trong bào thai heo. Ông rất buồn khổ, đi nhờ Đại Phạm Thiên Vương, Đại Tự Tại Thiên cứu giúp, cho đến, tất cả thần, tiên mà, kết quả không có ai cứu được. Cuối cùng, ông gặp được Đức Phật, nghe Phật nói Pháp mới cứu được tai ách đầu thai làm heo và sanh trở lại cõi trời.

▪ ***Thiên thần và thần sáng tạo đều quy y Phật.***

Đại thần của Đa Thần giáo và sáng tạo thần của Nhất Thần giáo đều quy y Phật.

- **Lý do:** Là vì Tam Bảo có đầy đủ công đức nên là chỗ quy y của tất cả chúng sanh.

#### 1.2.2.2. Ý nghĩa Tam Bảo.

##### *a. Ca ngợi công đức Tam Bảo.*

### **Ca ngợi công đức Phật.**

#### **Trí- Chứng- Pháp thân.**

正法以為身,      Chánh Pháp dĩ vi thân,  
 淨慧以為命,      Tịnh Huệ dĩ vi mạng,  
 智月朗秋空,      Trí nguyệt lãng thu không,  
 禮佛兩足尊.      Lễ Phật lưỡng túc tôn.

Lấy Chánh Pháp làm thân,      Lấy Tịnh Huệ làm mạng,  
 Trí là trăng thu sáng láng,      Lễ Phật Lưỡng Túc Tôn.

- Phật là bậc trí huệ triệt chứng Chánh Pháp.
  - **Phật là bậc giác ngộ tròn đầy.**
    - ***Phật là tiếng Phạn có nghĩa là người Giác Ngộ. Giác Ngộ, chứng được chánh pháp một cách viên mãn nên thấu đạt Pháp Thân.***

Cái mà Phật giác ngộ, chứng được là Chánh Pháp.  
 Chánh Pháp cũng được dịch là Diệu Pháp.

Pháp là quy tắc, không biến mất, cho nên Chánh Pháp là Trung Chánh, không thiên, không lệch, là Chân Lý vi diệu. Đây là Chân Lý Vĩnh Cửu, phổ biến, tuyệt đối.

Giác ngộ, chứng được viên mãn Chánh Pháp mới gọi là Phật. Cho nên, Phật lấy Chánh Pháp làm Thân và gọi là Pháp Thân, cũng chính là cái hiển hiện cụ thể của chân lý tuyệt đối.

- ***Phật lấy Trí Huệ Vô Lượng làm sinh mạng và chứng được Pháp Thân.***

Phật là gì mà giác ngộ, chứng được viên mãn vậy?

Vì Phật có trí huệ vô lượng, thanh tịnh (Trí huệ thanh tịnh, lìa tất cả phiền não, tạp nhiễm).

Trí huệ thanh tịnh nhất, cái mà Phật giác ngộ, chứng được cũng chính là Thanh Tịnh Tối Thượng; cho nên gọi là Pháp Giới Tột Cùng Thanh Tịnh (Pháp Giới là Pháp Thân). Chánh pháp thì không ở đâu nhưng đâu đâu cũng có; khi mê hoàn toàn không giảm mất chút nào; khi giác ngộ cũng không tăng thêm tí nào. Ai có Trí Huệ Thanh Tịnh mới chứng được Chánh Pháp Thanh Tịnh; cho nên, Phật lấy Trí Huệ Thanh Tịnh làm sinh mạng, gọi là Huệ Mạng.

**Tóm lại**, thống nhất Pháp Thân và Huệ Mạng chính là Phật.

○ **Lấy mặt trăng sáng giữa khung trời mùa thu để ví dụ cho Phật Trí và Pháp Thân.**

- ***Trí huệ của Phật giống như vàng trắng sáng.***

Thể chứng Chánh Pháp chính là Thanh Tịnh, Trí Huệ như ánh sáng mặt trăng mùa thu chiếu soi, khung trời trong vắt. Không có một chút mây đen, ánh trăng trong trẻo, khung trời màu xanh biếc cũng trong veo trong ánh sáng của trăng thu.

- ***Đây gọi là Phật trí giác ngộ chiếu soi thanh tịnh, Chánh Pháp đã chứng được triệt để. Chánh Pháp cũng ở trong Tịnh Huệ mà hiển hiện ra một cách trong veo tuyệt vời.***

- ***Lấy Bồ Tát so sánh với Phật.***

Kinh nói: “*Bồ Tát như vàng trắng trong mát, ngao du khoảng không vô tận*”. Bồ Tát còn như thế, huống nữa là Phật!

- **Phật là bậc đáng cung kính, trở về nương tựa hoàn toàn.**

○ **Bằng ba nghiệp trở về, lễ bái cung kính, tin tưởng nơi Phật.**

Pháp thân và Huệ mạng đã đạt đến viên mãn hoàn toàn. Đó là giá trị có được của chúng sinh quy y kính Phật.

Lễ là tôn kính.

Như lễ bái, thăm hỏi là thân lễ

Khen ngợi công đức là ngữ lễ

Trọng lòng tin tưởng, cung kính là ý lễ

Ba nghiệp lễ kính này là biểu thị sự quy y và tin tưởng của chúng ta đối với Phật.

- **Trong loài người, Phật là người có đủ Phước và Huệ nên còn gọi là bậc Lương Túc Tôn cao quý hơn cả.**

Lương túc tôn là lời tán thán Phật. Có hai cách giải thích:

- ***Bậc tôn quý nhất trong loài người.***

Lương túc (hai chân) là chỉ loài người. Phật là người tôn quý nhất trong loài người, cho nên, gọi là Lương Túc Tôn.

Như kinh nói: 正覺兩足尊; 生為四足勝: Loài có hai chân, bậc Chánh Giác là tôn quý nhất; trong chúng sanh, loài có bốn chân, ngựa là vượt trội nhất.

- ***Có đủ cả Phước, Huệ tôn quý nhất.***

Lương túc là đầy đủ Phước Đức và Trí Huệ. Có phước đức lớn, trí huệ lớn, không chỉ là Phật mà, Bồ

Tát cũng như thế. Nhưng trong hàng thánh hiền có đủ phước đức và trí huệ, thì Phật là tôn quý và vượt trội hơn hết, cho nên gọi là Lương Túc Tôn.

**Lễ kính bốn sư.**

三世佛無量, Tam thế Phật vô lượng,  
 十方佛亦爾, Thập phương Phật diệc nhĩ,  
 悲願來濁世, Bi nguyện lai trọc thế,  
 禮佛釋迦文. Lễ Phật Thích Ca Văn.

Phật ba đời vô lượng, Phật mười phương cũng thế,  
 Bi nguyện đến cõi trần, Kính lễ Phật Thích Ca.

• **Theo thời gian và không gian mà nói thì có vô lượng Phật.**

Phật là tên gọi của bậc Thánh Đại Giác. Ai giác ngộ, chứng được viên mãn Chánh Pháp, thì người ấy là Phật; cho nên, nhiều người phát tâm học Phật thì nhiều người thành Phật.

○ **Theo thời gian mà nói có ba đời vô lượng Phật**

Ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai có Phật xuất hiện vô lượng.

▪ ***Xin nêu tên ba đời chư Phật:***

Hiện tại là Phật Thích Ca Mâu Ni



Quá khứ là Phật Ca Diếp, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Phật Thi Khí, Phật Tỳ Bà Thi...

Vị lai có Phật Di Lặc, Phật Lô Lô Chí.

▪ ***Lấy quá khứ so sánh với vị lai.***

Phật quá khứ vô lượng, vô số; Phật vị lai cũng như thế. Kiếp Trang Nghiêm ở quá khứ: bắt đầu Phật Hoa Quang, cuối cùng Phật Tỳ Xá Phù. Tất cả một nghìn Phật.

Kiếp Hiền ở hiện tại: bắt đầu Phật Câu Lưu Tôn, cuối cùng Phật Lô Lô Chí. Tất cả một nghìn Phật.

Kiếp Tinh Tú ở vị lai: bắt đầu Phật Nhật Quang; cuối cùng Phật Di Lặc. Tất cả một nghìn Phật.

- **Theo không gian mà nói** có vô lượng Phật trong mười phương. Như hiện tại: Đông phương có Phật Bất Động, Phật Dược Sư... Tây phương hiện có Phật A Di Đà...
- **Người học Phật nên quy y, tôn kính Phật trong ba đời, mười phương.**

Người học Phật quy y Tam Bảo nên quy kính tất cả Phật trong ba đời, mười phương.

- **Không bỏ chúng sanh ở cõi đời ô trược là Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni.**

Nhưng, nếu chúng ta từ thế giới này mà nói thì có một vị đặc biệt nên quy kính, đó chính là Bồ Sư Phật Thích Ca Mâu Ni

○ **Bì nguyện của Bồ Sư**

Đức Phật Thích Ca, khi còn ở trong nhân vị Bồ Tát, đã phát tâm đại bi cứu khổ cứu nạn, đã phát đại nguyện lực nhận chịu khổ nạn, không vãng sanh về Tịnh Độ mà phát nguyện tu hành đến khi thành Phật tại cõi nhơ ế này; vì chúng sanh cõi này chịu nhiều khổ đau nên việc cứu giúp là rất bức bách!

我不入地獄，誰入地獄

Ngã bất nhập địa ngục, thù nhập địa ngục.

Ta không vào địa ngục, ai vào địa ngục đây.

Tinh thần vĩ đại ấy là một sự thật mà Phật Thích Ca Mâu Ni thật tế đã hoàn thành được.

○ **Ân đức của Bồ Sư.**

Ngài đã đến cuộc đời ngũ trược và ác này tu hành, và thành Phật để cứu giúp chúng ta mà không bỏ sót một chúng sanh khổ não nào. Về quá khứ gần hai nghìn năm trăm năm, Phật Thích Ca đã sanh ở Ấn Độ: rồi xuất gia, tu hành, thành Phật. Nhưng về sau, chúng ta đã biến thành một thế giới hắc ám, đầy tội ác; may ra còn có ánh sáng Phật pháp. Thế giới Phật pháp này

là do Phật Thích Ca Mâu Ni đến và vì chúng ta mà nói pháp. Thật đó là một ân đức vô cùng!

○ **Mười phương Phật đều khen ngợi**

Sự vĩ đại của Phật Thích Ca, không chỉ chúng ta tôn kính, khen ngợi mà mười phương chư Phật cũng đồng thanh khen ngợi! Như kinh đã nói: “Các vị Phật khác cũng khen ngợi ta (Thích Ca Mâu Ni)”.

○ **Đặc biệt kính lễ Phật Thích Ca.**

Lý do, sau khi chúng ta quy kính Phật trong mười phương ba đời, phải đặc biệt kính lễ Phật Bổn Sư: Thích Ca Văn (là tên khác của Phật Thích Ca Mâu Ni) là vì những điều đã nói trên.

Cũng thế, quy y Tăng là quy y tất cả Tăng; dĩ nhiên ta phải chọn vị có đạo đức và trí huệ.

**Ba đức đầy đủ**

智圓悲無極,      Trí viên bi vô cực,  
斷障無餘習,      Đoạn chướng vô dư tập,  
三德等究竟,      Tam đức đẳng cứu cánh,  
方便示差別.      Phương tiện thị sai biệt.  
Trí, Bi viên mãn nhất,      Hoàn toàn hết tập khí,  
Ba đức đều rốt ráo,      Phương tiện thì khác nhau.

- **Dựa vào cổ đức nêu ba đức khen ngợi Phật.**

Dựa vào các bậc thánh nhân cổ đại mà khen ngợi Phật pháp, lấy ba đức (**trí, đoạn, ân**) để khen ngợi Phật.

○ **Viên mãn Trí Đức.**

- ***Trí Huệ của Phật viên mãn, đầy đủ Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Chủng Trí.***

Trí huệ của Phật rốt ráo viên mãn.

Nhất Thiết Trí là giác ngộ hoàn toàn bản tính của tất cả pháp.

Nhất thiết chủng trí là giác ngộ hoàn toàn vô số tướng của tất cả pháp.

Không chỉ giác ngộ bản tính của tất cả pháp mà còn, giác ngộ bản tính, hình thái, tác dụng, mối quan hệ... của tất cả pháp và giác ngộ cả hiện tại, quá khứ, vị lai. Giác ngộ vô số tướng của tất cả pháp từ nhiều phương diện; cho nên, Phật gọi là Nhất thiết Chủng Trí.

- ***Tự mình giải thoát còn giải thoát cho người khác.***

Chúng sanh thống khổ mà không thể giải quyết được; chỉ vì ngu muội mà làm việc sai lầm. Với trí huệ viên mãn của Phật, cho nên, không chỉ tự mình giải thoát mà còn, có khả năng bằng vô lượng phương tiện thiện xảo (Diệu dụng của Trí Huệ) để giải thoát cho chúng sanh. Đây là ca tụng Trí Huệ Viên mãn của Phật.

○ **Viên mãn Ân Đức.**

- ***Tâm đại bi bao trùm tất cả.*** Đức Phật cứu khổ bằng tâm đại bi không có giới hạn mà bao trùm cả thế giới, cả chúng sanh và tất cả khổ nạn. Tâm bi thiết tha vô cùng hạn lượng.
- ***Lấy Bồ Tát so sánh với Phật.***

Ở nhân vị Bồ Tát như Quan Âm, Địa Tạng còn không thể đến được đại bi, đại nguyện, huống nữa là Phật quả! Đây là ân đức viên mãn của Phật.

○ ***Viên mãn đoạn đức.***

- ***Tuy Bi, Trí đều quan trọng nhưng Đoạn đức không triệt để thì không gọi là rốt ráo.***

Có người trí huệ cao nhưng bi tâm mỏng, có người từ bi, yêu thương nặng mà trí huệ lại bình thường.

Có người bi, trí đều nặng nhưng phiền não tạp nhiễm ở nội tâm chưa hoàn toàn thanh tịnh, vì vậy không được rốt ráo.

- ***Chỉ có Phật dứt trừ phiền não, không còn Tập Khí.***

Chỉ có Như Lai dứt trừ tất cả phiền não về Lý Chương, Sự Chương cho đến Tập Khí không còn sót mảy may. Đây là ca tụng đoạn đức viên mãn của Phật.

● **Nói riêng về Tập Khí.**

- ***Từ vô thủy tập tánh phiền não đã có rất lâu.***

Vì sao gọi là Tập Khí hay Dur tập? Chính là từ xưa đến giờ, tập tánh phiền não đã ăn sâu quá lâu.

○ **So sánh sự dứt trừ Tập Khí của các bậc thánh.**

- ***Nhị thừa có thể dứt trừ phiền não mà không thể dứt trừ Tập Khí.***

Các A la Hán đệ tử của Phật đã dứt trừ hết phiền não, nhưng Tập Khí vẫn còn sót lại. Vì vậy, mới có vị mắng chửi người, có vị vung tay múa chân (khi gặp sự cố vui quá hay giận quá), có vị khấn khấn kiến thức của mình.

- ***Chỉ có Phật mới dứt hết tập khí phiền não một cách hoàn toàn.***

Chỉ có Phật mới dứt hết hoàn toàn phiền não, Tập Khí. Đây là bậc thánh thanh tịnh nhất, trong sạch nhất.

● **Chỉ có Phật đầy đủ ba Đức.**

Chúng ta tin tưởng, quy y Phật không phải là mê tín cũng không phải là cùng dòng họ với Phật.

Tín đồ Phật giáo là ai viên mãn tất cả công đức thì chúng ta mới quy kính người ấy.

Thật sự viên mãn được tất cả công đức chỉ có Phật thôi, cho nên, chúng ta phải quy y Ngài, không quy y thiên thần của ngoại đạo.

- **Chư Phật đều bình đẳng, không khác nhau, vì chúng sanh mà thị hiện có khác nhau.**

- **Ba đức của chư Phật đều bình đẳng, rất ráo.**

Ba đức là Trí Đức, Ân Đức, Đoạn Đức mà, tất cả Phật đều bình đẳng, đều rất ráo, đều viên mãn, không có chút khác nhau.

- **Chỉ vì ứng hiện cho chúng sanh mà, có biểu thị muôn vàn khác nhau.**

Đối chiếu từ kinh điển:

*Sắc thân của Phật có lớn nhỏ.*

*Thọ mạng của Phật có dài ngắn.*

*Quốc độ của Phật có tịnh uế.*

*Đệ tử của Phật có nhiều ít.*

*Chánh pháp trụ thế không giống nhau.*

Nên biết rằng đây là phương tiện thị hiện của Phật nhằm thích ứng căn tánh của chúng sanh, mới có sự khác nhau như thế, chứ hoàn toàn công đức thật sự của Phật không hề khác nhau, chớ có mê lầm mà sanh tâm phân biệt! Hãy ca tụng công đức quý báu của Phật.

**Ca tụng công đức của Pháp.**

**Ba ví dụ về Pháp Ân**

丘井空聚落, *Khâu tỉnh không tụ lạc,*

朽故寂無人, *Hủ cố tịch vô nhân,*

彼岸林泉樂, *Bỉ ngạn lâm tuyên lạc,*

禮法離欲尊. *Lễ pháp ly dục tôn.*

Giếng hoang làng xóm vắng, Vô thường không  
bóng người

Bờ kia suối rừng vui, Lễ pháp Bạc Ly Dục.

• **Tuần tự lấy ba Pháp Ấn để nói công đức của Pháp Bảo.**

Đây là tán thán công đức của Pháp Bảo. Hai câu trên có hai thí dụ; cần giảng giải rõ như sau:

○ **Chư hành vô thường:**

▪ ***Giếng hoang (khâu tỉnh) là thí dụ.***

Có người rảo bước trên cánh đồng hoang, không chú ý, rớt xuống giếng hoang.

May mà, một tay nắm được cái dây khô mọc ven thành giếng nên chưa rơi xuống đáy.

Dưới đáy giếng có bốn con rắn độc, há miệng, lưỡi thò, chờ sẵn anh ta.

Một con chuột đang cắn sợi dây khô, không biết chừng nào đứt.



Ở trong tình cảnh nguy cấp này, người ấy ngược lên nhìn sợi dây thấy có mật ong đang nhỏ xuống. Anh ta lè lưỡi liếm lấy, bèn quên hết cảnh nguy hiểm này!

Thậm chí, bầy ong bay quanh đốt anh ta; anh ta đang hưởng thụ mật ngọt, bỗng quên hết.

▪ ***Giảng rõ thí dụ.***

- ✓ Nói về khổ sở bức bách, mỏng manh của vô thường.

Đây là nói: chúng sanh ở trong cảnh đồng hoang sanh tử đều do Nghiệp Lực Chiêu Cảm Của Thân Năm Uẩn này.

Sợi dây khô chỉ cho mạng căn.

Con chuột đang gặm nhấm sợi dây khô, giống như sự bức bách của vô thường. Một hơi thở, một hơi thở tiếp nối đi qua là trở thành quá khứ và mạng căn sẽ giảm dần, ngắn dần.

Bất luận là giếng hoang, dây khô, chuột gặm đều là thí dụ về cái khổ bức bách của vô thường, cho nên nói là hủ cố (nguyên nhân, lý do dẫn đến mục rỗng).

Bốn con rắn là thí dụ bốn đại: Bốn đại không điều hoà sẽ đưa đến bệnh hoạn cho đến chết như vết thương do rắn độc cắn.

✓ Vì dục lạc mà thờ ơ với cái khổ to lớn về sanh tử.

Mật ong ví như năm dục khoái lạc. Con người ở trong khổ bức bách của sống chết vô thường, hưởng thụ được chút ít Dục Lạc, liền quên bẵng; không còn quan tâm đến bày ong đến đót, cũng như không quan tâm đến cái Quả Khổ của năm dục đem đến. Cái khổ lớn nhất là sống, chết, thế mà, chưa đủ làm cho chúng sanh cảnh giác, thì quả thật cực đại!

○ Các pháp không có ngã

▪ *Thí dụ thôn xóm vắng hoe*

Thôn xóm vắng hoe là thôn xóm không có người ở, cho nên nói là tịch vô nhân.

Có người muốn trốn chạy hình phạt của quốc vương, trên đường đi, đến một thôn xóm không có người ở. Anh ta muốn ở đó một đêm, rồi sẽ đi tiếp. Bỗng nghe tiếng người nói: Đi đi! Đó là tiếng kẻ ăn trộm đến ở vùng này. Nếu gặp phải kẻ trộm, e rằng sẽ tán thân mất mạng chẳng!

▪ *Giải rõ thí dụ.*

✓ Từ cửa sáu căn không có ngã (thật) khởi lên thức Hữu Lâu rồi đọa lạc.

Điều này nói rằng có người muốn thoát ly sự khống chế của ma vương, tu học Phật Pháp; có người thất bại ngay ở cửa của sáu căn.

Thôn xóm vắng tênh giống như sáu căn. Sáu căn: Kiến, Văn, Giác, Tri (Cái mà nhãn thức chứng thực là Kiến; cái mà nhĩ thức chứng thực là Văn; cái mà Tỷ, Thiệt, Thân chứng được là Giác; cái mà ý thức chứng thực là Tri). Thông thường cho đó là có cái tự ngã ở trong nhưng thật ra không có tự ngã (không có cái gọi là người) có thể được. Đây là sáu căn không có ngã. Xúc đối với cảnh giới sáu trần phát khởi sẵn thức hữu lậu giống như đạo tặc.

Sáu thức chu du sáu căn không nên khởi lên tham lam, sân hận, vô vàn phiền não cướp mất công đức, pháp tài. Vì lý do này mà chúng sanh rơi xuống đường ác.

- ✓ Tóm lại, nguyên nhân muốn ra khỏi ba cõi do ma vương thống trị, người tu học Phật pháp, cốt là không nên để cho sáu căn lừa gạt mà nên hướng thẳng về phía trước để đến được cảnh giới an toàn.
- ***Niết bàn vắng lặng.***
- ✓ Thí dụ: suối rừng ở bờ bên kia.

Trên đã nói đến cuộc chạy trốn một cách khó khăn, lìa bỏ xóm làng vắng tênh mà đạo tặc lại tới; để đi thẳng đến biên thủy của một quốc gia, lại bị một con sông lớn chặn bước chân; nhưng bị người rượt theo bắt lại. Khi sắp sửa đuổi kịp, lúc ấy ông ta thấy từ xa bờ của con sông lớn mà không thuộc lãnh thổ

của quốc vương mà lại có rừng xanh, suối chảy bao quanh nên càng an toàn, khoáng lạc. Ông ta không để ý gì nữa, bèn bơi qua sông lớn. Đây mới là cuộc thoát ly sự lo sợ của tử thân, mới thật là nghỉ ngơi khả dĩ.

- ✓ Niết bàn Bờ Bên Kia mới thật là sự an vui, vắng lặng chân chánh.

Thí dụ này nói rằng người học Phật chớ để sai lầm của sáu căn lừa gạt mà phải vượt qua con sông lớn sóng chết. Đây mới là ra khỏi cảnh giới của ma vương, đến bờ bên kia là Niết Bàn, mới có thể hưởng thụ được niềm vui vắng lặng của bất sanh bất diệt, mới đến được cảnh giới an nhàn hoàn toàn.

### • **Giải rõ về Niết Bàn.**

- *Niết Bàn cảnh giới rốt ráo của tất cả các bậc thánh.*

Từ “*Chư hành vô thường, chư pháp vô ngã*”, cho đến “*Niết Bàn tịch tịnh*”. Đây là Tam Pháp Ấn là ba chân lý chủ yếu của Phật pháp. Nhưng Niết Bàn lại thông qua Vô Thường, Vô Ngã mà thật hiện, là chỗ trở về rốt ráo của tất cả bậc thánh. Đây chính là Pháp Bảo mà chúng ta cần quy y kính lễ.

- *Niết Bàn được kính trọng hơn hết trong tất cả pháp ly Dục.*

Nếu thế tục tu tập thiên định cũng có thể ra khỏi phiền não một phần nào đó. Thì đó là Dục. Nhưng bậc Tam Thừa, do Trí Huệ chúng được Niết Bàn mới là

xa lìa Dục một cách rốt ráo. Ở trong tất cả pháp, xa lìa Dục thì Niết Bàn là vô cùng tôn kính và hơn hết, cho nên gọi là Ly Dục Tôn.

**Nương đạo đi vào Niết Bàn.**

正法妙難思, *Chánh pháp diệu nan tư,*  
 善淨常安樂, *Thiện, Tịnh thường an lạc,*  
 依古仙人道, *Y cổ tiên nhân đạo,*  
 能入於涅槃. *Năng nhập ư Niết Bàn.*

Chánh pháp vi diệu khó nghĩ suy,  
 Thiện, Tịnh luôn luôn được an lạc,  
 Dựa vào đạo của các bậc Tiên Nhân xưa,  
 Có thể tu chứng vào Niết Bàn.

• **Tóm tắt thẳng đức Niết Bàn.**

○ **Niết bàn là nơi trở về, là cảnh giới Tự chứng.**

Niết Bàn là nơi quy y của tất cả các bậc Thánh, của tất cả người học Phật. Vì trình độ chứng ngộ, thể nhập Niết Bàn không giống nhau nên có Hữu Dư Niết Bàn, Vô Dư Niết Bàn, Đại Bát Niết Bàn... khác nhau. Thật ra, Niết Bàn chính là Chánh Pháp. Chánh Pháp là cảnh giới tự chứng vi diệu, khó nghĩ bàn, cho nên nói: 如人飲水, 冷暖自知 Như người uống nước; nóng, lạnh tự biết.

○ **Nói rõ bốn đức của Chánh Pháp: Thiên, Tịnh, Thường, Lạc.**

Chánh Pháp là Thiên, đây là tuyệt đối hoàn thiện với ý nghĩa vượt trội.

Tịnh: vì Chánh Pháp không bị ô uế bởi tạp nhiễm của phiền não, cũng không bị duyên khởi bởi phiền não tạp nhiễm, cho nên gọi là Thanh Tịnh (trong veo).

Thường: Chánh pháp siêu việt tánh chất của thời gian, bất sanh bất diệt, xưa nay như thế.

An lạc: Đó là không còn sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não; đó là trạng thái an lạc tuyệt đối, lìa xa mọi ràng buộc.

Tóm lại, chánh pháp không thể nghĩ bàn, công đức cũng bất khả tư nghì.

● **Nương con đường xưa đi vào Niết Bàn**

○ **Chánh pháp chính là Niết Bàn**

Dựa vào cảnh giới trí huệ mà gọi là Chánh Pháp.

Như nói từ trí huệ mà chứng nhập Chánh Pháp, ấy là được tự do chân chánh nên gọi là Niết Bàn, vì vậy, Chánh Pháp chính là Niết Bàn.

○ **Theo đường cổ tiên nhân thì có thể vào Niết Bàn**

Chỉ cần đi theo con đường chân chánh của chư Phật, đại tiên nhân thời quá khứ thì có thể chứng nhập vào Niết Bàn giải thoát. Nói con đường cổ tiên nhân đi, kinh A Hàm và kinh Lăng Già... đều có đề cập đến.

Bởi vì Chánh pháp, từ xưa đến nay, là như thế, là con đường chân chánh tu hành có thể vào Niết Bàn, cũng là xưa nay như thế.

Tất cả chư Phật ở quá khứ, không có vị nào không đi qua con đường chân chánh này mà vào được Niết Bàn. Đây không phải là con đườngdo Phật Thích Ca tạo ra, mà là con đường đã có sẵn của chư vị cổ Phật, cho nên gọi là Cổ đạo (con đường đã có lâu rồi). Trên là ca tụng công đức của Pháp Bảo.

### **Ca tụng công đức Tăng Già.**

#### **Bản chất Tăng Già**

依法以攝僧, *Y Pháp dĩ nhiếp Tăng,*

和樂淨為本, *Hòa, Lạc, Tịnh vi bản,*

事和或理和, *Sự hoà hoặc Lý hoà,*

禮僧眾中尊. *Lễ Tăng chúng Trung Tôn.*

Dựa vào pháp nhiếp trì Tăng, Lấy Hòa, Lạc, Tịnh làm gốc,  
Thấy rõ Sự và Lý, Kính lễ Tăng chúng là Trung Tôn.

- **Nguyên tắc nhiếp trì Tăng.**

- **Ý nghĩa Tăng Già.**

Phật Thích Ca thành Phật, thuyết pháp, có nhiều đệ tử xuất gia. Vì vậy, Phật tổ chức Tăng Già hay gọi tắt là Tăng. Tăng là một nhóm người, là một đoàn thể có tổ chức, có kỷ luật, cho nên dịch là Hòa Hợp Tăng.

- **Dựa pháp nhiếp trì Tăng.**

Phật dựa vào cái gì để tập hợp tăng chúng? Không phải là dựa vào tài năng của mình, cho nên, Phật nói “*Ta không nhiếp thọ chúng*”.

Phật dựa vào Pháp nhiếp trì người khác, khiến họ thành Tăng Già.

- ***Pháp là con đường chân chánh của đời người, là Niết Bàn cứu cánh.***

Phật dùng Pháp này chiêu cảm mọi người, để mọi người vì đại sự nhân sanh mà tập hợp lại để nương tựa vào nhau.

- ***Pháp là chế độ có luật pháp, quy chế của chánh đạo, thích hợp với đời sống của con người, có quy tắc của chánh đạo.***

Phật dựa vào pháp là hoàn toàn đúng đắn, tốt đẹp của nơi chôn trụ xứ giữa cá nhân và tha nhân, thiết chế quy luật, tổ chức cho mọi người.

- **Đặc sắc quy chế giới luật của Tăng đoàn**



Dựa vào Pháp mà tổ chức Tăng chúng, dùng ba đặc sắc: **Hòa, Lạc, Tịnh** làm căn bản

○ **Hòa hợp:**

Hòa hợp có hai: Sự hòa và Lý hòa.

Sự hòa có sáu gọi là **Lục hòa**.

Thực chất của Tăng đoàn có ba hòa: **Kiến, Giới, Lợi**.

Kiến hòa đồng giải: Về kiến giải, đại chúng đi đến nhất trí với nhau. Đây là tư tưởng thống nhất.

Giới hòa đồng tôn: Về giới luật, đại chúng phụng hành như nhau. Đây là quy chế chung.

Lợi hòa đồng quân: Về mọi thọ dụng cho đời sống của đại chúng đều giống nhau. Đây là sự công bằng về kinh tế.

Sự hòa đồng về tư tưởng, quy chế, kinh tế là thực chất của Tăng đoàn Phật giáo.

Ba biểu hiện của Thân, Tâm: **Thân, Ngũ, Ý** hòa hợp.

Đời sống biểu hiện của Thân, Tâm dưới một hình thức nhất định. Đó là Thân hòa cộng trụ; Ngũ hòa vô tránh; Ý hòa đồng duyệt.

Lục hòa này, Tăng chúng xuất gia phải nhất trí phụng hành.

Lý hòa là **cùng chúng Niết Bàn**.

Nếu chỉ có sự hòa là Phàm Tăng; Lý hòa nữa mới là thắng nghĩa tăng.

Chỉ vì, Phật Thích Ca ở cõi ta bà dựa vào Pháp tu phục Tăng để trở thành lực lượng trung tâm của Phật giáo, vì vậy sự hòa được đề cao.

### ***An lạc.***

Trong đoàn thể Tăng chúng cốt ở tại Sự Hòa hay Lý Hòa thì thân tâm của chúng mới an lạc, mới siêng năng tu hành.

### ***Thanh tịnh.***

Ở trong Tăng đoàn hòa đồng, vui vẻ, giúp nhau cố gắng, nhắc nhở; nếu có phạm giới cũng mau chóng sám hối cho trong sạch; Tăng đoàn, nhờ vậy, giữ được vững chắc hoàn toàn. Phật dạy chư Tăng luôn nhớ gìn giữ Tăng Đoàn hoàn hảo.

#### ○ **Tăng đoàn Phật giáo là đáng tôn trọng nhất.**

- ***Tăng sỹ là bậc trong thì tu tập theo lời Phật dạy, ngoài thì hoằng dương Phật pháp.***

Dựa vào tự tu đạt được thân, tâm thanh tịnh mà nói thì Tăng Đoàn khiến cho chúng ta có được nhân duyên thù thắng để được an lạc và thanh tịnh. Đây là cái lò lớn hun đúc nên bậc Hiền, Thánh.

Dựa vào lợi tha bằng cách hoằng dương pháp Phật mà nói, thì Tăng đoàn là lực lượng tập thể để giữ vững và thúc đẩy Phật Pháp tiến lên.

- ***Tăng đoàn Phật giáo là đoàn thể rất đáng tôn kính.***

Tăng già là một trong ba ngôi báu. Đệ tử của Phật nên nương tựa, tôn kính, lễ bái Tăng Già.

- **Sáu lý do để đức Phật thiết lập giới luật làm pháp tắc để nhiếp phục Tăng già:**

- ***Động cơ.***

1. Hòa hợp: thu phục, nuôi dưỡng Tăng.
2. An lạc: khiến cho Tăng an lạc.
3. Thanh tịnh: Làm người không biết xấu hổ, cảm phục; người có tâm quý được an ổn, vững vàng.

- ***Mục đích:***

4. Ngoại hóa: Người không tin Tam Bảo, phát tâm tin; người có chánh tín lợi ích được tăng trưởng.

5. Nội chứng: Ở trong pháp hiện tại mà chứng được Trí Lưu Tận; chưa sanh phiền não, làm cho không sanh (vô sanh Trí: Trí làm cho phiền não không sanh).

- ***Mục đích cuối cùng.***

6. Lý tưởng cứu cánh: Chánh pháp trụ thế lâu dài

**Công năng của Tăng già:**

敬 僧 莫 呵 僧, *Kính Tăng mạc ha Tăng,*

亦莫衡量僧, *Diệc mạc hoành lượng Tăng,*  
 隨佛修行者, *Tùng Phật tu hành giả,*  
 住持正法城. *Trụ trì Chánh Pháp thành.*

Kính Tăng chớ mắng Tăng, Cũng chớ so sánh Tăng,  
 Bậc theo Phật tu hành, Là thành bảo hộ chánh pháp.

• **Đặc biệt, thái độ Phật tử tại gia khi nói chuyện với chư Tăng.**

Tăng bảo là đối tượng quy y của Phật tử tại gia, vì vậy, nói bài tụng này dành riêng cho tín đồ tại gia.

○ **Cung kính chư Tăng, chớ có nặng lời.**

▪ **Cung kính chư Tăng.**

✓ Nên bằng tam nghiệp kính lễ, tứ sự cúng dường Chư Tăng.

Tín đồ tại gia phải tôn kính Chư Tăng bằng tâm thành, bằng ngôn ngữ lễ phép, bằng thân lễ bái.

Vâng lệnh theo ý tứ của Chư Tăng, phục vụ cho các vị Tỳ Kheo, tùy theo nhu yếu của chư Tăng như: y phục, ẩm thực, thuốc men, giường chiếu, các loại cúng dường cần thiết từng ngày.

✓ Cung kính với chư Tăng, công đức khó có được.

Đối với chư Tăng, quan trọng nhất là không sanh tâm khinh mạn. Phật tử hiện đại, tâm tin kính Phật,

Pháp vẫn còn, nhưng tin kính chư Tăng thì giảm nhiều. Hoặc là chỉ tin kính thầy mình quy y hay kính một vài vị mà thôi. Như thế là quy kính Tam Bảo không đầy đủ, khó lắm, công đức đối với Phật, Pháp ít có; không dễ sanh trưởng được.

▪ ***Chớ nặng lời với chư Tăng.***

✓ Việc của Tăng do Tăng giải quyết.

Tăng chúng nhiều như thế, đương nhiên, có thánh Tăng, có phạm Tăng có giữ giới trong sạch, có phạm giới bất tịnh. Đệ tử tại gia chúng ta, nếu thấy có vị không thanh tịnh, không đúng pháp, cũng nên chấp nhận; đây là công việc của người xuất gia để cho Tăng Đoàn căn cứ vào giới luật xử lý, chớ có tùy tiện huỷ báng toàn thể Tăng Đoàn, hay một, vài vị. Tín đồ phải thật lòng hộ pháp, có thể đề xuất ý kiến lên tăng đoàn để xử lý.

✓ Theo lời Phật dạy, chớ gây tội ác.

Dựa vào lời Phật dạy thì không xảy ra những việc đã nói, đưa đến phạm tội. Quốc pháp cũng không thể tùy tiện xử phạt.

○ **Chớ so sánh, chi ly với Chư Tăng.**

▪ ***Đối với Chư Tăng không nên phân biệt mà tất cả đều bao dung.***

Đã là một vị xuất gia thì trở thành một thành viên của Tăng Đoàn, chớ có phân biệt nhiều về: Tuổi tác;

nam nữ; trình độ học vấn; siêng năng hay lười biếng; giữ giới hay phạm giới; cùng quê hay khác quê.

Đã là thành viên của Tăng Đoàn đều phải tôn trọng, cung kính và bố thí. Vì Tăng Đoàn giống như biển cả dung chứa tất cả, từ thấp nhất đến cao nhất.

- ***Chớ lấy điều mình không thích mà hoạch họ Tăng Đoàn.***

Nhưng trong đời có nhiều hạng người hoặc trọng trì giới hoặc trọng thiên định hoặc trọng tụng niệm hoặc trọng oai nghi hoặc trọng học hỏi nghĩa lý. Do đây, nảy sanh phân biệt, sai lầm, rồi nói tốt, nói xấu; người này hơn, người kia kém; ủng hộ người này, phản đối người kia. Tín đồ chúng ta chớ có bằng tâm bất bình đẳng mà hoạch họ Tăng Đoàn.

- ***Công đức của Tăng chúng không thể lấy già, trẻ làm chuẩn mực để so sánh.***

Công đức của Tăng chúng không thể có nhận thức như nhau. Đa số coi trọng tuổi cao, xem thường tuổi trẻ. Đâu biết rằng “*tuổi trẻ tài cao*”. Ngược lại, có vị lụm khụm, da nhăn tóc bạc; sáu căn quờ quạng; ham muốn thọ dụng nhiều mà khả năng hoằng dương chánh pháp chẳng bao nhiêu thì, đâu có gì hệ trọng đối với công đức của Phật Pháp.

- **Sứ mệnh của Tăng Đoàn**

- *Từ trước đến giờ, tiếp nối giữ gìn Phật Pháp là Tăng Đoàn.*

- *Tuy có khác nhau nhưng đều là những người theo Phật tu hành.*

Tín đồ đối với chư Tăng nên tôn trọng, tin tưởng. Đã là xuất gia thì thuộc về Tăng Đoàn, tuy trình độ rất khác nhau nhưng đều là người theo Phật tu hành.

- *Nhân duyên của chúng xuất gia để giữ gìn ba ngôi báu.*

Chỉ vì có chúng xuất gia mới có tự, viện; mới có tượng Phật, mới có kinh sách; mới có ba ngôi báu đáng tôn kính. Từ trước đến giờ, Phật, Pháp đều do Tăng Đoàn tiếp nối.

- *Tăng chúng tuy có khác nhau, nhưng đều là nhân tố giữ gìn Chánh Pháp.*

Nguyên nhân đưa đến phân biệt là vì sự khác nhau, không sao tránh khỏi, là trong hàng Tăng chúng có cao, thấp; hơn, kém; phạm thánh nhưng nói chung, tất cả sức mạnh của Tăng Đoàn đều giữ gìn Chánh pháp của Như Lai, kiên cố như thành đồng vách sắt, ngăn chặn thiên ma, ngoại đạo phá hoại.

○ **Chư Tăng là phước điền của trời, người nên kính mến và cùng nhau hợp lực giúp đỡ.**

Nhiều người hiểu ra rằng chính mình có lòng tin tưởng đầu tiên đối với Phật Pháp hay có sự hứng thú đầu tiên, không nhất định đều là bậc hiền, thánh đâu! Lý do nói rằng Tỳ Khưu phá giới mà vẫn mặc áo cà sa, vẫn là ruộng phước của trời người. Lòng chân thành của tín đồ tại gia là phải tôn kính đặc biệt Tăng Đoàn; phải ái mộ, giúp đỡ Tăng Đoàn; phải yểm trợ sự hoà hợp, an lạc; thanh tịnh cho Tăng Đoàn: nhất thiết không được nói xấu, trách móc hay dùng quyền lực tạo nên tranh chấp trong Tăng Đoàn.

○ **Thái độ của Phật đối với Chư Tăng có thể làm lời răn dạy cho chúng tại gia.**

Khi Phật còn tại thế, Tăng già đã phát sanh tranh chấp, Phật luôn luôn không chấp nhận: chia Tăng đoàn hai bộ (Thượng Toạ độ, Đại Chúng bộ). Đối với tín đồ, Phật nói: Đây đều là Tăng thì đều nên cúng dường. Bởi vì: 如破金杖為二分，二俱是金： Nếu bẻ cây trượng bằng vàng thành hai phần, thì hai phần ấy đều là vàng (Tứ Phần Luật, quyển 43). Đây là lời dạy của Phật cho Phật tử tại gia luôn luôn canh cánh bên mình: luôn nhớ ca tụng công đức Tăng Bảo.



*b. Phân chia Tam Bảo.*

三寶真實德, *Tam Bảo chân thật đức,*  
 無漏性清淨, *Vô lậu tánh thanh tịnh,*  
 化世真亦俗, *Hoá thế chân diệc tục,*  
 佛法得長存. *Phật pháp đắc trường tồn.*

Đức chân thật của Tam Bảo, Tánh vô lậu trong veo,  
 Dạy đời cả Chân và Tục, Phật pháp được dài lâu.

- **Tam Bảo thế tục.**

- **Trụ trì Tam Bảo.**

Tam Bảo là đối tượng chúng ta quy y. Trong tất cả tôn giáo đều có giáo chủ, giáo lý, tín đồ. Tam bảo thì vô cùng viên mãn thanh tịnh. Nhưng tượng Phật và Tăng chúng thì không phù hợp với ý nghĩa như thế đâu! Đây là điều nên biết: Như Phật giáo hiện tại.

- ***Nội dung của trụ trì Tam Bảo.***

Tượng Phật hoặc bằng ngọc, vàng, đá, đồng, gỗ, giấy; Pháp là tam tạng kinh điển hoặc ý nghĩa được giảng giải của các bậc cổ đức xưa nay; Tăng là chúng xuất gia.

- ***Dựa vào trụ trì Tam Bảo để hướng về chân thật Tam Bảo.***

Khi gọi là trụ trì Tam Bảo, sau khi Phật diệt độ, Tam Bảo là Phật giáo lưu truyền ở thế gian. Dựa vào đây mà quy hướng đến Tam Bảo chân thật.

○ **Hóa tướng Tam Bảo.**

▪ ***Nội dung hoá tướng Tam Bảo.***

Khi Phật Thích Ca ra đời, Phật Thích Ca là Phật Bảo.

Phật khai thị giáo thuyết: Tứ Đế, Duyên Khởi, Niết Bàn... là Pháp Bảo.

Phàm chúng, Thánh chúng theo Phật xuất gia là Tăng Bảo.

▪ ***Dựa vào hóa tướng Tam Bảo để hướng về tất cả Tam Bảo ở mười phương.***

Hóa tướng Tam Bảo này là khi Phật xuất hiện giáo hóa thế gian, dùng ba tướng này làm Tam Bảo. Dựa vào đây mà quy hướng tất cả Phật, Chánh pháp, tất cả hiền thánh Tăng trong mười phương mà cung kính, cúng dường.

- **Tóm lại,** Tam Bảo hóa tướng và Tam Bảo trụ trì là hình tướng cụ thể Phật giáo ở thế gian. Lấy đây làm đối tượng quy y, theo đó, càng đi vào sâu hơn trên đường tu tập để đến Chân Thật Tam Bảo.

● **Tam Bảo chân thật**

- **Tam Bảo chân thật, có hai:**

- ***Tam Bảo vô lậu:***
  - ✓ Phật Bảo vô lậu: Phật trí là công đức vô lậu của Phật. Dựa vào Thanh Văn Thừa mà nói thì Phật có năm phần pháp thân: **Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến**. Dựa vào Đại Thừa mà nói thì Phật đủ bốn trí vô lượng, tất cả công đức vô lậu được thu nhiếp vào Bồ Đề.
  - ✓ Pháp Bảo Niết Bàn: Chánh Pháp hoặc Niết Bàn là Pháp Bảo.
  - ✓ Tăng Bảo Vô Lậu: Tăng Bảo là công đức vô lậu của bậc hữu học, vô học. Dựa vào Thanh Văn Thừa mà nói thì công đức vô lậu của bậc Tứ Song, Bát Bối. Dựa vào Đại Thừa nói thì công đức vô lậu của Bồ Tát gồm cả Thanh Văn, Bích Chi Phật.
- ***Tam Bảo Thanh Tịnh.*** Theo giáo lý Đại Thừa mà nói:
  - ✓ Phật Bảo là Viên Mãn Thanh Tịnh Pháp Giới; là hiển lộ Pháp Giới Thanh Tịnh viên mãn tột cùng (bao gồm Cả Thể, Tướng, Nghiệp dụng).
  - ✓ Tăng Bảo là phần nhỏ của pháp giới thanh tịnh; là pháp giới thanh tịnh hiển lộ được phần nhỏ.

- ✓ Pháp Bảo là pháp giới không tăng, giảm, không phân biệt làm hai, là pháp giới khắp mười phương mà không tăng, không giảm; không hai không khác (còn gọi là Chân Như, Thật Tướng...).

Thường gọi là Nhất Thể Tam Bảo, Lý Thể Tam Bảo, Thường Trụ Tam Bảo; ý nghĩa như nhau, tên gọi khác thôi.

○ **Tam Bảo chân thật thì Tánh Tịnh, vô lậu:**

- **Ý nghĩa vô tận:** Để gọi là công đức chân thật Tam Bảo thì phải vô lậu; thì phải không cùng tương ứng với phiền não, tạp nhiễm; cũng không duyên khởi bởi phiền não, tạp nhiễm.
- **Ý nghĩa tánh tịnh:** Tánh thanh tịnh.

Công đức hữu vi của vô lậu gọi là Thanh Tịnh.

Công đức vô vi, không những thanh tịnh là xa cầu nhiễm mà, ở trong tạp nhiễm, cũng vẫn có Bản Tánh Thanh Tịnh.

- **Nơi chân thật quy y là Vô Lậu Tánh Tịnh.**

Tam bảo vô lậu tánh tịnh mới là nơi chân chánh quy y.

- **Nương tựa hướng về chân.**

○ **Phương pháp học tập là nương Tru trì Tam Bảo hướng về Chân thật Tam Bảo.**

Chỉ vì, theo Phật pháp dạy bảo, hướng dẫn thế gian, đem lại lợi ích cho chúng sanh mà nói không chỉ nên quy y công đức chân thật Tam Bảo mà cũng nên quy kính sự tương trụ trì Tam Bảo của thế tục (Phật xuất hiện ở đời là Tam Bảo hiện tượng giáo hóa chúng sanh).

Bởi vì, chỉ quy y thế tục Tam Bảo thì không sao tránh khỏi hình thức sùng bái. Nhưng chỉ tôn trọng Tam Bảo thắng nghĩa, chân thật thì cũng không thể tránh khỏi ý nghĩa cao sâu mà, phần đông khó thấu hiểu được.

Sở dĩ phải quy y hiện thật Tam Bảo trụ trì là vì, nhờ đây mà, hướng thẳng đến Tam Bảo chân thật. Phật giáo trọng thị Tượng Giáo (giáo lý được biểu thị qua hình tượng cụ thể).

Lý do của nó là ở đây.

○ **Sự, Lý vô ngại thì Phật pháp mới trường tồn.**

Trụ trì Tam Bảo là biểu tượng, nhờ đây, mà công đức chân thật Tam Bảo mới hiển lộ. Từ đây mới có thể thâm nhập từ cạn vào sâu giáo pháp của Phật Đà: Sự, Lý vô ngại Pháp Phật mới lâu dài, mới là nơi cứu khổ, gia hộ, là nơi làm thành ruộng phước cho tất cả chúng sanh.

### 1.3. Nghi thức quy y

#### 1.3.1. Nghi thức

自 誓 盡 形 壽,      *Tự thệ tận hình thọ,*  
 歸 依 佛 法 僧,      *Quy y Phật Pháp Tăng,*  
 至 心 修 供 養,      *Chí Tâm tu cúng dường,*  
 時 念 諸 勝 利.      *Thời niệm chư thắng lợi.*  
 Tự thệ hết đời này,      Quy y Phật, Pháp, Tăng,  
 Chí tâm tu, cúng dường,      Luôn nhớ tám công đức.

- **Quá trình nghi thức thọ Tam Quy.**

- **Tịnh tâm sám hối.**

Tam bảo Phật, Pháp, Tăng hoàn toàn thanh tịnh, đầy đủ công đức, cho nên, là nơi chân chánh quy y.

Thọ quy y, trước hết, cần cầu sám hối, sanh tâm cung kính, thanh tịnh.

- **Tự nói lời thệ nguyện.**

Quy trước mặt Bồ Sư, theo lời thầy dạy, tự mình phát lời thệ nguyện rằng:

Con là đệ tử (*tên họ*) suốt đời xin quy y Phật, bậc Lương Túc Tôn.

Trọn đời quy y Pháp, bậc Ly Dục Tôn.

Trọn đời quy y Tăng, Bậc Chúng Trung Tôn (*3 lần*)

Xin đại đức ghi nhớ cho, từ bi hộ niệm, con là ưu bà tắc (*ô ba sách ca*) họ tên, suốt đời hộ trì Tam Bảo và xin được gia hộ.

Con đã quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi; quy y Tăng rồi (3 lần) (dựa kinh Đại Danh và Luật thuyết).

- Trọn cả một đời.

Đã phát nguyện thọ trì Tam Bảo, đâu còn e ngại hai đầu sanh, tử, cũng không thể nào giữa đường hồi tiếc. Đó là nói vậy thôi, cũng không thể nói: Tôi không tin Tam Bảo hay nói tôi không phải là đệ tử của Tam Bảo. Nếu quy y rồi lại buông bỏ thì, đời đời kiếp kiếp, chịu khổ vô cùng. Vì vậy phải nhớ kỹ Thệ nguyện: “*quy y Tam Bảo suốt đời*”

- **Phương thức cúng dường Tam Bảo.**

- **Cúng dường bằng tâm thái: Chí thành, tôn kính.**

Đã quy y Tam Bảo, tu tập và cúng dường phải bằng tâm chí thành. Khi đối trước tượng Phật (tháp Phật), kinh điển, Tăng chúng phải cực kỳ trang nghiêm, thanh tịnh, không được xem thường mà phải sanh tâm tôn kính.

- **Nội dung Cúng dường:**

Cúng dường Phật như lễ bái, ca tụng, đi nhiễu; hương, hoa, âm nhạc, đèn, cờ, phướn, bảo cái... tất cả đều thật trang nghiêm.

Cúng dường Pháp như viết kinh, in kinh, sửa sang kinh điển hư cũ; lầy hương, hoa cúng dường.

Cúng dường Tăng như y phục, ẩm thực, toạ cụ, thuốc thang, vật dụng hằng ngày, chớ cúng dường vật phẩm không đúng quy định trong giới luật của Phật chế.

○ **Cúng dường cao nhất là làm đúng lời Phật dạy.**

Cúng dường cao nhất, không phải là rập khuôn theo giáo pháp của Như Lai mà phải theo lời chỉ đạo của chúng tăng để phụng hành thiết thật nhất.

● **Tu tập để thành tựu tín tâm.**

○ **Tu hành sáu thời mỗi ngày đêm.**

Phật giáo đồ ở nước ta đều tu theo hai thời khoá tụng sáng, chiều, thời gian khá dài. Tín đồ tại gia bận nhiều việc, có ít nhiều không thích hợp. Tốt nhất, theo cách của Ấn Độ tu hành sáu thời: Ngày ba, đêm ba.

○ **Luôn nhớ công đức của Tam Bảo.**

Khi đã quy y Tam Bảo, cần phải luôn luôn nhớ đến công đức vượt trội của Tam Bảo, như: Thành đệ tử của Phật; Giới luật đã thọ; Nghiệp chướng giảm nhẹ; phước đức có được thêm nhiều; không đi theo đường ác; Người và phi nhân đều không thể quấy phá; Tất cả việc tốt đều thành công; Thành được Phật đạo.

Nếu luôn luôn nhớ đến vô số công đức Tam Bảo mà tu tập thì, đối với việc tu học Phật đạo, tín tâm thành tựu, mà còn có được công đức hy hữu. Đó không phải là việc dễ gì có được.



### 1.3.2. Công đức:

此 歸 依 最 尊, *Thử quy y tối tôn,*  
 此 歸 依 最 勝, *Thử quy y tối thắng.*  
 不 由 餘 歸 依, *Bất do dư quy y,*  
 得 樂 得 安 隱. *Đắc lạc đắc an ổn.*

Quy y này tôn kính nhất Quy y này vượt trội nhất.  
 Không còn quy y nào khác, Được vui và an ổn.

- **Ca tụng Tam Bảo.**

Như trên đã nói: Trong tất cả quy y, thì quy y Tam Bảo là tối tôn, tối thắng. Nếu chân thành cầu quy y, đương nhiên, phi quy y Tam Bảo Phật giáo, là không thể.

### 1.4. Thể tánh của quy y.

所 說 歸 依 者, *Sở thuyết quy y giả,*  
 信 願 以 為 體, *Tín nguyện dĩ vi thể,*  
 歸 彼 及 向 彼, *Quy bỉ cập hướng bỉ,*  
 依 彼 得 救 濟. *Y bỉ đắc cứu tế.*

Ý nghĩa của quy y, Lấy Tín, Nguyện làm thể.  
 Trở về, hướng theo đó, Nương đó được cứu tế.

- **Quy y lấy Tín, Nguyện làm Thể.**

Yêu cầu, đối tượng, nghi thức của quy y đều đã nói qua. Nhưng ý nghĩa (sở thuyết) của quy y, rốt cuộc là gì?

○ **Tin sâu công đức của Tam Bảo:**

Khẩn cầu Tam Bảo gia trì.

Tha thiết tín thuận. Tin rằng đã có được chỗ quy y chân xác. Đúng là nhân này sẽ sanh ra vô vàn công đức. Biết rằng công đức của Tam Bảo như thế mới lập nguyện trở thành đệ tử của Phật rồi tín thọ phụng hành; khẩn cầu oai đức Tam Bảo gia trì, nhiếp thọ. Quy y chính là lấy **tâm tín nguyện này làm thể tánh**.

○ **Đem cả thân, tâm này thuộc về Tam Bảo; chứ không phải thiên ma, ngoại đạo.**

Lý do khi đã quy y rồi thì đem cả chính tâm, thân mình thuộc về Tam Bảo mà không thuộc về thiên ma, ngoại đạo nữa. Lúc nào, ở đâu cũng đều hướng về Tam Bảo, tâm không bao giờ xao lãng.

○ **Tâm trạng quy y khẩn thiết như đứa bé lạc đường tìm được mẹ.**

Ví dụ như đứa bé lạc đường bơ vơ đứng ở ngã tư đường, xe cộ dập dùi, mỗi lúc càng lo sợ vì nguy hiểm khó lường. Ngay lúc ấy, bỗng gặp được mẹ ngay trước mặt; được mẹ che chở; bình an và ôm vào lòng thương yêu. Tâm trạng quy y Tam Bảo cũng như thế.

● **Chân thành, thiết tha, tín thuận thì được Tam Bảo cứu giúp.**

Nếu được như thế, nương tựa vào oai đức Tam Bảo thì có được sự cứu giúp. Trong tiếng Phạn, từ

**quy y** có nghĩa là **cứu giúp**. Vì vậy công đức, oai lực của Tam Bảo có khả năng gia trì, nhiếp thọ, hướng dẫn người quy y; khiến cho đạt được cảnh dứt khổ, thường vui.

- **Từ sự tín thuận, khẩn cầu của chính mình mà có được sự gia trì, hướng dẫn của Tam Bảo.**

Tóm lại, từ người quy y mà nói: Quy y là lập Tín, Nguyện, Khẩn cầu sự nhiếp thọ, cứu giúp của Tam Bảo.

Từ Tam Bảo là nơi quy y mà nói: công đức, oai lực của Tam Bảo không thể nghĩ bàn, gia hộ, hướng dẫn cho chúng sanh hướng đến cảnh giới chí thiện.

### 1.5. Chân nghĩa của quy y.

若人自歸命,            *Nhược nhân tự quy mạng,*

自力自依止,            *Tự lực tự y chỉ,*

是人則能契,            *Thị nhân tắc năng khế,*

歸依真實義.            *Quy y chân thật nghĩa.*

Nếu người tự quy mạng,    Tự lực tự y chỉ,

Người ấy đã phù hợp,        Nghĩa chân thật quy y.

- **Ý nghĩa tổng quát.**

Trên hội Niết Bàn, lời dạy cuối cùng của Phật cho đệ tử rằng “*Nương tựa vào chính mình, nương tựa vào giáo pháp, không nương tựa bất cứ nơi nào*”.

Đây chính là nói: Đệ tử chúng ta nương tựa vào tự lực, cần phải nương tựa vào chánh pháp để tu tập và không ỷ lại vào bất kỳ sức mạnh nào khác.

Trong kinh Lăng Nghiêm, thầy A Nan nói: “*Chính con, từ khi phát tâm xuất gia, theo Phật, vì ỷ vào oai thần của Phật nên thường tự suy nghĩ: Ta không lo gì tu tập vì nghĩ rằng có Như Lai thương sẽ có Tam Muội, đâu biết thân, tâm không thay thế nhau được*” Tất cả phải dựa vào sự tu tập của chính mình.

- **Ý nghĩa chân thật của quy y.**
  - **Trở về chính mình, làm cho Tam Bảo hiện rõ trong thân, tâm.**

***Ý nghĩa sâu xa của quy y là trở về chính Tâm, Tánh của mình:***

Chính ta có Tánh Phật, chính ta có khả năng thành Phật;

Đương thể của chính thân, tâm chính là Chánh Pháp, Niết Bàn;

Chính ta nương vào Pháp tu hành, tự thân và Tăng già là một thể.

Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng đều không lìa tự thân, đều do thân, tâm của chính mình mà được thành tựu viên mãn.

- **Do nhiếp thọ, gia trì nên tự tâm phát khởi thực hiện.**

Nhìn từ bề ngoài, quy y là tin vào, dựa vào, sự gia trì, nhiếp thọ của tha lực.

Nhìn vào sâu sắc hơn, quy y chỉ là tăng thượng duyên mà, thật ra, là chính thân, tâm của mình phát khởi và thực hiện cho được sự mong muốn của chính mình.

- **Đem thân mạng phụng hiến cho Tam Bảo, nương tựa đúng với ý nghĩa chân thật.**

Lý do nói rằng “Nếu một người nào mà chính mình quy mạng (Mạng là hoà hợp thân và tâm). Quy mạng là đem cả thân, tâm phụng hiến cho Tam Bảo. Nương tựa vào Tự Lực, nương tựa vào chính mình, vào Chánh Pháp mà tu tập và không giống như A Nan là “*Y vào oai thần của Phật mà chính mình không chịu khó tu tập*”. Người như thế mới phù hợp với ý nghĩa chân thật của quy y.

## CHƯƠNG 2: NGHE PHÁP THÂM NHẬP

### ❖ Nghe pháp mới thâm nhập Phật Đạo.

Trên nói về Quy Y Tam Bảo. Sau khi quy y nên nghe nhiều Chánh Pháp thì mới có thể thâm nhập Phật Đạo.

### ❖ Liên quan giữa tu hành và nghe Pháp.

- **Có người cho rằng Phật Pháp cốt ở tu hành, nghe Pháp có ích gì?**

Há không thấy trên hội Lăng Nghiêm, tôn giả A Nan “*Chỉ ham học nhiều nên đạo lực chưa được chu toàn*”. Vì vậy không tránh khỏi nạn ma Đãng Đà sao?

Không biết rằng tôn giả A Nan “*Chỉ ham học nhiều*” nhưng đồng thời không phải là học (nghe).

- **Chủ ý nghe (học) Pháp là để tu học Pháp Phật.**

Tất cả Thánh điển đều nói về tu học Phật Pháp. Không nghe pháp thì không thể tu.

Nếu không học (nghe) thì làm sao hiểu được Liễu Sanh Thoát Tử là gì?

Làm sao hiểu được thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà?

Làm sao biết được sự hướng thượng rõ ràng?

Làm sao biết được Chánh Pháp của Phật dạy?

Nếu tất cả đều không nghe không học thì cũng không thể hiểu được Quy y Tam Bảo là gì?

## 2.1. Nghe Pháp.

### 2.1.1. Bốn loại công đức.

由聞知諸法, Do văn tri chư Pháp,

由聞遮眾惡, Do văn giá chúng ác,

由聞斷無義, Do văn đoạn vô nghĩa,

由聞得涅槃. Do văn đắc Niết Bàn.

Do nghe, biết các Pháp. Do nghe, ngăn được ác.

Do nghe, dứt tà pháp. Do nghe, chứng Niết Bàn.

- **Tất cả công đức trong Phật pháp đều do nghe Pháp mà có.**

Trong thánh điển này có bài tụng khen ngợi công đức nghe Pháp. Có thể nói tất cả công đức trong Phật Pháp đều do nghe Pháp mà có.

#### ○ Từ ba chỗ mà nghe Pháp

Nói đến “nghe Pháp”, Bồ Tát Long Thọ nói: Có ba chỗ nghe: Nghe Pháp từ Phật; Nghe Pháp từ đệ tử của Phật; Nghe Pháp từ kinh điển.

○ **Nghe bằng tai hay đọc kinh sách đều là xuất phát điểm tu học Phật Pháp.**

▪ ***Từ Phật và đệ tử là tai nghe ngôn giáo.***

Nghe Pháp từ Phật và đệ tử là ngôn ngữ khai thị chính mình được nghe, cho nên kinh nói: “*Đây là cách biểu hiện giáo thể chân thật, âm thanh nghe được thanh tịnh tuyệt vời*”. Chỉ vì sau khi Thích Ca Như Lai vào Niết Bàn thì chúng ta chỉ nghe được Pháp từ đệ tử của Phật.

Tuy nhiên, mười phương chư Phật, như Đông phương có Phật Dược Sư, Tây phương có Phật A Di Đà, hiện giờ, vẫn đang thuyết pháp; nhưng vì đối với chúng ta lúc này ở đây, trừ phi đã đọc kinh, nghe pháp, tu hành và có trình độ tương đương thì mới có thể nghe được, còn không, thì không thể thấy và nghe được các đức Phật ấy đang nói Pháp.

▪ ***Đọc kinh luận từ Tam Tạng.***

Từ kinh luận mà hiểu được Pháp, chính là “*Tự mình lấy điển chương của người xưa làm thầy*”. Từ đọc trong kinh luận mà hiểu được Phật Pháp; cho nên, từ nghe được Pháp của đệ tử Phật hay đọc kinh giáo đều gọi là nghe Pháp, học Pháp rồi bắt đầu tu tập.

● **Tóm tắt bốn loại công đức khi nghe Pháp:**

○ **Nhờ nghe, biết được các Pháp.**



Từ nghe Chánh Pháp mới biết được các Pháp.

Các Pháp là gì? Đó là Pháp lành, Pháp ác, Pháp hữu lậu, Pháp vô lậu...

Nghe rồi mới biết được tất cả pháp này; biết rồi thì nên tu tập hay là bỏ.

Lại nữa, Pháp có nghĩa là hợp pháp. Nghe Phật pháp rồi thì biết có vô vàn Pháp lành nên nương theo đó tu học.

○ **Nhờ nghe trừ bỏ tà pháp.**

Nhờ nghe Chánh Pháp nên có thể ngăn ngừa nhiều tội ác; hay là niệm ác trong tâm, hay thấy hành động ác của thân và miệng. Nếu nghe được Chánh Pháp thì biết được cái gì là ác, quả báo ác là gì, rồi đưa đến dứt trừ tâm ác, ngăn ngừa tâm ác khởi lên.

○ **Nhờ nghe Pháp, đoạn trừ tà pháp.**

Do nghe Chánh Pháp mới có thể ngăn chặn, trừ bỏ những cách tu tập vô nghĩa của tà pháp.

▪ ***Tu khổ hạnh và dạy người tu khổ hạnh.***

Tuy có tâm cầu giải thoát, nhưng lại làm đường lạc lối, tu khổ hạnh: không ăn, không nằm, loã hình...; Cho là tu những khổ hạnh này có thể đắc đạo. Những người chính mình tu khổ hạnh, lại còn chỉ dạy cho người khác tu theo.

▪ ***Nghe pháp tránh xa khổ hạnh vô ích.***

Những khổ hạnh này, Phật gọi là làm việc vô nghĩa, không có chút ý nghĩa gì mà, tự làm việc ngu si chuốc lấy cái khổ.

Đã nghe được Chánh Pháp của Phật, tự nhiên lìa xa những khổ hạnh ấy, tu hành theo Chánh Đạo; không rơi vào sào huyệt của ngoại đạo.

○ ***Do nghe được Chánh Pháp mà chúng được Niết Bàn***

Nhờ nghe được Chánh Pháp, như Pháp tu hành. Chúng được Niết Bàn, giải thoát.

Đây chính là tất cả công đức của Phật Pháp. Đó không phải là nhờ nghe theo Chánh pháp mà có được hay sao?

***2.1.2. Lìa xa hai ví dụ, ba sai lầm***

如器受於水,      *Như khí thọ ư thủy,*  
 如地植於種,      *Như địa thực ư chủng,*  
 應離三種失,      *Ứng ly tam chủng thất,*  
 諦聽善思念.      *Đế thính thiện tư niệm.*

Như vật dùng đựng nước, Như mặt đất trồng cây.  
 Nên lìa ba sai lầm, Nghe rõ, suy nghĩ kỹ.

- **Nghe pháp nên nghe rõ, tư duy, ghi nhớ mới có được lợi ích.**

Khi Phật còn ở đời, chỉ bày Chánh Pháp thường chỉ dạy thính chúng rằng “*Nghe rõ, nghe rõ, suy nghĩ thật kỹ*”!

Bởi vì, nếu nghe pháp mà không thể làm như Pháp. Như thế, chẳng có được công đức gì của việc nghe Pháp.

- **Nêu hai ví dụ để làm rõ khi nghe Pháp nên liả bỏ ba thứ sai lầm.**

Bây giờ nêu lên hai ví dụ, rồi sẽ nói rõ khi nghe pháp nên liả bỏ ba thứ sai lầm.

- **Ví dụ vật dụng để đựng như cái lu đựng nước, không được có ba khuyết điểm này.**

**Ví dụ 1:** khi trời mưa, dùng lu đựng nước. Nếu dùng lu chứa nước ấy thì nên tránh ba thứ sai lầm là: vật dụng lật úp, dơ ứ, rò rỉ. Đó là ba sai lầm khi dùng vật dụng đựng nước.

- ***Nếu cái lu úp miệng xuống đất thì nước mưa không rơi vào được.***

Nếu trong lu có chất bẩn, chất độc mà dùng để đựng nước, không những không dùng được mà còn hại đến người.

Nếu cái lu nứt, bể, nước từ từ rò rỉ ra ngoài hết, còn đâu mà sử dụng.

- ***Nghe Pháp nên lia bỏ ba sai lầm, mà nghe rõ, suy nghĩ kỹ thì mới lãnh thọ được Pháp.***

Ví dụ người nghe Pháp thế này:

Không chú tâm (như cái lu úp xuống đất). Nghe như vậy như không nghe.

Tuy có chú tâm nghe mà tâm đã có sẵn thành kiến: hoài nghi, tà chấp (như trong cái lu có chất bẩn, chất độc) thì cho dù có nghe được Chánh pháp cũng không thể sanh công đức được; ngược lại còn sanh ra tội ác do tà kiến, huỷ báng Chánh pháp.

Trong tâm, tuy không có thành kiến, nghi ngờ mà lại tán loạn, công việc bộn bề, lúc quên lúc nhớ. Nghe Pháp như thế, cho dù không có ba sai lầm thì chẳng có công đức gì khi nghe Pháp. Cho nên mới nói: Nên nghe rõ, nên suy nghĩ kỹ, nên ghi nhớ rõ ràng.

- **Ví dụ: trồng cây, giống như đất trồng đối với hạt mầm.**

**Ví dụ 2:** Trồng hạt lúa, đậu trên đất cũng có ba sự sai lầm:

- ***Ấn ý.***

Gieo trên cát, đá thì không thể mọc mầm.

Trồng buộc dây gai xuống đất mà muốn nó mọc mầm, cũng sống không lâu và sẽ héo khô nhanh chóng.

Gieo hạt trên đất tốt và cỏ dại cản trở, cũng không đâm rễ sâu xuống đất, lại bị chim chóc cắn đọt. Nếu gieo hạt như thế thì thu hoạch được gì?

▪ **Tổng hợp pháp.**

Nghe Phật Pháp cũng như thế: nghe Pháp là nghe huân tập, chính là hạt giống tâm pháp xuất thế.

Nhưng nếu không chú ý lãnh thọ; hoặc lãnh thọ mà tâm tạp nhiễm; hoặc tâm, tuy thanh tịnh, nhưng không được bao lâu rồi quên mất.

Nghe pháp như thế thì không có kết quả gì.

Cho nên nghe Pháp mong có lợi ích phải lìa bỏ ba loại sai lầm đó để nghe cho thật rõ, suy nghĩ cho thật kỹ, ghi nhớ cho sâu sắc thì mới có ích lợi.

**2.1.3. Thái độ nghe Pháp.**

病 想 醫 藥 想,      *Bệnh tưởng y dược tưởng,*

殷 重 療 治 想,      *Ân trọng liệu trị tưởng,*

隨 聞 如 說 行,      *Tùng văn như thuyết hành,*

佛 說 法 如 鏡.      *Phật thuyết pháp như cảnh.*

Biết bệnh biết thuốc chữa,      Biết cách chữa trị đúng,

Nghe Pháp, làm chuẩn xác,      Phật nói Pháp chân thật.

• **Nghe Pháp nên biết bốn loại:**

Khi nghe pháp nên biết bốn loại: Bệnh tướng, Ý tướng, Dược tướng và Ân trọng điều trị tương ứng. Biết bệnh, biết cách chữa bệnh, biết thuốc và biết sự quan trọng của trị liệu.

Khi nghe Pháp, cần phải có thái độ tiếp thu Pháp như thế nào?

Phật Thích Ca nói: Thân chúng sanh có ba bệnh: Lão, Bệnh, Tử.

Tâm có ba bệnh: Tham, sân, si. Đức Như Lai vì thế ra đời.

Nói cách khác Phật là bậc Đại Y Vương; Pháp là thuốc hay; Tăng như người giúp đỡ bệnh nhân. Tam Bảo xuất hiện ở thế gian chính là cứu giúp những trọng bệnh ấy cho chúng sanh. Cho nên nghe pháp Phật phải có quan niệm như thế.

○ **Biết bệnh là biết trong bệnh của Thân, Tâm.**

Biết bệnh: Chính mình từ vô thủy đến nay, chỉ vì cái bệnh của Thân, Tâm ràng buộc; làm cho muốn sống không được, muốn chết cũng không. Sống, chết mãi mãi, đau khổ vô cùng. Chính mình có bệnh nặng cho nên, khổ sâu; vì vậy phải nhận thức một cách chính xác. Nếu không biết chính mình có bệnh hay là biết có bệnh mà quyết không tìm thuốc trị bệnh; ấy gọi là Vô DUYÊN với Pháp Phật.

○ **Biết cách chữa bệnh: Đệ tử của Phật là thầy thuốc giỏi.**

Biết cách chữa bệnh là biết thân mình có bệnh nặng, không có một người nào khác chữa khỏi mà chỉ có đệ tử của Phật, thầy nói Pháp là lương y chữa trị khỏi bệnh nặng này. Vì vậy phải gần gũi bậc thiện tri thức, cung kính cúng dường giống như người bệnh tin tưởng hoàn toàn thầy thuốc và có tặng phẩm trang trọng cho thầy.

○ **Biết đúng thuốc: pháp của Phật là thuốc hay.**

Biết đúng thuốc để trị bệnh, chứ không phải đọc toa thuốc mà có hiệu nghiệm; cốt là sử dụng thuốc để trị hết bệnh.

Pháp sư nói cũng như thế: Chỉ bày phương pháp tu hành, cần dựa vào Pháp Dược mà thực dụng, mới có thể trị hết bệnh nặng từ thân và tâm. Nếu không, giống như đọc toa thuốc mà không thực dụng thì chẳng có ích lợi gì! Kinh nói:

我雖宣說極善法, *Ngã tuy tuyên thuyết cực thiện pháp,*  
 汝若聞已不實行, *Nhữ nhược văn dĩ bất thực hành,*  
 如諸病者負藥囊, *Như chư bệnh giả phụ dược nang,*  
 終不能療自體病. *Chung bất năng liệu tự thể bệnh.*

Tuy ta nói pháp rất lành.

Nếu người đã nghe mà không tu.

Như người bệnh không uống thuốc,

Tự thể Bệnh, cuối cùng, sao chữa hết.

○ **Biết chú trọng đến việc trị bệnh, uống thuốc lâu mới hết bệnh.**

Biết chú trọng đến việc trị bệnh: Đó là trọng bệnh sanh tử. Bệnh này thật sự đã vào đến chỗ hiểm yếu. May mắn gặp được thầy giỏi, thuốc hay, có uống lâu Pháp dược này thì hiệu quả thấy rõ ràng. Có thể có một vài người học Phật mong muốn có hiệu quả tức thì nhưng tu tập lại kém cỏi nên trọng bệnh sanh tử, không thể giải thoát được; đưa đến thất vọng rồi lười biếng. Đây là hạng người không thể cố gắng, tiến thủ, thì còn hy vọng gì nữa!

● **Nghe Pháp nên phản tỉnh tự thân, giống như soi gương.**

Phật pháp không phải là sự truyền bá tri thức, càng không phải là sản phẩm để giải trí.

○ **Căn cứ vào thực hành; Nói và Làm đi đôi**

Phật pháp là nhận thức rõ bản thân ta có trọng bệnh nên phải tìm thầy giỏi, thuốc hay. Vì vậy nói rằng tùy theo chỗ nghe được về Chánh Pháp phải hạ quyết tâm; cố gắng tu hành giống như những gì đã nói.

○ **Mẫu mực tu hành. Phật nói Pháp như tấm gương soi.**

Phật đã từng nói: Ta nói Pháp giống như tấm gương soi, chính các ông phải soi vào đó.



Những gì Phật nói: chính là phải quan sát chính mình để tránh khỏi những sai lầm và được nhiều công đức. Nếu có sai lầm thì nên hổ thẹn, sám hối để xa lìa lầm lỗi. Nếu không có lầm lỗi nên sanh tâm vui mừng. Nếu quán sát thấy chính mình có công đức nên sanh tâm vui mừng; nếu không có công đức nên cố gắng tu tập.

Tóm lại, nghe Phật Pháp là chính mình phải tu hành mẫu mực; nghe Pháp rồi phải biểu hiện qua thực hành. Đây là điều cực kỳ quan trọng.

## **2.2. Thâm nhập vào Phật Pháp.**

### ***2.2.1. Điều quan trọng trước nhất để thâm nhập vào Phật Pháp***

#### **2.2.1.1. Gân gũi ban lành.**

|        |                                  |
|--------|----------------------------------|
| 趣入正法者, | <i>Thú nhập Chánh Pháp giả,</i>  |
| 應親近善士, | <i>Ứng thân cận Thiện Sĩ,</i>    |
| 證教達實性, | <i>Chứng giáo đạt thật tánh,</i> |
| 悲愍巧為說. | <i>Bi mẫn xảo vi thuyết.</i>     |

Người thâm nhập Chánh Pháp, Gân gũi Thiện Trí Thức,  
Chứng ngộ được Thật Tánh, Thuyết Pháp vì bi mẫn.

- **Để nhanh chóng đi sâu vào Chánh Pháp nên gân gũi bậc thiện trí thức.**

Chánh Pháp, tuy có thể từ kinh điển hiểu được, nhưng chủ yếu là nghe được Pháp Sư giảng giải. Pháp

Sư là người hướng dẫn, kể đến đọc kinh sách, cuối cùng nhanh chóng lãnh hội dễ dàng. Cho nên, điều quan trọng để đi sâu vào Phật Pháp, tiến bộ trên đường đạo là “*Nên gần gũi bậc thiện tri thức*”.

Thiện tri thức, nhất là bậc thiện tri thức về Đại Thừa. Đức Phật từng nhờ “*Sự gần gũi bậc thiện tri thức, lắng nghe Chánh Pháp, suy tư đúng sự thật, theo Chánh Pháp mà tu hành*”. Muốn vào dòng Thánh phải đủ bốn điều kiện thì mới có thể gần gũi được bậc thiện tri thức.

- **Tóm tắt công đức của bậc thiện tri thức.**

Như thế nào mới là thiện tri thức?

Bậc thiện tri thức không phải có nhiều đệ tử, có chùa to, tướng mạo đẹp hay học rộng hiểu nhiều thế gian pháp.

- ***Những đức tánh của bậc thiện tri thức:***

- **Chứng đức** là chỉ ba vô lậu học: Giới thanh tịnh, Định thành tựu, Huệ thành tựu.
- **Giáo đức:** là thâm nhập kinh tạng, thành tựu đa văn, có khả năng hướng dẫn, chỉ bày cho người học, tu tập chánh đạo Đại Thừa.
- **Chứng được Thật Tánh:** Thật Tánh là tên khác của Chánh Pháp, đây là sự thông đạt do chứng được Trí Huệ hoặc là sự thông đạt do nghe, suy nghĩ giáo lý mà được.

- **Bi môn:** có tâm Từ Bi; không phải là vì danh vãn, lợi dưỡng, nhưng mà vì lợi ích cho chúng sanh nên nói Pháp.
- **Khéo léo nói Pháp:** Tài giỏi biện luận nên có được thành công, bằng phương tiện khéo léo nói Pháp cho chúng sanh, vì thế, người nghe dễ hiểu, dễ có lợi ích; nếu thành tựu những công đức này thì không thể không có bậc Thiện Tri Thức lớn.

○ **Thiện tri thức thành tựu phần nhỏ.**

Có thể vào thời mạt Pháp, bậc thiện tri thức hoàn hảo khó gặp được, nhưng người tu học Phật Pháp không thể không có thầy, bạn, cho nên, không thể không tìm bậc thiện tri thức thấp hơn.

Kinh có nói: Nếu có được một trong tám phần công đức cũng có thể gần gũi được bậc ấy.

Kinh Niết Bàn nói: “*Bốn chỗ nương tựa*”: Bốn hạng người có thể chọn làm sư trưởng: Trước dựa vào người, tuy chưa dứt hết phiền não, chứng được Thật Tánh nhưng đã thông đạt được một phần mười sáu ý nghĩa Phật Tánh.

**Tóm lại:** thời mạt thế, khó gặp thiện tri thức. Nếu trong việc tu tập và thấu hiểu Chánh Pháp, mà có được một phần vượt qua chính mình thì không gì bằng là gần gũi thiện tri thức.

### 2.2.1.2. Gân gũi đúng như Pháp.

觀德莫觀失, *Quán đức mạc quán thất,*  
 隨順莫違逆, *Tùy thuận mạc vi nghịch,*  
 佛說滿梵行, *Phật thuyết mãn Phạm Hạnh,*  
 學者應尊敬. *Học giả ưng tôn kính.*

Thấy đức chớ thấy lỗi, Tùy theo chớ trái ngược,  
 Phật nói toàn Phạm Hạnh, Người học nên tôn kính.

- **Thái độ gân gũi thiện sĩ đúng như Pháp.**

- **Thấy đức chớ thấy lỗi.**

Không những thiện tri thức hoàn hảo đức độ mà ngay cả thiện tri thức chỉ có phần nhỏ đức độ, như Pháp, không thể gân gũi cũng không thể lấy đó để căn cứ. Bởi vì, đối với thiện tri thức chỉ thấy đức, chứ không được thấy lỗi.

- ***Chỉ chú ý sở trường của thiện sĩ mà học Pháp thì mới có được lợi ích.***

Ví dụ, khi gặp bậc thiện sĩ có cách cư sử, đối nhân đúng đắn,... Chúng ta chỉ cần chú ý đến những ưu điểm này và theo gương đó thực hành theo để đạt được những ưu điểm này và không nên nhìn vào những lỗi lầm khác. Làm được điều này thì mới có được lợi ích.

Ngược lại, nếu không thấy công đức mà chỉ chấp vào phần khuyết điểm của bậc thiện tri thức; như thế chẳng những không đúng, mà cũng không nên, vì không được chút lợi ích gì. Cho dù là bậc thiện tri thức hoàn hảo cũng không thể hoàn toàn viên mãn mà, không có một khuyết điểm gì.

- ***Trong lòng luôn luôn tự giác gần gũi với thiện sĩ.***

Nguyên nhân gần gũi thiện tri thức là tùy lúc mình nên tỉnh thức, biết làm gì? Chớ có tìm tòi lỗi lầm của thiện tri thức mà là vì muốn học tập chỗ sở trường của sư trưởng. Có được như thế thì đến chỗ sư trưởng để được gần gũi và như thế mới có lợi ích. Đức Khổng Tử nói: “Ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta vậy” Thật là câu nói có ý nghĩa.

○ **Thuân long chớ có ngược lại**

- ***Nên tôn sư, trọng đạo để sư trưởng vui vẻ.***

**Làm sao để sư trưởng vui vẻ? Đó là:**

*Tùy sức cúng dường tài vật.*

*Phục vụ sư trưởng hết lòng.*

*Tu hành theo chỉ dạy của sư trưởng.*

Việc cung kính, gần gũi bậc thiện tri thức trong Phật Pháp hoàn toàn là biểu hiện tinh thần: “*Tôn sư trọng đạo*”.

Giả sử sư trưởng yêu cầu làm việc phi pháp, thì sao? Nếu thế thì không tùy thuận mà, một cách uyển chuyển nói rõ ý tứ của mình.

- ***Không có tâm cung kính đối với Phật pháp thì không thể có công đức từ Phật pháp***

Tu học theo Pháp Phật, nếu không tôn kính sư trưởng đúng pháp mà, muốn có công đức từ Phật pháp thì hoàn toàn không thể; như kinh nói: “Nếu người ấy đối với thầy mà còn giữ tâm hờn trách hoặc tâm ghét bỏ hoặc tâm buồn bực; thế nhưng muốn có công đức thì không thể có được”

- **Phật khen công đức của thiện sĩ.**

Phật nói hoàn toàn phạm hạnh, người học nên tôn kính.

Kể đến Như Lai khen ngợi công đức của bậc thiện tri thức.

Thầy A Nan nói: “*Người phạm hạnh không hoàn toàn, gọi là thiện tri thức*”.

Phật nói: “*Chớ nói thế. phạm hạnh thanh tịnh hoàn toàn mới gọi là thiện tri thức?*”.

Ý của thầy A Nan: Gần gũi bậc thiện tri thức, phạm hạnh vị ấy thanh tịnh thì được gọi là đã hoàn thành được một nửa.

Có thể đó là ý của Phật. Gắn gũi bậc thiện tri thức có thể nói phạm hạnh đã thanh tịnh hoàn toàn. Chúng tôi Phật trọng thị thiện tri thức như thế nào!

Sở dĩ, người học phải tôn kính, cúng dường thiện tri thức là vì công đức gần gũi thiện tri thức, như kinh Hoa Nghiêm và nhiều kinh khác nói: Không thể nào nói hết được.

### ***2.2.2. Trước tiên quyết giữ lấy điều đặc biệt hơn hết.***

#### **2.2.2.1. Lìa xa tám nạn.**

離彼三途苦,      *Ly bỉ tam đồ khổ,*  
 不生長壽天,      *Bất sanh Trường Thọ thiên,*  
 佛世生中國,      *Phật thế sanh Trung quốc,*  
 根具離邪見.      *Căn cụ ly tà kiến.*

Lìa ba đường khổ ấy;      Không sanh trời trường Thọ;  
 Phật xuất thế kinh đô,      Còn mình nơi biên địa;  
 Sáu căn không đầy đủ;      Chưa xa lìa tà kiến.

#### **• Nghe pháp Phật cốt lìa tám nạn.**

Người xưa nói: “*Khó gặp bậc thiện tri thức*”; khó nghe được pháp Phật. Duyên lành gặp được còn khó đến thế, xin chớ cho là dễ có duyên lành. Cốt yếu để nghe được pháp Phật là lìa xa tám nạn.

#### **• Nội dung tám nạn.**

- **Bốn nan đầu là không được làm người. Lià xa ba đường khổ. Không sanh lên trời trường thọ.**
  - ***Đọa vào ba đường dữ, không có duyên lành nghe được pháp Phật cũng không thể xuất gia, thọ giới, tu hành.***

Cần phải thoát khỏi: Địa ngục, Bàn sanh, Ngạ quỷ. Đó là quả báo khổ đau của tam đồ. Nếu sanh trong ba đường ác này thì không có duyên lành nghe pháp Phật. Tuy nhiên, Đại Lực Quỷ Vương, Long Vương... cũng có thể đến nghe pháp Phật được, tùy theo duyên lành ít hay nhiều. Nhưng vẫn không thể xuất gia, thọ giới, tu hành.

- ***Sanh làm trời, khó nghe được pháp, tu hành.***

Chỉ cần không sanh vào cõi trời trường thọ. Cõi Vô sắc có bốn trời: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ; Cõi sắc có trời Vô tướng, những vị ở trời này, thọ mạng rất dài, bằng thọ mạng tám vạn đại kiếp ở trời Phi tướng phi phi tướng. Đây là những cõi không có duyên lành nghe pháp Phật.

Căn cứ Tăng Nhất A Hàm, phẩm Bát Nạn nói: Đã sanh lên cõi trời đều gọi là trời trường thọ, đều không thể nghe Pháp Phật, tu hành. Vì vậy, trên không sanh lên các cõi trời, dưới không đọa vào ba đường ác; chỉ có làm thân người mới có thể gặp được Pháp Phật.



○ **Tuy được làm thân người cũng phải lìa xa bốn nạn sau:**

▪ ***Phật xuất thế ở kinh đô.***

Sanh gặp lúc Phật xuất thế. Phật xuất thế tức là thời đại có Pháp Phật. Nhưng nếu sanh trước Phật xuất thế hay sau khi Phật pháp diệt vong. Những người này cũng không có duyên lành nghe được pháp Phật.

▪ ***Giáng sanh ở biên địa.***

Sanh ở kinh đô là nơi có Phật và Tăng chúng hoằng dương chánh pháp. Ngược lại là vùng thôn quê hẻo lánh. Cho nên, dù có cùng thời với Phật, những người ấy ở những nơi như vậy, cũng không nghe được pháp Phật, tu hành.

▪ ***Sáu căn đầy đủ.***

Còn phải có sáu căn đầy đủ. Nếu không thì không thể nói, tâm trí cuồng loạn thì không thể hiểu nghĩa lý. Như thế, dù có sanh ra ở kinh đô, gặp Phật cũng bằng không.

Nếu không có đủ sáu căn thì dù có sanh cùng thời với Phật và gặp được Phật cũng không học tập hay tu hành theo giáo pháp của Phật được. Kiếp này coi như uổng phí mà thôi!

▪ ***Rời xa nhà tà kiến.***

Tuy không có những chướng ngại ở trên mà lại sanh trưởng vào trong nhà tà kiến hay trong vùng ngoại đạo và tập tánh sai lầm chùng chất. Đó cũng là vô duyên với Phật pháp, cho nên gọi là lìa xa tà kiến.

- **Lìa xa ngũ nghĩa.**

Tám việc ấy thường gọi là tám nạn vì nó làm chướng ngại cho người học Phật. Với tám nạn này làm mất thời cơ cho người tu học Phật pháp. Chúng ta không rơi vào trong tám nạn này. Thật may mắn làm sao!

#### 2.2.2.2. Có được thân người.

##### *a. Thân người đầy đủ hơn hết.*

生死流轉中, *Sanh tử lưu chuyển trung,*

人身最難得. *Nhân thân tối nan đắc.*

憶梵行勤勇, *Ức phạm hạnh cần dũng.*

三事勝諸天. *Tam sự thắng chư thiên.*

Lưu chuyển trong sanh tử,      Làm người là khó được,

Nhớ phạm hạnh dũng tiến,      Ba việc hơn hẳn Trời.

- **Từ hai phương diện, nói rõ làm người khó.**

Có người cho rằng đời người chẳng có ý nghĩa gì, nào là hiểu biết thấp kém, nào là hoàn cảnh xấu ác. Do đó, tự trách móc mình, tự hờn giận mình, tự ngược đãi mình; không thể phát tâm tu học theo Phật pháp.

Không biết ở trong năm đường “sinh tử lưu chuyển ấy”, được làm người là khó nhất. Đây là cơ hội khó gặp; nếu tự xem thường mình rồi sống lêu lổng thì thật là, không biết giá trị đích thực của mình. Tuy được làm người, có thể nói qua hai phương diện:

- **Được làm người khó như con rùa mù ở dưới biển lâu năm, trời lên mặt nước mà gặp được cái lỗ của cây gỗ đang bồng bênh.**

Ở trong sinh tử lưu chuyển, phần nhiều, sanh vào đường dữ, phần ít, sanh vào đường lành.

- **Người có ba việc: Nhớ nghĩ; Siêng, dũng mãnh; Phạm hạnh vượt hơn các trời.**

Làm người, tuy có vô vàn thống khổ, không vừa ý; nhưng rất khó được. Kinh nói: Ba việc của con người: Siêng, dũng mãnh; nhớ nghĩ; Phạm hạnh, chúng sanh trong ba đường ác không bì đã đành mà đến các trời cũng hơn rất nhiều.

- ***Hơn về nhớ nghĩ.***

Con người có thể nhớ nghĩ quá khứ, giữ gìn kinh nghiệm của quá khứ. Nhờ vậy, con người bằng sức suy tư, suy luận đặc biệt này phát triển nên gọi là hơn về nhớ nghĩ.

- ***Hơn về phạm hạnh.***

Có người không tính đến vụ lợi mà chỉ lo chế phục chính mình để tu tập phạm hạnh hay hạnh thanh tịnh, làm sao chính mình thân tâm hợp lý và mọi người cũng có lợi ích. Đó là chí nguyện hy sinh chính mình, là tinh thần đạo đức của loài người. Thật là một việc phi thường nên gọi là phạm hạnh.

▪ ***Hon về siêng năng và dũng mãnh.***

Con người muốn thành công một mục đích nào đó, phải có năng lực chịu đựng khổ sở, gian nan và tinh cần, dũng mãnh mới làm được; nếu không hoàn thành mục đích, quyết không ngừng. Đây gọi là hon về siêng năng, dũng mãnh.

• **Nói riêng ba đức và tính trọng yếu của thân người.**

- **Ba đức là nguyên nhân quan trọng để thành Phật, làm Tổ.**

Nho giáo nói: Trí, Nhân, Dũng là ba đức mà con người phải có, so với đại thể lời Phật nói giống nhau. Cho nên, trong chúng sanh, con người là quý báu nhất; thành hiền, thành thánh, thành Phật, thành Tổ đều tôn trọng sự vĩ đại của loài người này và những thành công có được là nỗ lực vươn lên.

- **Thân người là cõi an vui mà các trời ngưỡng vọng.**

Kinh nói: Nếu các trời mạng chung, các trời ấy sẽ

nói: “*Nguyện được sanh vào trong cõi an lạc*”. Cõi an lạc là điều ước muốn của những người khác, đó chính là Cõi Người. Thân người còn là cõi an vui mà các trời ngưỡng vọng. Sống như thế nào để là Người? Không làm trái lại: Tự oán trách, tự xem thường mình.

*b. Cố gắng siêng học.*

難得今已得,      *Nan đắc kim dĩ đắc,*  
 精勤修法行,      *Tinh cần tu pháp hành,*  
 莫使入寶山,      *Mạc sử nhập bảo sơn,*  
 垂手歎空歸.      *Thùy thủ thán không quy.*

Khó được, giờ đã được,      Chăm chỉ theo lời Phật.  
 Chớ như người vào núi báu,      Trở về bàn tay không.

• **Siêng năng có được ích lợi từ Phật pháp.**

Thân người khó được nay đã được. Ấy là điều đáng mừng, giữ lấy thời cơ khó được này mà siêng năng tu tập theo Pháp Phật. Mạng sống vô thường, kinh nói: “Mạng người ở trong hơi thở”, Xin chớ đợi ngày mai, năm sau hay là tương lai. Nhân dịp thuận lợi này, ở trong ngôi nhà Phật pháp, dũng mãnh tiến bước đi trên con đường Chánh Pháp, mới mong có được ích lợi trong việc tu học giáo lý Phật đà.

- **Lêu lộng một đời, tay không thương cảm.**

Chớ để một đời lộng bông, vô ích và chờ hơi thở ra không hít vào được nữa; đối với Phật pháp không có được chút gì, vẫn là đôi bàn tay trắng, mặc dù bao năm đã sống trong thiên môn, với tứ sự cúng dường của đàn na tín thí. Chẳng khác gì người vào núi châu báu, thấy biết bao ngọc ngà trân quý mà chẳng chọn được cho mình một món để sử dụng. Đến lúc rời khỏi núi báu thì hai tay trắng buông xuôi, rồi hối tiếc vô cùng, đôi chân lững thững bước về; không có được một cái gì. Khi sống không cố gắng, lúc chết chỉ là thương đau. Nào có ích lợi gì đâu?

### ***2.2.3 Xác lập mục tiêu.***

#### **2.2.3.1. Từ văn phát khởi nguyên.**

聞法而發心, *Văn pháp nhi phát tâm,*

隨機成差別. *Tùy cơ thành sai biệt.*

Nghe pháp rồi phát tâm, Tùy cơ thành khác nhau.

- **Phát tâm là từ nghe được Pháp Phật.**

Gần gũi thiện tri thức, nghe được Pháp Phật rồi phát tâm tu học. Vì căn tánh của chúng sanh không giống nhau nên pháp Phật cũng phải tùy cơ. Do đó, trong Phật pháp có muôn vàn trình độ cao, thấp khác nhau.

### ***Ý nghĩa của phát tâm.***

Nói đến phát tâm chính là lập chí nguyện vững chắc cho việc tu tập. Vì vậy, chí nguyện là mục tiêu vươn tới.

Phát tâm, hoàn toàn không khởi tâm, động niệm ngẫu nhiên mà chính là phát khởi tín nguyện một cách kiên định.

Giáo pháp của đức Phật giúp cho mỗi người đệ tử thực hành theo một con đường ứng hợp với trình độ của người đó. Bởi lẽ đó, chúng ta sẽ nhận thấy ở cấp độ tương đối, mỗi người đệ tử đều đón nhận được lợi ích nhất định từ lời dạy của đức Phật. Do đó, tất cả giáo pháp của Người, dù dài hay ngắn đều là lời giải đáp trực tiếp và tùy trường hợp với mức độ phát triển tâm linh của người đệ tử mong nguyện được lắng nghe giáo pháp. Và tất cả giáo pháp của đức Phật đều nhắm đến một mục đích giải thoát và giác ngộ.

- **Do phát tâm mà quyết định căn tánh của chính mình.**

Vì thế, căn tánh của chính mình là gì, chủ yếu, dựa vào Tâm nguyện của chính mình mà quyết định; chứ không phải đọc tụng thọ trì pháp môn gì, rồi tự cho mình là căn tánh gì.

Vì thế, không chấp một pháp môn nào là vĩ đại, là màu nhiệm mà điều cần thiết là kiểm điểm sự phát tâm của chính mình.

### 2.2.3.2. Ba loại phát tâm.

|            |                                  |
|------------|----------------------------------|
| 下 求 增 上 生, | <i>Hạ cầu tăng thượng sanh,</i>  |
| 現 樂 後 亦 樂. | <i>Hiện lạc hậu diệc lạc.</i>    |
| 中 發 出 離 心, | <i>Trung phát xuất ly tâm,</i>   |
| 涅 槃 解 脫 樂. | <i>Niết bàn, giải thoát lạc.</i> |
| 最 上 菩 提 心, | <i>Tối thượng Bồ Đề Tâm,</i>     |
| 悲 智 究 竟 樂. | <i>Bi trí cứu cánh lạc.</i>      |

Loại thấp cầu tốt hơn, Hiện tại, mai sau vui.

Loại hai, xuất ly tâm, Vui Niết Bàn, Giải Thoát.

Cao nhất, Tâm Bồ Đề, Rốt ráo vui Bi, Trí.

- **Có ba loại phát tâm khác nhau:**

Liên quan đến phát tâm tu học là hướng thượng, đúng là trong muôn ngàn sai khác, nói không thể cùng. Nếu quy nạp thì không ngoài ba loại: Sanh Tâm tăng thượng, Tâm xuất ly; Tâm Bồ Đề. Đây chính là bậc Hạ Sĩ, Trung Sĩ, Thượng Sĩ mà Bồ Tát Di Lạc đã nói.

- **Nội dung khác nhau của ba loại phát tâm.**

- *Tâm thăng tiến ở Hạ phẩm - Sanh thăng tiến từ dưới, hiện tại vui sau cũng vui.*



▪ ***Nhân duyên của sanh Tâm tăng thượng.***

Vì sao gọi là Sanh Tăng Thượng? Đó là quả báo có được ở đời sau, so với đời này có khá hơn chút đỉnh.

Ví như: Tướng mạo, thọ mạng, danh dự, phú quý, quyền thế, quyền thuộc, tri thức, năng lực, thân thể khoẻ mạnh, gia đình an vui, bạn bè giúp đỡ. Tất cả những thứ này đều hy vọng kiếp sau tốt hơn kiếp này nhiều.

Ở trong Phật pháp, những thứ này chưa triệt để; nhưng là chánh đáng để được tiến bộ hơn.

▪ ***Loại hai là kết quả Trời, Người.***

Ở phương diện này lại chia hai loại: Nguyên sanh làm người thế gian; Nguyên sanh lên Trời.

Trong Phật pháp tu hành đúng đắn thì được an lạc đời này, đời sau; hoặc đời này khổ, đời sau vui.

Người, Trời nương vào căn tánh, mong cầu đời này vui, lại mong cầu đời sau vui. Nhờ dựa vào Pháp Phật tu trì có được đời này an lạc, đời sau được quả báo tốt.

Chẳng qua, do hoàn cảnh chỉ cầu phước đức, an vui đời sau, dù rằng đời này chịu khổ sở chút đỉnh, hy sinh chút đỉnh. Như vậy cũng chưa từng có thể. Cho nên, đời này vui và đời sau vui thì rất là lý tưởng; bắt đấ dĩ, đời này khổ, đời sau vui, cũng không quá lắm.

Tu tập theo tà hạnh, điên đảo thì đời này vui, đời sau khổ; hoặc đời này khổ, đời sau càng khổ.

Cho đến đời này hưởng thọ nhưng đời sau chịu khổ; hoặc là đời này chịu khổ oan uổng và đời sau thống khổ vô cùng. Những trường hợp này không liên quan đến Chánh Pháp Như Lai mà là tà hạnh, điên đảo.

▪ ***Tâm, Hạnh, Quả khác nhau.***

Lấy phước lạc của Trời, Người làm mục tiêu, do đây mà phát Tâm, vì đây mà tu hành đều thuộc về hạ sĩ trong Phật Pháp.

Đã phát tâm Tăng Thượng này, dù có tu trì pháp xuất thế, chẳng qua, cũng hưởng phước báo của Trời, Người mà thôi.

Ngược lại, nếu phát nguyện này mà không tạo tác những nghiệp ác; khi nghiệp này đã lớn mạnh thì không đoạ vào ba đường ác, muốn cần Tăng Thượng cũng không thể được.

- ***Phẩm trung tâm xuất ly. Bậc trung tâm xuất ly thì được quả an vui Niết Bàn, giải thoát.***

Nhân sĩ ở bậc trung thì phát tâm xuất ly

▪ ***Nhân duyên phát xuất ly tâm.***

Quả Trời, Người do sanh Tâm Tăng Thượng, tuy nói không rơi vào đường ác, nhưng còn hưởng thượng

tiên bộ. Càng tiên bộ nhiều, cuối cùng lưu chuyển trong ba cõi, hoàn toàn không thể đến được địa vị cứu cánh. Nếu sanh lên cõi Trời, từ cõi Dục đến cõi Sắc, từ cõi Sắc đến cõi vô Sắc và sanh thẳng đến Trời phi tưởng phi phi tưởng là cùng, không thể tiến hơn nữa được. Một khi hưởng hết nghiệp lực thì đọa lạc lại.

Cần thấu hiểu kỹ chỗ này, cảm giác cho được: “Ba cõi không an, giống như nhà lửa” mà phát khởi Chí Nguyện ra khỏi sanh tử trong ba cõi.

▪ ***Loại hai: Quả giải thoát.***

Phát tâm như thế, tu tập pháp hành xuất thế thì giải thoát được sanh tử, chứng được an lạc giải thoát của Niết Bàn.

An vui giải thoát là lìa bỏ phiền não mà được. So với cái vui của thế gian thì hết vui sanh buồn, vui đi khổ đến, không giống nhau tí nào. Còn đây là triệt để thoát hẳn sanh tử, không lưu chuyển trở lại; so với quả lành của bậc hạ sĩ, phần nhiều, hoàn toàn rất ráo. Về mặt sau này, còn chia hai loại: Thanh Văn Thừa; Duyên Giác Thừa; gọi chung là Nhị Thừa về phát tâm và kết quả khá giống nhau.

▪ ***Khác nhau về Tâm, Hành, Quả.***

Trên đã nói phát tâm xuất ly, tuy tu pháp Đại Thừa hơn hết nhưng nỗ lực đến mấy cũng chỉ chứng được quả nhỏ.

Ngược lại, nếu phát tâm xuất ly mà không tu hạnh xuất ly hay là làm việc ác, phi pháp; như thế là nghiệp lực vượt hơn nguyện lực; ngay cả thiện báo của Trời, người cũng không thể được.

- **Tâm bồ đề thượng phẩm: Tâm Bồ đề tối thượng với Bi, Trí, An, Vui rất ráo.**

Phẩm hạnh cao nhất của con người là phát tâm bồ đề lớn.

- ***Ý nghĩa Tâm Bồ đề.***

Tiếng Phạn gọi bồ đề có nghĩa là giác ngộ. Quả vị của Như Lai là tất cả công đức nên gọi là “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Đó là lấy Đại Giác làm trung tâm và khái quát tất cả công đức. Phát tâm Bồ đề là chí nguyện lớn trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh.

- ***Nhân duyên phát Bồ Đề Tâm.***

- ✓ **Biết tâm xuất ly chưa viên mãn.**

Tâm xuất ly của bậc trung sĩ, tuy nói là rất ráo, nhưng chưa cao thượng hoàn toàn; giống như con thuyền nhỏ đi giữa dòng chưa đến nơi thì hành khách rơi xuống nước. Nếu có người nào chẳng nhìn chung quanh mà cố sức bơi lên bờ, nhìn thấy bạn bè bị chìm trong nước mà trong lòng không chút xúc động, chỉ

một mình thư thả, nghỉ ngơi. Nếu nói thoát được hiểm nghèo cho cá nhân thì người này thành công; nếu nói về đạo đức của con người thì người này chưa viên mãn.

- ✓ Chỉ có Phật là viên mãn nên phát đại nguyện thành Phật.

Nguyên nhân có người không lo cho riêng mình được giải thoát mà phát nguyện tự cứu, cứu người; tự lợi, lợi người; mong muốn cùng với tất cả chúng sanh đều được giải thoát. Nhưng điều thiết yếu gì mới có khả năng này? Chỉ có Phật mới hoàn thành được chí nguyện lớn này. Đại trí, đại bi, đại nguyện, đại lực của Phật mới cứu độ chúng sanh triệt để được. Điều này, chính Phật là gương mẫu cho việc phát chí nguyện lớn thành Phật. Đó chính là Tâm Bồ đề.

- ***Tâm, Hành, Quả viên mãn là thành Phật.***

Đã phát khởi Tâm Bồ Đề, tu hạnh Bồ Đề, tự lợi, lợi tha, đến khi viên mãn hoàn toàn là thành Phật; có đại bi, có đại trí chúng được an lạc của Đại Niết Bàn cùng cực rất ráo. Mục tiêu duy nhất: Trên thành Phật đạo, dưới hoá độ chúng sanh nên phát tâm tu hành. Thế mới là phát Tâm cao tốt ở trong Phật pháp, mới là phẩm cách cao tốt của con người. Mong mỗi người cùng học Phật, ai cũng lấy đây làm mục tiêu tu hành.

2.2.3.3. Thứ tự trước sau.

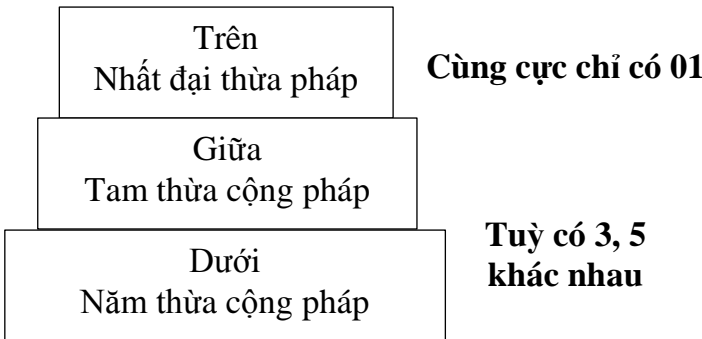
a. *Nương tựa, liên quan lẫn nhau.*

依下能起上,      *Y hạ năng khởi thượng,*  
 依上能攝下;      *Y thượng năng nhiếp hạ;*  
 隨機五三異,      *Tùy cơ ngũ tam dị,*  
 歸極唯一大.      *Quy cực duy nhất đại.*

Nương dưới vươn lên được, Nương trên bao gồm dưới.  
 Tùy cơ ba, năm khác,      Cùng cực chỉ một thôi.

• **Tánh liên quan đến ba loại phát Tâm.**

Phật pháp, tuy chia thượng, trung, hạ khác nhau, nhưng đều có ý nghĩa rất ráo, tất cả lập trường, không ngoài dẫn đến thành Phật. Đây không phải là độc lập, không phải là không tương quan, nhưng quan hệ nội tại có nương tựa lẫn nhau; như đồ biểu sau:



Từ dưới vươn lên trên; từ trên bao gồm dưới.

Đây là cái tháp cao ba tầng, từ thấp nhất lên cao nhất có mối quan hệ trên hình thức.

○ **Nương theo tướng mà nói mỗi quan hệ: Dưới, Giữa, Trên tức là nương từ Dưới vươn lên Trên.**

▪ ***Dựa theo tướng mà nói:***

Cái tháp là ví dụ.

Tầng trệt là cơ sở mới xây lên tầng giữa; nương tầng (trệt) giữa làm cơ sở mới xây lên tầng trên. Giống như từ Nhất Tâm muốn xây lên tầng trên cao nhất, chứ không thể bỏ tầng trệt, tầng giữa mà xây lên được; đó là điều sai lầm, chắc chắn không thành công.

▪ ***Hợp pháp.***

Trong ba cấp bậc của Phật pháp cũng là nương bậc pháp dưới vươn lên bậc tháp giữa; nương bậc tháp giữa vươn lên bậc tháp trên.

▪ ***Dẫn chứng.***

✓ **Dẫn những điều Long Thọ nói làm chứng:**

“Đã được sanh ra bậc Tăng Thượng, dần dần chắc chắn được bậc Thù Thắng”.

Chắc chắn được bậc Thù Thắng chính là pháp rốt ráo giải thoát của bậc Trung và Thượng (Giữa và Trên).

Thứ tự này, trong kinh A Hàm có nói đến: “*Ấy là pháp thường của chư Phật*”.

✓ **Dẫn những điều Đề Bà nói làm chứng.**

Bồ Tát Đê Bà cũng nói: “*Bậc hạ sĩ, trước lia ác, làm lành; Bậc trung sĩ phá trừ Ngã, sau cùng, bậc thượng sĩ dứt trừ tất cả Kiến Hoặc, nếu biết thật hành thiện xảo*”

Biết được thứ tự trước sau này mới có thể, đối với tất cả Pháp Phật mà thật hành phương tiện thiện xảo.

Cho nên, Bồ Tát Đê Bà còn nói: “*Bậc Chánh Đẳng Giác nói điều này, phương tiện giống như bậc thang*”

○ **Mối tương quan giữa Thượng, Trung, Hạ với ý nghĩa nương Trên bao gồm Dưới.**

- ***Dựa vào mối tương quan mà nói:***

***Cái tháp là ví dụ.***

Giống như xây cái tháp ba tầng, có tầng giữa vì đã có tầng dưới; có tầng trên cùng, chắc chắn, đã có tầng giữa, tầng dưới.

- ***Hợp pháp.***

Lý do, trong Phật pháp, nương vào Sĩ pháp bậc thượng mới bao gồm được bậc Sĩ pháp bậc trung, bậc hạ được; nương vào Sĩ pháp bậc trung thì chắc chắn, bao gồm được Sĩ pháp bậc hạ.

- ***Dẫn chứng.***

Như trong kinh Pháp Hoa nói: Nhị Thừa là ba trăm do tuần, Đại Thừa là năm trăm do tuần. Nhưng trong năm trăm do tuần, bao hàm được ba trăm do



tuần; ba trăm do tuần là trạm trung chuyển của năm trăm do tuần. Đây là bao gồm bậc kiến địa (Sơ quả thanh văn) quán thông tất cả Phật pháp, là điều cần thiết thiện xảo đối với toàn bộ Phật Pháp.

- **Chánh kiến chung của hai đại sư, tức tiêu chí nương tựa, duy trì nhau.**

Đại sư Thái Hư nói: Pháp của bậc hạ sĩ là pháp chung của Năm Thừa; pháp của bậc trung sĩ là pháp chung của Ba Thừa.

Trong Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Quảng Luận của đại sư Tông Cách Ba nói: Pháp hạ sĩ thì chung với hạ sĩ đạo, pháp trung sĩ thì chung với trung sĩ đạo.

Chữ chung (共) này mà các bậc trí giả thuộc Hán Tạng đồng hoá là Chánh Kiến, cũng là tiêu chí nương tựa, liên quan lẫn nhau

- **Nói vắn tắt chỗ khác, giống giữa Nhất, Tam, Ngũ Thừa.**
- **Theo căn tánh của chúng sanh mà nói sự khác nhau giữa Năm Thừa và Ba Thừa.**

Như trên đã nói, sở dĩ theo căn tánh của chúng sanh là vì Phật pháp dùng phương tiện để tùy cơ độ sanh nên có Năm Thừa: Người, Trời, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát không giống nhau.

Hoặc là nặng về pháp xuất thế, Phật nói Ba Thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát khác nhau.

Căn cơ không cùng, tất nhiên, pháp môn cũng khác nhau.

- **Theo bốn nguyên của Như Lai thì chỉ nói Nhất Thừa (hay Đại Thừa hay Phật Thừa).**
  - ***Trở về Tông chỉ rốt ráo thì tất cả pháp đều là pháp Đại Thừa.***

Theo bốn nguyên xuất thế của Như Lai mà nói: Tất cả pháp môn đều là con đường dẫn đến thành Phật; Trở về nguồn cội chỉ có Nhất Thừa hay Đại Thừa.

- ***Dẫn chứng cùng trở về Pháp Đại Thừa.***
- ✓ **Pháp lành của bậc Thanh Văn Xuất Thế chính là pháp Đại Thừa.**

Thông thường, pháp tu xuất ly của Thanh Văn Thừa (bậc trung) là chứng được quả Niết Bàn, nhưng ở trên hội Pháp Hoa, Phật nói: Đó là phương tiện, thật ra, chính là pháp Đại Thừa, cho nên mới nói: “*Những gì các ông tu hành, đó là đại Bồ Tát*”.

Luận Đại Trí Độ cũng nói: “*Dứt trừ Trí Nhị Thừa chính là Vô Sanh Pháp Nhân*” (ở trong thật tướng không sanh diệt của các pháp mà tín nhận không

vướng mắc, không thôi lui; đó gọi Vô Sanh Nhẫn hay Vô Sanh Pháp Nhẫn).

- ✓ Pháp lành của Trời, người cũng là pháp Nhất Thừa thành Phật.

Như kinh Pháp Hoa nói: “*Chỉ niệm một lần Nam Mô Phật, đều được thành Phật Đạo*”.

Cúng dường một nén hương, một cành hoa; chấp tay, cúi đầu cung kính lễ bái; một lần niệm danh hiệu Phật. Đây là những pháp lành của Trời, người đều trở về lập trường của Đại Thừa, đều là pháp Nhất Thừa dẫn đến Phật quả.

- *Sự giống và khác nhau giữa Nhất Thừa và Đại Thừa.*

- ***Đại Thừa là Nhất Thừa.***

Nhất Thừa và Đại Thừa có người hiểu không giống nhau; kỳ thật, cả hai là một.

Kinh Pháp Hoa và Kinh Thắng Man đều nói: Pháp Nhất Thừa, có lúc, cũng gọi là Đại Thừa.

- ***Tùy cơ đặt tên nên không giống nhau.***

Tương đối thì Đại Thừa và Nhị Thừa sử dụng nhiều hơn, còn Nhất Thừa, phần nhiều, khi nói về thành Phật mới đề cập đến. Tùy tình huống như nói về Nhân thì gọi là Bồ Tát Thừa; nói về Quả thì gọi là Phật Thừa.

*b. Bao gồm tất cả*

不滯於中下, *Bất trệ u trung hạ,*  
 亦不棄中下, *Diệc bất khí trung hạ,*  
 圓攝向佛乘, *Viên nhiếp hướng Phật Thừa,*  
 不謗於正法. *Bất báng u Chánh Pháp.*

Không kẹt vào trung, hạ, Cũng không bỏ trung, hạ,  
 Tất cả hướng Phật Thừa, Không chê bai Chánh Pháp.

• **Nói chung pháp thượng, trung, hạ đều là pháp môn thành Phật.**

Theo thứ lớp trước sau của Phật Pháp, nói một cách đơn giản thì:

- **Không từ bỏ Pháp trung hạ.**
  - ***Không kẹt trung, hạ mà nương vào đó để hướng thượng.***

Bởi vì, khi tu học Phật đạo không nên mắc kẹt vào bậc trung, bậc hạ. Nếu mắc kẹt vào bậc trung, bậc hạ thì Nhân, Thiên đạo, Tiểu Thừa đạo không thể khế hợp với bản ý của Như Lai.

- ***Không bỏ bậc trung, bậc hạ đều là Bồ Tát đạo.***

Phát tâm Bồ Đề có mục tiêu là thành Phật và cũng bỏ pháp hành của bậc trung, bậc hạ. Bởi vì tất cả pháp hành này đều là pháp hành của Bồ Tát, đều là pháp môn để thành Phật.

- **Không chỉ chú trọng pháp môn bậc Thượng.**

Có một số người cầu mong bậc cao thượng, nhiệm màu mà thực hành Đại Thừa, không quan tâm đến pháp hành của bậc trung, bậc hạ. Không biết rằng đã bỏ ba trăm do tuần thì làm sao đến được Bảo Sở năm trăm do tuần!

- **Bao gồm các pháp thượng, trung, hạ, quy hướng về Phật Thừa; không chê bai Chánh Pháp.**

Nhân đây, người tu học đã trải qua Bồ Đề Chánh Đạo, cần phải bao gồm đầy đủ tất cả pháp trung, hạ và cùng hướng về Phật Thừa; chớ viển vông, hảo huyền, đàm huyền nói diệu; ở trong một vị của pháp môn vô biên mà gây ra bao nhiêu rắc rối, đến nỗi, chê bai chánh pháp.

- **Có hai loại người chê bai chánh pháp.**

- **Chê bai pháp Phật bằng những nhân thức khác.**

Dựa vào kinh sách khác, không phải là Pháp Phật để chê bai. Loại chê bai này, mọi người đều dễ biết, cần phải xa lánh.

- **Loại hai có bốn loại do cố chấp mà chê bai pháp Phật:**

Có người cho rằng tôi có căn cơ lớn, không cần học pháp trung, hạ.

Có người cho rằng pháp môn nhân quả, thiện ác vì người ngu si nói, không liên quan gì đến tôi.

Có người cho rằng trong pháp Đại Thừa, chỉ cần bộ kinh hay nửa bộ kinh nào đó, vị Phật nào đó, câu thần chú nào đó; một khi đã hiểu được kinh Phật, chú ấy thì đối với tất cả pháp Phật khác không cần nữa.

Có người cho rằng chỉ cần tu hành chân thật, không cần Văn, Tư kinh giáo làm gì.

○ **Những loại người ở trên chê bai pháp Phật đều do không biết cương yếu Phật pháp.**

Những loại người ấy, có thể nói đó là loại người đi đò đồng qui (đi khác đường mà về một chỗ) đều vứt bỏ kinh điển, vứt bỏ pháp môn; chỉ giữ lấy một giọt nước mà vứt bỏ cả đại dương. Với chùng ấy, tự cho mình là biển cả.

Với những người ấy có thể nói: 無慧之信, 增長愚痴 Vô huệ chi tín, tăng trưởng ngu si: Tin tưởng mà không có trí huệ thì ngu si càng tăng trưởng.

## CHƯƠNG 3: PHÁP CHUNG CỦA NĂM THỪA

❖ **Pháp chung của năm thừa là cơ sở của pháp xuất thế gian, cũng là pháp chung của thế gian với Phật giáo.**

Pháp tâm Sanh Thượng là pháp môn phổ thông tu tập để sanh làm người, làm trời, là con đường bậc hạ ở trong Phật pháp, cũng là cơ sở pháp của bậc Thánh xuất thế, cho nên gọi là Pháp Chung của Năm Thừa.

Ở đây muốn nói: Pháp của bậc Thánh Tam Thừa tu xuất thế, tuy không cầu quả báo Trời, người, nhưng không thể không đầy đủ công đức của Trời, Người.

Nếu chỉ cầu sanh ở nhân gian, thiên thượng thôi thì gọi là Nhân Thừa, Thiên Thừa. Đó là Phật giáo chung với pháp thế gian.

### **3.1. Giải, hành cùng tiến bước (Học và Hành song song).**

正信歸依者,      *Chánh tín quy y giả,*  
應修於正見,      *Ứng tu ư Chánh kiến,*  
及修於正命,      *Cập tu ư Chánh Mạng,*  
勝進不為難.      *Thắng tiến bất vị nan.*

Người nương tựa Chánh Tín, Nên tu Chánh Kiến,  
 Và tu Chánh Mạng, Tiên bộ không gì khó.

• **Giải, Hành thành tựu thì được tiến bộ.**

Đã có Chánh tín nơi Tam Bảo và thọ Quy y thì trở thành Phật tử, tín đồ của Phật giáo.

Phật tử tu học theo Pháp chung của Năm Thừa; trong ấy cần nắm chắc điều gì?

Về phương diện hành vi của người học Phật, trước hết, nên tu Chánh Kiến.

Về phương diện hành vi của người học Phật, trước hết, cần tu tập Chánh Mạng.

Phật từng nói: Người khó có được Chánh Kiến và Chánh Mạng. Với hai điều này, nếu tu tập thành tựu được, việc tiến bộ này cũng không phải là dễ.

**Nói vắn tắt về Chánh Kiến.**

○ **Chánh Kiến là tri kiến do suy luận mà có.**

Chánh Kiến là sự hiểu biết chính xác. Kiến và Thức khác nhau. Kiến là chủ trương kiên định có từ suy luận, cho nên, chánh kiến chọn điều hay, đúng rồi cố giữ lấy. Học Phật, cốt yếu phải có Chánh Kiến, như bắt đầu đi xa, trước hết phải biết rõ con đường đi, rồi mới tin chắc con đường ấy dẫn đến mục đích.



Nhận thức chính xác chưa chắc thành Chánh Kiến. Như hiện tại nghe nói trái đất chuyển động quanh mặt trời, có thể đó là tri thức. Vì vậy, tri thức cần phải chính xác và luôn luôn tu tập, nuôi dưỡng để trở thành Chánh Kiến vững chắc.

○ **Chánh Kiến của thế gian có sức mạnh không làm rơi vào đường ác.**

Chánh Kiến không chỉ là cái thấy vững chắc, không thay đổi mà còn chỉ sức mạnh cực lớn, như kinh nói: 假使有世間，正見增上者，雖復百千生終不墮惡趣: Giả sử hữu thế gian, Chánh Kiến tăng thượng giả, tuy phục bách thiên sanh, chung bất đoạ ác thú: Giả sử ở thế gian, có người chánh kiến tăng trưởng và hướng thượng, tuy sống trăm ngàn đời, cuối cùng vẫn không rơi vào đường ác.

● **Nói sơ về Chánh Mạng.**

○ **Ý nghĩa Chánh Mạng.**

Chánh Mạng là gì? Mạng là sanh tồn, sanh hoạt.

Bất cứ người tại gia hay xuất gia đều không thể không sanh hoạt; tất cả kinh tế của sự sống như y phục, ăn uống, đi lại... hợp pháp đều được sử dụng. Đó gọi là Chánh Mạng. Kinh tế, sinh hoạt bình thường là điều quan trọng hết sức; hầu hết tội ác đều từ đời sống kinh tế bất chánh mà ra.

○ *Luận nói có hai loại Chánh Mạng và Tà Mạng.*

▪ *Người tại gia.*

- ✓ Sống đúng với luật pháp quốc gia, không trái với Phật pháp là Chánh Mạng.

Người tại gia học Phật, không những tuân theo pháp luật quốc gia mà còn không trái với pháp Phật.

- ✓ Tà mạng là không tuân thủ luật nghi.

Nếu sống bằng sát sanh (đồ tể, thợ săn); trộm cướp; dâm dật (mại dâm); chủ nhà chứa; vọng ngữ (lừa gạt, giang hồ); rượu chè (nấu rượu, quán nhậu). Những cách sống ấy trong Phật Pháp gọi là “Không tuân theo luật nghi”, là Tà Mạng, là chương ngại sự tu hành.

▪ *Người xuất gia.*

- ✓ Sống nhờ sự bố thí của tín đồ là Chánh Mạng.

Người xuất gia sống nhờ vào sự bố thí của tín đồ là sống Chánh Mạng.

- ✓ Biên thủ của tín thí là Tà Mạng.

Bốc thuốc, xem mạch (nếu là nghĩa vụ thì không phạm); xem sao giải hạn; xem tướng tốt xấu làm kế sanh nhai hoặc lừa gạt tín đồ. Đó là Tà Mạng.

- *Làm kinh tế và tiêu dùng đúng như pháp mới là Chánh Mạng trong Phật pháp.*

Kinh tế đúng như pháp, tiêu dùng không xa xỉ, không keo kiệt; đó là Chánh Mạng. Cần phải như thế, mới có thể tương ứng với Phật pháp; nếu không thì thân người chưa chắc đã bảo đảm, nói chi đến liễu sanh thoát tử.

○ **Không tu Chánh Mạng thì hại mình hại người.**

Học Phật mà không tu Chánh Mạng, học Phật Pháp, nhất định phải có nghề nghiệp hợp pháp: tà chịu thống khổ trong một thời gian ngắn, rồi thay đổi nghề nghiệp tà ác ấy, quyết không giữ mãi đời sống tà mạng này để hại mình, hại người.

### **3.2. Chánh Kiến của thế gian.**

Có bốn loại Chánh Kiến

#### **3.2.1. Bốn loại Chánh Kiến**

##### 3.2.1.1. Tổng quát.

所說正見者, *Sở thuyết Chánh kiến giả,*

人生之正觀. *Nhân sanh chi Chánh quán.*

*Những gì nói về Chánh kiến, Là Chánh quán của đời người.*

- **Quan sát đúng đắn về đời người là Chánh Kiến thuộc thế gian.**

Trên đã nói về Chánh Kiến rồi nhưng rốt ráo là gì?

Dựa vào Chánh Kiến của người thế gian mà nói, đó là sự hiểu biết đúng đắn về đời người, đó cũng là sự quan sát về đời người.

Ý nghĩa sự quan sát về đời người là con người phải tuân theo Chánh Đạo. Từ quan sát chánh xác mới trở thành Định Kiến bằng niềm tin kiên cố, cũng là Chánh Kiến. Đối với người tu học Phật Pháp, Chánh Kiến cực kỳ quan trọng, giống y bánh lái của con tàu.

- **Chánh Kiến không đầy đủ gặp ngoại cảnh dễ dao động.**

Đức Phật từng dạy: Có được Chánh Kiến đặc biệt là Phật tử tại gia, rất khó có được.

- **Vì dinh dưỡng mà mở rộng giới sát.**

Nếu có người tin tưởng chí thành Tam Bảo, ưa làm việc bố thí, thấu hiểu Phật lý. Đúng là một Phật tử gương mẫu; nhưng mà đến lúc già yếu; do nghe người ta nói bậy về vấn đề dinh dưỡng, ăn chay gần mười năm mà lại cho phép (mở ra) giới sát.

- **Vì bệnh tật mà cầu thần linh, xem bói toán.**

Có người bị bệnh tật triền miên, trong một thời gian ngắn không thể khoẻ mạnh. Vì vậy mà cầu thần linh, xem bói toán, đến miếu thần tiên mong cầu mộng lành.

- **Vì thân xác này mà học theo ngoại đạo.**

Có một số người siêng năng tu hành, đến khi tuổi già; vì quá yêu mến cái thân xác mục rã này, liền tu tinh, luyện khí, dùng thủ thuật cấy ghép để được cường tráng, nhưng kết quả lại mất mạng.

**Tóm lại**, tất cả điều này đều do Chánh Kiến không đầy đủ; không thể kiên định tu hành và niềm tin không thay đổi. Đây mới là thân xác, hoàn cảnh không tốt, mà đã dao động, chuyển hướng. Học Phật là phải thấu hiểu về sanh tử, mở ra con đường giác ngộ; hơn nữa, trước tu tập cốt thành tựu Chánh Kiến.

### 3.2.1.2. Bàn riêng.

#### *a. Có thiện có ác.*

心淨或不淨,      *Tâm tịnh hoặc bất tịnh,*  
 利他或損他;      *Lợi tha hoặc tổn tha;*  
 善行不善行,      *Thiện hành bất thiện hành,*  
 佛子應諦察.      *Phật tử ứng để sát.*

Tâm tịnh hay bất tịnh,      Lợi người hay hại người;  
 Làm lành hay không lành,      Phật tử nên xem kỹ.

#### • **Chánh Kiến có thiện, có ác.**

Phật nói Chánh Kiến ở thế gian có bốn loại.

- **Bắt tay tu học Chánh Kiến từ sự hiểu biết xác đáng về đạo đức.**

Chánh Kiến có thiện, có ác; bắt đầu suy nghĩ làm việc gì chúng ta phải xác tín, có thiện và bất thiện; cũng chính là có đạo đức và không có đạo đức. Chánh Kiến trong Phật pháp từ kiến thức chính xác của thế gian và xuất thế gian có định luật đạo đức. Nếu kiên quyết phủ định đạo đức, đó là tà kiến.

○ **Phân biệt thiện và bất thiện.**

**Như thế nào là Thiện, bất Thiện?**

- ***Căn cứ vào nội tâm mà nói Tâm tịnh hay Bất tịnh.***

Từ nội tâm của chính mình mà nói: “*Tâm tịnh*” là thiện; nếu như “*Không tịnh*” là không thiện.

- ✓ **Tâm tịnh thiện là tâm sở thiện của ba thiện căn.**

Nội tâm của chúng ta luôn luôn có nhân tố bất tịnh là phiền não loạn động; nếu phiền não tạp nhiễm không khởi lên mà nhân tố thanh tịnh của tâm khởi lên, đó là thiện.

Nếu như ngược lại với tham, sân, si là không tham, không sân, không si; ưa chuộng hiền, thánh mà xem trọng tà, quý, bạo ác, khiến cho tâm định, thân an để siêng năng thực hành chỉ ác, hành thiện. Những việc này đều là Tịnh, là Thiện.

- ✓ **Tâm không tịnh, không thiện là tâm sở ác của ba độc.**

Ngược lại với tâm sở thiện trên như: Tham, sân, si, vô tầm, vô quý, bất tín, phóng dật; đó chính là bất tịnh, bất thiện.

- ***Dựa vào việc làm đối với người khác là lợi hay hại.***

Nhìn thấy việc làm ảnh hưởng đến người khác.

Như có lợi đối với người khác là thiện; có hại đối với người khác là bất thiện. Mọi người đều có quan hệ với nhau, nên hợp tác giúp đỡ lẫn nhau; xử sự vui vẻ, hoà thuận đúng phép tắc giữa mình và người.

Như làm một việc gì hại người, lợi mình cũng là bất thiện không thể làm. Hay làm một việc gì hại mình, lợi người cũng là điều không nên làm.

- ***Theo quá trình từ trong ra ngoài: làm lành, làm không lành.***

Từ trong tâm đến ảnh hưởng bên ngoài, chắc chắn có sự khác nhau giữa thiện hạnh và bất thiện hạnh (làm lành và làm không lành).

Hành là động tác của thân, khẩu. Ý hành là động tác của nội tâm. Ba động tác này đều có thiện và bất thiện, cho nên gọi là làm lành, làm không lành.

- **Chánh Kiến là tin, hiểu Thiện, Ác rõ ràng vững chắc.**

Tất cả đệ tử của Phật, hoặc là Phật tử kế thừa gia nghiệp Phật Đà nên quan sát kỹ lưỡng; không những phải tin chắc là thiện hay bất thiện, mà còn phải phân biệt thế nào là thiện, là bất thiện để tu tập thành tựu Chánh kiến kiên định, làm mẫu mực cho chúng ta khi phát tâm thật hành.

*b. Có nghiệp có báo.*

|        |                                  |
|--------|----------------------------------|
| 有報必由業, | <i>Hữu báo tất do nghiệp,</i>    |
| 微小轉廣大, | <i>Vi tiểu chuyển quảng đại,</i> |
| 能引或能滿, | <i>Năng dẫn hoặc năng mãn,</i>   |
| 決定或不定, | <i>Quyết định hoặc bất định,</i> |
| 現生或後報, | <i>Hiện sinh hoặc hậu báo,</i>   |
| 諸業不失壞. | <i>Chư nghiệp bất thất hoại.</i> |

Do nghiệp nên có báo, Nhỏ xíu chuyển thành lớn,  
Hương dẫn đến hoàn mãn, Quyết định hay bất định,  
Đời nay hoặc đời sau, Các nghiệp còn nguyên vẹn.

• **Có nghiệp, có báo là Chánh Kiến.**

- **Không thể có định kiến nghiệp báo thiện, ác; sự tin, hiểu về thiện, ác sẽ dao động.**

Có thiện, có ác, trừ thiểu số tà kiến, hầu hết đều tin hiểu cả.



Song, thiện và ác, dựa vào giá trị hành vi mà nói, chính nó là quả báo về hành vi ấy. Nếu không có định kiến với vấn đề này thì vì hoàn cảnh nào đó mà niềm tin và sự lý giải về thiện và ác sẽ dao động.

Ngày xưa, có một vị đại thần trung quân ái quốc, bị vua xử tử. Lúc sắp chết, ông nói với con trai: “Cha định dạy con làm ác; song, ác thì không thể làm. Cha muốn dạy con làm lành; song cha không thể làm ác!”

Chính vì ông ấy làm lành mà không được quả báo tốt, do đó sanh tâm nghi ngờ đối với Lành và Dữ. Cho nên, chẳng những đối với thiện, ác cần phải có Chánh Kiến nghiệp, mà còn phải có Chánh Kiến nghiệp báo về thiện ác nữa.

○ **Quả báo từ nghiệp nhân sanh ra.**

Tất cả quả báo mà chúng sanh có được, tất nhiên, từ nghiệp lực chiêu cảm.

Có nghiệp, rồi sau, mới có báo. Nghiệp rất nhiều không giống nhau, cho nên mới có quả báo không giống nhau. Nghiệp thì rất là nhiều, rất là phức tạp; vì vậy, quả báo cũng rất nhiều, rất phức tạp.

▪ ***Ý nghĩa của Nghiệp:***

✓ **Nghiệp do sức mạnh của ý chí thúc đẩy.**

Nghiệp là gì? Báo là gì? Nghiệp là việc làm, là động tác.

Động tác thân thể, ngôn ngữ, nội tâm của chúng ta xuất phát từ sự suy tư, sức mạnh ý chí thôi thúc. Ấy là Nghiệp.

✓ Sự liên quan giữa Nghiệp và Báo.

Căn cứ hiện tại để nói: Những hoạt động thân, miệng, ý có thiện, có ác của chúng ta phát sinh bởi một động lực hướng dẫn; đó là giá trị của đạo đức và không có đạo đức.

- Lao động nông nghiệp, công nghiệp giống như sự nghiệp có liên quan với thiện, ác.

Làm thiện, làm ác..., đó là sự nghiệp cũng như công việc lao động về nông nghiệp, về công nghiệp.

- Nghiệp lực giống như giá trị lao động có được, đó là tiền (công).
- Tiền có thể đổi để lấy đồ dùng giống như quả báo.

Nhờ làm việc mà có được tiền bạc, đó là giá trị của lao động, có thể đổi lấy đồ dùng thích hợp; cho nên có nhiều loại nghiệp lực và chiêu cảm được nhiều loại quả báo.

- ***Ý nghĩa của Báo chính là Dị Thục, đó là ý nghĩa đúng nhất, hay Dị Loại Nhi Thục.***

Đây là mối liên hệ ở trong Nhân Quả, thuộc loại Nhân, Quả không cùng loại; như làm lành thì được phước an vui ở cõi trời, làm ác thì bị khổ đau ở địa ngục.

- ***Nghiệp lực do Chánh Kiến làm ra, cảm thọ khổ, vui. Ấy là giá trị của thiện, ác.***

Nghiệp lực dựa vào nơi làm ra thì cảm thọ báo ứng hoặc khổ hoặc vui. Đó là vấn đề quan trọng của Chánh Kiến về Thiện, Ác mới có giá trị nhất định. Chỉ có thể thôi.

- **Xin nêu lên một số ý nghĩa của Nghiệp Báo.**
  - **Từ nhỏ bé trở thành to lớn.**
    - ***Liên tục tạo ra nghiệp nhẹ sẽ tích tập thành nghiệp nặng.***

Ở đây muốn nói: Nghiệp thiện hoặc nghiệp ác nhỏ xíu, nếu liên tục tạo ra thì sẽ tích tập thành nghiệp lực to lớn.

Kinh Cú Pháp nói: 莫輕小惡, 以爲無殃, 水滴雖微, 漸盈大器: mạc khinh tiểu ác, dĩ vi vô ương, thủy đích tuy vi, tiệm doanh đại khí: Chớ xem thường ác nhỏ, Không đem lại tai ương. Giọt nước tuy bé xíu, dần dần đầy ang to. Nghiệp lành cũng như thế.

Người xưa cũng có nói: 勿以惡小而爲之, 勿以善小而不爲: Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi, vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi: Chớ xem thường việc ác nhỏ mà làm; việc thiện nhỏ mà không làm. Ý nghĩa giống như nhau.

- *Tùy hỷ liên tục thì lực dụng của nghiệp sẽ to lớn.*

Lại còn, nếu tạo tác nghiệp ác hại người, xưa nay cho, là không quan trọng, nhưng chính mình, đối với nghiệp ác này, luôn luôn cảm thấy vừa lòng, đắc ý. Như thế, không cắt đứt ác nghiệp tùy hỷ thì lực dụng của ác nhỏ sẽ trở thành to lớn, so với đại ác chẳng khác gì.

Cũng như thế, thiện nghiệp tuy nhỏ bé, nếu chính ta, tâm luôn hoan hỷ, làm theo thì thiện nghiệp nhỏ, từ từ, cũng trở thành thiện nghiệp lớn.

- *Chớ xem thường nghiệp, không tùy hỷ ác nghiệp, tùy hỷ thiện nghiệp.*

Lý do, chúng ta không nên xem thường nghiệp, không nên tùy hỷ ác nghiệp mà, phải tùy hỷ nghiệp lành, mới tốt.

- *Nghiệp có: Năng dẫn, Năng mãn.*

- *Nghiệp năng dẫn.*

Trong vô số nghiệp, có một loại mà nghiệp lực đặc biệt mạnh mẽ. Đó là **Nghiệp Năng Dẫn**, một thật thể báo ứng trong năm đường (ngũ thú) mà chúng ta chiêu cảm: Hoặc sanh cõi trời; hoặc đọa địa ngục; hoặc đọa bàng sanh. Trong ấy còn vô số loại khác nhau nữa, như trong loài bàng sanh có thể là cạp, có thể là cá...

Đã do sức mạnh của nghiệp chiêu cảm được tổng thể của quả báo về một loài thì sẽ thành chúng sanh của loài đó (tổng thể quả báo: Uẩn, Xứ, Giới). Và gọi đó là Dẫn Nghiệp.

▪ ***Mãn nghiệp:***

Còn có một loại nghiệp, hoàn toàn không thể dẫn chúng ta chịu tổng thể quả báo sanh tử mà ngược lại, đối với nhiều phương diện của báo thân người này, có được sự viên mãn hoàn toàn. Đó gọi là **Mãn Nghiệp**.

▪ ***Liên quan giữa Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp.***

Nếu sanh làm người, mặc dù có muôn ngàn sự khác nhau nhưng đều là người; người là tổng báo của Dẫn Nghiệp chiêu cảm.

Những thứ còn lại, như: Sáu căn đầy đủ hay không; tướng mạo có trang nghiêm hay không; màu da đen hay trắng, mắt có sáng tỏ hay không, âm thanh có trong trẻo hay không; hiểu biết có sáng suốt hay không... Những hạng người như thế rất khác nhau, đều do Mãn Nghiệp khác nhau chiêu cảm.

▪ ***Sự khác nhau giữa công sức đời này với nghiệp lực.***

Chẳng qua, trong đó còn có sự khác nhau giữa công sức (hay sự trưởng dưỡng) của đời này với nghiệp báo.

Như tầm nhìn của con người có một hạn chế nhất định (cũng là sự bất đồng của mỗi người). Đó là Nghiệp Lực.

Dựa vào thuốc men, dinh dưỡng, bảo hộ, luyện tập, khiến cho đạt được giới hạn tối đa ấy, ví như tuổi cao mà nhãn lực còn tốt. Đó là nhờ vào sự trường dưỡng của công sức đời này.

○ **Quyết định hay không quyết định.**

Nghiệp còn có hai loại: Quyết định hay không quyết định, trong đó còn có Thời gian và Quả Báo không cùng lúc.

▪ ***Thời gian chịu quả báo***

✓ **Quả báo có thời gian nhất định hay không nhất định.**

Đã có nghiệp, tất nhiên, chiêu cảm quả báo. Đó là quả báo quyết định; nhưng khi nào chịu quả báo? Đời này hay đời sau đó là quả báo bất định.

✓ **Thời gian chịu quả báo thì chắc chắn, còn quả báo thì không chắc chắn.**

Có thời gian chắc chắn chịu quả báo, nhưng chịu quả báo gì thì không chắc chắn.

✓ **Quả báo nhất định, thời gian chịu quả báo cũng nhất định.**

Quả báo chiêu cảm được và thời gian chịu quả báo đều nhất định. Ví dụ: Phạm năm nghiệp Vô Gián: Giết cha, ghét mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng; kiếp sau, chắc chắn, đọa xuống địa ngục.

- ✓ Thời gian chịu quả báo và quả báo đều không nhất định.

Cũng có thời gian và quả báo đều không chắc chắn. Đây hầu hết là nghiệp nhẹ.

- **Tất cả nghiệp đều là nghiệp bất định.**

Cổ đức nói: Tất cả nghiệp đều là nghiệp bất định, nói cách khác, tất cả nghiệp đều có **tính cải thiện**.

Chỉ cần quyết tâm thống thiết thì, dù nghiệp ác gì, cũng đều từ nặng thành nhẹ được hay là có hy vọng chịu quả báo bất định.

- ✓ Dẫn chứng kinh Diêm Du.

Kinh Diêm Du nói: “*Phạm ác nghiệp trọng đại, chỉ cần có đủ thời gian (nếu già chết quá nhanh thì khó); nhưng dựa vào kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật thì còn có một pháp: Niệm Phật A Di Đà với quyết tâm thống thiết “Tu thân, tu giới, tu định, tu huệ” thì nghiệp nặng có thể chịu quả báo nhẹ hay bất định. Đây giống như người lấy rất nhiều muối ném xuống dòng sông sâu, dài thì nước của sông ấy không thể mặn được.*

Ngược lại, tuy tạo nghiệp tội ít mà chẳng biết tu thân, tu giới, tu định, tu huệ cũng phải chịu quả báo khổ. Việc này cũng giống như lấy ít muối bỏ vào cái cốc nước nhỏ thì nước trong cốc ấy vẫn mặn chát. Đây là chứng minh cho nghiệp bất định.

✓ Dẫn pháp Đại Thừa làm chứng.

Trong pháp Đại Thừa, quán sát **Tánh của Nghiệp vốn** không, bằng cách sám hối chuyển hóa tội nặng thành nhẹ hay dứt trừ; cũng chính là ý nghĩa của Tu Huệ. Cho nên, phạm nghiệp ác nặng, chớ có nản lòng mà phải tha thiết sám hối, tu học Phật pháp.

○ **Quả báo đời nay hoặc đời sau.**

▪ **Nói chung về nghiệp của ba thời kỳ.**

Thời gian từ khi tạo Nghiệp và chịu Quả Báo có thể chia làm ba kỳ:

**Nghiệp báo đời hiện tại** là đời này tạo nghiệp, hiện tại phải chịu quả báo.

**Nghiệp báo sau khi sanh** là phải đợi sau khi thân này chết, đời sống kế tiếp ấy, mới chiêu cảm quả báo.

**Nghiệp báo đời sau** là sau khi tạo nghiệp, cần phải cách một, hai hay trải qua trăm, ngàn đời mới chịu quả báo.



**Vì vậy**, Tạo nghiệp, Thọ Báo không thể chỉ căn cứ đời này mà suy tưởng được. Như nói:

|                       |                             |
|-----------------------|-----------------------------|
| 行 惡 見 樂,              | <i>Hành ác kiến lạc,</i>    |
| 為 惡 未 熟,              | <i>Vi ác vị thực,</i>       |
| 至 其 惡 熟,              | <i>Chí kỳ ác thực,</i>      |
| 自 見 受 苦               | <i>Tự kiến thọ khổ.</i>     |
| 行 善 見 苦,              | <i>Hành thiện kiến khổ,</i> |
| 為 善 未 熟,              | <i>Vi thiện vị thực,</i>    |
| 至 其 善 熟,              | <i>Chí kỳ thiện thực,</i>   |
| 自 見 受 樂.              | <i>Tự kiến thọ lạc.</i>     |
| Làm ác mà gặp vui,    | Là vì ác chưa chín.         |
| Đến khi ác ấy chín,   | Tự chịu khổ liền thôi.      |
| Làm lành mà gặp ác,   | Là vì lành chưa chín.       |
| Đến khi lành ấy chín, | Tự gặp an vui ngay.         |

▪ ***Nói riêng nghiệp ba đời.***

- ✓ Nghiệp báo đời này chỉ có kinh báo và hoa báo.

Hiện báo của nghiệp trong ba đời, có thể là nghiệp báo nhẹ, cũng có thể là quả báo của nghiệp nặng.

Bởi vì quả báo hiện tại là nghiệp lực thiện ác đời trước chiêu cảm; chưa chết thì không có cơ sở hay sự cố trọng đại để biến đổi.

- Nghiệp nhẹ chịu quả báo hiện tiền.

Nghiệp nhẹ thì tại sao chịu quả báo hiện tại? Bởi vì nghiệp nhẹ không thay đổi được quả báo quan trọng một đời này.

- Nghiệp nặng tại sao chịu quả báo trong đời này (Đối với quả báo tương lai mà nói)?

Bởi vì nghiệp lực quá nặng, đối với toàn thể quả báo có ở hiện tại, chịu ảnh hưởng quá lớn.

- ✓ Cho đến nghiệp báo đời này và nghiệp báo đời sau đều có khinh trọng.

- **Điểm chung của nghiệp báo là các nghiệp không mất đi.**

- *Nghiệp hợp với duyên thì chịu quả báo.*

Tóm lại, nghiệp có nhiều loại không giống nhau nhưng có một điểm tuyệt đối tương đồng. **Đó là các nghiệp không mất trước khi chịu quả báo, nếu như chưa chứng quả vị giải thoát; đó là nghiệp không thể mất đi, cho dù thế nào.** Có nghiệp thì có báo. Đời này chưa chịu quả báo, đời sau chưa chịu, đến ngàn vạn đời sau, nghiệp lực vẫn hiển nhiên tồn tại; chỉ cần nhân, duyên hòa hợp, thì quả báo ắt phải nhận lấy.

- *Xin nêu thí dụ trong Tam Muội Thủy Sâm:*

Phẩm Duyên Khởi trong Tam Muội Thủy Sám nói rằng: Vào thời Tây Hán, vì Viên Áng bị hại nên giết lầm Triệu Thố. Tội sát sanh do Viên Áng làm (sai người khác giết), mãi đến khi chưa chịu quả báo. Đến mãi kiếp sau, khi làm quốc sư Ngô Đạt vào cuối nhà Đường, Quốc Sư Ngô Đạt do tham đắm tòa trầm hương mới chiêu cảm quả báo ác nghiệp là mặt ghê mặt người xuất hiện ở đầu gối của ngài. Theo truyền thuyết này nói lên ý nghĩa: Nghiệp lực rõ ràng không thể mất đi được.

c. *Có đời trước, có đời sau.*

隨業報善惡, *Tùy nghiệp báo thiện, ác,*  
 五趣常流轉, *Ngũ thú thường lưu chuyển,*  
 隨重或隨習, *Tùy trọng hoặc tùy tập,*  
 或復隨憶念, *Hoặc phục tùy ức niệm,*  
 由業往後有, *Do nghiệp vãng hậu hữu,*  
 薪盡火相傳. *Tân tận hỏa tương truyền.*

Quả Thiện, Ác tùy nghiệp, Năm nẻo thường tới lui,  
 Tùy Nặng hoặc tùy Tập, Hoặc còn tùy Nhớ Nghĩ,  
 Từ nghiệp đến thân sau, Củi hết lửa còn truyền.

• **Chánh Kiến là nhận biết có đời trước, có kiếp sau.**

- **Không thể tin nhận hai quan niệm: Đòi trước, đòi sau.**

Thiện, ác đều có quả báo, đa số tin điều này. Nhưng có một ít chỉ tin quả báo hiện tại của nghiệp hiện tại, không tin quả báo đòi sau. Nhưng làm thiện, làm ác, quả báo hiện tiền chỉ có số ít nên không thể hiểu lầm rằng “*Thiên Đạo vô tri*” (Đạo trời không thấu).

Có số ít người chỉ tin quả báo nghiệp thiện, ác ở đời con, cháu. Như nói: Tích thiện chỉ gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương: Nhà nào chứa điều thiện, chắc chắn dư sự an vui; nhà nào chứa điều ác, chắc chắn dư sự tai ương.

Có một số người chỉ tin đời này, đời sau nhưng không tin đời trước,...

Dựa vào tôn giáo này, tuy dạng người bỏ ác hướng thiện nhưng không hiểu rõ đời trước, đối với quả báo đời này nhiều sự khác nhau thì không có cách nào nói cho rõ được, cũng không có cách nào làm cho người ta phát sanh chánh kiến hợp lý.

- **Vì vậy,** không chỉ có Chánh Kiến về thiện, ác, nghiệp báo; đối với đời trước, đời sau, cần tiên thêm một bước nữa với sự tín giải kiên định, hầu Chánh Kiến mới phát sanh được.
- **Nghiệp báo lưu chuyển đối với đời trước, đời sau.**

○ Tùy theo nghiệp mà chiêu cảm quả báo thiện, ác.

Chúng sanh tạo ra nhiều nghiệp, nào: Thiện nghiệp, ác nghiệp, dẫn nghiệp, mãn nghiệp, sanh báo nghiệp, hậu báo nghiệp. Tùy theo nghiệp lực này mà chiêu cảm đến quả báo đời sau.

Quả báo của thiện nghiệp ở cõi người, cõi trời. Quả báo của ác nghiệp ở địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ.

○ Thường trôi lăn trong năm đường.

▪ Sự khác nhau giữa năm đường.

Năm đường là địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, người, trời. Từ vô thủy đến nay, chúng sanh luôn luôn trôi lăn trong năm nẻo luân hồi do nghiệp lực thiện, ác; sanh mãi không ngừng.

Chữ Thú có nghĩa là hướng về; chính là theo nghiệp dẫn đến nơi ấy. Với năm loại này nên gọi là Năm Đường.

▪ Sự khác nhau giữa năm đường và sáu đường:

✓ Lập riêng A Tu La thành sáu đường.

Thêm A Tu La vào năm đường ở trên thành sáu đường. A Tu La dịch ý là Phi Thiên. Đạo là dịch khác của Thú.

✓ Nếu gộp A Tu La vào đường quỷ hay bàng sanh thì thành năm đường.

Trong kinh luận của Đại, Tiểu Thừa có khi nói năm đường, có khi nói sáu đường. Phần lớn A Tu La ở trong biển lớn, cho nên có thể gọi vào đường quý hay đường bằng sanh thì thành năm đường.

▪ ***Phạm vi lưu chuyển là ở trong năm đường ấy.***

Lưu chuyển là luân hồi. Lưu chuyển là Luân hồi. Ở đây không nói là lên, xuống năm đường; đời trước, đời sau; có một thứ tự cố định, mà là muốn nói lên hay xuống, tới lui cũng không ra ngoài phạm vi năm đường ấy.

○ ***Có ba loại nghiệp lực từ đời này đến đời kia.***

Lấy đời này để nói thì nghiệp được tạo ra rất khó kể xiết và nghiệp lực chưa chấm dứt trong đời quá khứ còn tích lũy đến hiện tại. Đó là nghiệp đời trước chưa hết mà, nghiệp đời sau lại đến và càng về sau càng nhiều. Nếu đời này chết đi thì cuối cùng quả báo đời sau là chiêu cảm một loại nghiệp gì? Không thể xác định được, nhưng không ra ngoài ba loại lớn:

▪ ***Tùy trọng.***

Có người làm nghiệp lành trọng đại hoặc làm nghiệp ác trọng đại, như năm nghiệp vô gián...

Nghiệp lực mạnh mẽ khác thường, không kể đến có ý thức hay không có ý thức thì Trọng nghiệp vẫn chiếm địa vị ưu việt.

Đến khi sắp chết, thấy địa ngục hoặc thấy thiên đường. Đó chính là Nghiệp Tướng hiện tiền. Đó là những dấu hiệu thần thức người chết đi lên hoặc đi xuống. Cứ tiếp tục như thế trọng nghiệp thiện hay ác khởi lên công dụng chiêu cảm quả báo đời vị lai một cách chắc chắn.

▪ *Tùy tập.*

Tập quán tạo tác không dừng. Đã không có trọng ác, cũng không có đại thiện trong một đời trôi qua.

Trong một đời trôi qua, tuy trọng nghiệp không rõ ràng nhưng nghiệp thiện, ác đã làm liên tục. Đối với nghiệp thiện hoặc ác nào đó nuôi dưỡng thành tập quán và đã trở thành sức mạnh to lớn; đến khi sắp chết, loại nghiệp lực do tập quán này tạo thành, tự nhiên, phát sanh tác dụng chiêu cảm quả báo đời sau. Đây là điều chắc chắn.

Hồi xưa, có một vị trưởng giả hỏi Phật: Thường ngày, con niệm Phật, không mất chánh niệm. Nhưng mà, có lúc ở ngã tư đường, người đông xe cộ cũng nhiều, đến cố tâm niệm Phật cũng quên. Con chợt nghĩ, ngay tại lúc đó, chẳng may chết đi thì không biết có bị đọa lạc hay không?

Đức Phật bảo với ông: Sẽ không bị đọa lạc, vì ông thường ngày niệm Phật, nuôi dưỡng đã thành tập quán thiện hướng về Phật, cho nên, dù mất chánh niệm khi

chết cũng sẽ sanh lên cõi trời; vì nghiệp lực lớn mạnh nên, không nhất định, tương ứng với Tâm. Ví như một cây lớn nghiêng về phía Đông, khi cây ấy bị đốn, chắc chắn nó sẽ ngã về hướng ấy.

**Quan trọng nhất là thường ngày nuôi dưỡng Thiện nghiệp thành tập quán.** Cho nên phải ngưng ác, làm lành; hay làm các nghiệp lành trọng đại. Như vậy, dĩ nhiên là rất tốt. Việc cần thiết nhất là còn phải tu hành hằng ngày để nuôi dưỡng thành tập quán thì lúc chết, nhờ nghiệp lực sẽ đi lên.

▪ *Tùy ức niệm.*

Hoặc có người tùy Ưc Niệm. Nghĩa là đang sống mà không có nghiệp thiện hay ác to lớn, quan trọng; cũng không tạo ra tập quán thiện hay ác nghiệp, đến lúc chết, hoảng hốt, rơi vào tình huống chẳng biết đi về đâu. Cuối cùng, bỗng nhớ đến việc lành đã làm, nhờ thế, phát sanh thiện nghiệp, rồi cảm thọ được quả báo trời, người; nếu bỗng nhớ việc ác đã làm lúc sống, do đó, phát sanh ác nghiệp đưa đến đọa lạc. Đối với loại người này, khi sắp chết mà nhớ lại việc đã làm khi sống như thế, là cực kỳ quan trọng. Vì vậy, khi người sắp chết, tốt nhất là nói pháp cho họ nghe, niệm Phật cho họ nghe, nhắc lại những việc làm lành của họ khi còn sống, để họ nhớ lại việc lành ấy, thì sẽ chiêu cảm quả báo thiện nghiệp đã làm.

**Quan trọng nhất là huân tập nghiệp mọi lúc mọi nơi.**



Trợ niệm khi sắp chết của Tịnh Độ Tông cũng nằm trong ý nghĩa này. Đó cũng là cách **Tùy Ưc Niệm** (gợi lại trí nhớ trong ký ức), giống như Tùy Trọng, Tùy Tập của chúng sanh, đến lúc sắp chết, nghiệp lực rất lớn. Nếu Trọng Nghiệp, Tập Nghiệp là ác thì rất khó làm cho những người ấy nhớ lại Tam Bảo hay công đức Bồ Thái, Trì Giới. Học Phật, Tu Hành rốt lại là việc làm khẩn thiết lúc sanh bình.

- **Nghiệp cảm sống, chết tương tục không dứt.**

- **Từ nghiệp đi đến Thân sau.**

- ***Từ Nghiệp chiêu cảm Quả Báo; sống chết tiếp nối không dễ gì nhận thấy rõ ràng.***

Chúng sanh, ở trong sống chết, không được tự tại mà thuận theo sự sắp xếp của Nghiệp Lực. Đời sống hiện tại trải qua giai đoạn tử vong, rồi chuyển biến, bắt đầu một đời sống mới, đi đến những quả báo đời sau cũng thế. Đây chính là sanh rồi lại sanh, trong khoảng đời này và đời sau; không phải một, không phải khác; liên tục, không phải thường, không phải đoạn; quả thật, cực sâu sắc, không dễ nhận thấy rõ ràng được.

- ***Đối với vấn đề Nghiệp Cảm Sanh, Tử.***

- ✓ **Bậc Thánh và người chứng được thiên nhãn thông thấy rõ quả báo do nghiệp cảm.**

Do nghiệp cảm quả báo mà sống, chết không dừng. Với bậc Thánh thì không chút nghi ngờ; đặc biệt người chứng được thiên nhãn Thông (ngoại đạo cũng chứng được, cho nên, ngoại đạo cũng lý giải, tin tưởng ít nhiều nghiệp báo đời trước, đời sau), đối với vấn đề này thấy rõ, không sai lầm.

- ✓ Nhưng hầu hết phàm phu không có trí thanh tịnh, đối với đời trước kiếp sau, hoàn toàn mờ tối, đâu có biết gì.

Tuy có một ít người biết được nhân và đời sống kiếp trước, nhưng lại bị duy vật luận tầm thường phủ nhận.

- ✓ Ba cách hiểu rõ và tin tưởng Nghiệp Cảm

Có thể biết, hiểu rõ và tin tưởng Nghiệp Cảm bằng ba cách: **Hiện Chứng Lượng, Thánh Ngôn Lượng, Tỷ Lượng.**

Cho nên, tốt nhất cho việc tu học là dựa vào Pháp Phật, mới được trí thanh tịnh, phát sanh thiên nhãn thông thì chính mình sẽ chứng thật vấn đề này.

Ngoài cách này ra, chỉ có niềm tin lời dạy của Đức Như Lai và dựa vào khả năng suy luận mới tin tưởng, hiểu được.

- *Củ hết lửa vẫn lưu truyền.*

Nói rõ ràng giáo lý, người mới học không dễ gì. Xin tạm nêu lên một ví dụ: “Củ hết lửa vẫn lưu truyền” để nói rõ ý nghĩa.

- ***Từ ví dụ trên sẽ nêu lên mối quan hệ giữa đời trước, đời sau không phải thường, không phải đoạn một cách rõ ràng.***

Trang Tử nói: 薪火傳也, 不知其盡也:  
Tân hỏa truyền dã, bất tri kỳ tận dã: Lửa, Củi truyền nhau, không biết cái tận cùng của nó.

Đại sư Viễn Công ở núi Lô đã từng dẫn ví dụ này để nói về đạo lý tương tục của chết và sống.

- ✓ Lửa trước và lửa sau.

Giống như củi trước đốt cháy phừng lên ánh sáng, đợi đến khi củi hết, lửa tắt; lại đốt đến bó củi khác, lửa cháy lên trở lại càng dữ hơn.

Củi trước không phải là củi sau; lửa sau cũng không phải là lửa trước; nhưng lửa sau không thể không nói từ lửa của củi trước đến.

- ✓ Đời này và kiếp sau.

Với những thuyết này nói rằng khi hoạt động của sanh mạng ngừng lại thì mở ra một sanh mạng mới; đời này không phải là đời sau, nhưng mà, đời sau chắc chắn dựa vào nghiệp lực của đời này mà có.

- ***Từ lửa của củi tiếp nối sẽ rõ được mối quan hệ giữa đời này, đời sau không phải một, không phải khác.***

Nhưng từ chết đến sống, đều có khoảng cách của không gian và thời gian, vì vậy, việc tái sinh sau khi chết được tiếp nối như thế nào là điều cần, phải giải thích cho rõ.

- ✓ Phật nói: Công năng ở đời quá khứ khi Nghiệp Diệt không mất.

Dựa vào nghĩa sâu xa của pháp Phật mà nói: Sự hoạt động của Thân, Tâm là sự biểu hiện hình thái của sanh mạng.

Khi chết thì, từng sát na, thân, tâm mất đi. Sự biểu hiện rõ nhất của Thân, Tâm, lúc ấy, bỗng nhiên dừng lại; nhưng hoạt động của Thân, Tâm ở quá khứ thì không mất. Đây chính là “業滅過去，功能不失”： Nghiệp diệt quá khứ, Công Năng bất thất”. Đây có thể nói: Sanh mạng tiềm tại.

Chờ đến khi Nhân Duyên chín muồi thì Nghiệp Lực quá khứ sẽ dẫn đến hoạt động của một Thân, Tâm mới và bắt đầu một sanh mạng mới.

- ✓ Dụ hợp: Nghiệp lực không mất như tro tàn lại cháy.

Bây giờ dùng lại ví dụ: Củi, Lửa tương truyền.

Khi lửa đốt vật, ánh sáng phát ra mạnh mẽ, giống như biểu hiện sự hoạt động của sanh mạng. Chờ đến lửa cháy hết hoàn toàn thì ánh sáng của lửa phát ra

cũng hết. Giống như kết quả của một mạng sống: Chết rồi Lửa đã tắt, tro nóng dường như cũng lạnh dần, nhưng tro nóng gặp được vật dễ cháy, còn thêm ngọn gió thổi vào, giống như tro tàn lại phát cháy, giống như ánh sáng mới phát ra hùng hực.

Chờ đến khi nhân duyên hoà hợp thì Nghiệp Lực ở quá khứ sẽ phát sanh ra một mạng sống mới.

○ **Tóm lại, sanh tử nối tiếp nhau không thường, không đoạn; không một, không khác.**

- ***Theo ví dụ mà nói: Thời gian, không gian của đời trước, đời sau đều không làm trở ngại khoảng cách.***

Ánh sáng từ tro tàn mà cháy lại không phải là lửa đời trước, nhưng mối quan hệ với lửa đời trước thì rõ ràng không thể phân ly. Đây giống như đời sau không phải đời trước, nhưng nghiệp lực đời trước và đời sau có quan hệ.

Từ lửa trước đến lửa sau, về thời gian, có thể có gián cách. Đây giống như khoảng cách thời gian và không gian giữa đời trước và đời sau, về cự ly, không có trở ngại. Đây chỉ là ví dụ thôi.

- ***Dựa vào pháp Phật mà nói: Trong Pháp Tánh Không, giống như ảo hoá, không thể có gián cách của thời gian, không gian.***

Nếu dựa vào Phật pháp mà nói: Nghiệp Lực của quá khứ, ở trong pháp Tánh không như ảo hoá, vốn không thể nói có sự gián cách của thời gian, không gian, chỉ cần sự hoà hợp của Nhân Duyên (như con người sinh ra cần có sự hòa hợp tinh cha, huyết mẹ...) trong khoảng thời gian, không gian nào đó để dẫn đến một sanh mạng mới được sanh ra và hoạt động của Thân, Tâm mới bắt đầu.

*d. Có cảnh thánh, cảnh phàm.*

生死常相續, *Sanh tử thường tương tục,*

聖者得解脫, *Thánh giả đắc giải thoát,*

凡聖縛脫異, *Phàm thánh phược thoát dị,*

深信勿疑惑. *Thâm tín vật nghi hoặc.*

Sống chết luôn tiếp nối, Bậc Thánh thì giải thoát,

Phàm phu bị trói buộc, Tin sâu chớ nghi ngờ.

• **Chánh kiến có phàm phu và Thánh nhân.**

- **Có người tin ba chánh kiến ở trước, nhưng không tin bậc thánh, con người thì không hy vọng gì.**

Chánh kiến có chánh kiến thiện ác, nghiệp báo, đời trước đời sau. Tuy nhiên, rất khó có được chánh kiến. Ví như không tin cảnh giới tự tại, giải thoát của bậc thánh; chúng sanh thật là khổ! Trôi lăn trong năm

đường; sống chết liên tục; lên xuống không ngừng. Đây là màn bi kịch của con người diễn hoài không dứt. Làm thế nào đây!

- **Tin tưởng vào bậc Thánh thì con người mới phá tan được u minh, hướng về ánh sáng.**

Con người quyết không tuyệt vọng, như thế mà, tin chắc vào sự tự tại, giải thoát của bậc thánh mới có thể tiến bước, vươn xa; phá tan hắc ám, khai thác ánh sáng vô biên. Vì vậy, cần thiết phải có Chánh Kiến về phàm phu, về thánh nhân.

- **Sự khác nhau giữa phàm, thánh.**

- **Đối diện với sống, chết thì mới hiểu rõ phàm, thánh.**

- ***Phàm phu sanh, tử nối tiếp không dừng.***

Từ vô thi đến nay, chúng sanh ở trong năm đường, sống chết, chết sống, lưu chuyển tương tục; nói chung, đây là hạng phàm phu.

- ***Bậc Thánh thì từ sanh, tử mà được giải thoát.***

- ✓ **Bậc Thánh trải qua tu hành mà chứng được và ra khỏi sanh tử.**

Thánh nhân là dùng trí thanh tịnh, vô lậu, thể chứng pháp Tánh.

Như thế nào mới gọi là bậc Thánh?

Một khi thể hiện được Trí Vô Lậu, thanh tịnh, thể chứng được Pháp Tánh (Chân Như của tất cả Pháp); đó chính là Thánh Nhân. Chớ lẫn lộn với thần thánh giả danh của thế gian. Thánh nhân cũng có nhiều cấp bậc; nhưng so với phàm phu, căn bản không giống nhau. Đó chính là ở chỗ, một bên, chứng được Trí thanh tịnh và thể nhập chân lý; một bên thì chưa.

- ✓ Giải thoát là bằng Trí Thanh Tịnh cắt đứt căn bản phiền não, sanh tử.

Thế nào gọi là Giải Thoát? Giải là mở ra; Thoát là ra khỏi.

Ở trong sanh tử, chúng sanh không được tự tại, giống như bị trời buộc ở trong lưới.

Bậc Thánh đã chứng được Trí Thanh Tịnh thì cắt đứt phiền não căn bản sanh tử. Đây là từ sanh tử mới được giải thoát, mới được tự tại, mới được an lạc chân thật.

- *Dựa vào ngu si và trí huệ hiểu rõ Phàm, Thánh.*
- ✓ Tất cả phàm phu, thánh nhân đều có Thân Thức.

Phàm phu, Thánh nhân từ xưa đến nay đều giống nhau là có thân thức, hay có báo thân là Thân Thức (有識之身 Hữu thức chi thân).



- ✓ Vì vô minh và trí huệ nên có sự khác nhau giữa phàm, thánh.

Bởi vì phàm phu ngu si lấy Vô Minh làm chủ nên mới bị trói buộc trong sanh tử, không được tự tại.

Bậc thánh nhờ tu tập vững chãi nên mới được Trí thanh tịnh, lấy Bát Nhã làm chủ nên mới thoát khỏi sự trói buộc của sanh tử.

- *Phàm, Thánh khác nhau ở chỗ trói buộc và giải thoát; nên tin sâu, chớ nghi ngờ, dù tí xíu.*

Đây là sự khác nhau giữa phàm thì trói buộc còn thánh thì giải thoát, phải có lòng tin sâu sắc, chớ nghi ngờ dù tí xíu.

- ✓ Tin có bậc Thánh là có giải thoát, có sự tu dưỡng thì dần dần trở thành hạt giống của pháp xuất thế.

Vì có lòng tin thì biết có bậc Thánh, có giải thoát, có trí huệ chân chánh, có năng lực lớn; đối với công đức của bậc Thánh như: Tam Minh (thiên nhãn, túc mạng, lậu tận), lục thông (thần cảnh, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, lậu tận), thập lực (Xứ phi xứ trí, nghiệp dị thực trí, tịnh lực giải thoát đẳng trì đẳng chí trí, căn thắng liệt trí, chủng chủng thắng giải trí, chủng chủng giới trí, biến thú hành trí, túc trụ tùy

niệm trí, tử sanh trí, lậu tận trí), Tứ vô sở úy (thuyết nhất thiết trí, thuyết lậu tận, thuyết tận khổ đạo, thuyết chướng đạo), Thập bát bất cộng pháp (thân vô thất, ngữ vô thất, niệm vô thất, vô dị tướng, vô bất định tâm, vô bất tri dĩ xả, dục vô giảm, tinh tấn vô giảm, niệm vô giảm, huệ vô giảm, giải thoát vô giảm, giải thoát tri kiến vô giảm, trí tri quá khứ vô trước vô ngại, trí tri vi lai vô trước vô ngại, trí tri hiện tại vô trước vô ngại, thân nghiệp tùy trí huệ hành, ngữ nghiệp tùy trí huệ hành, ý nghiệp tùy trí huệ hành), đều tin nhận hoàn toàn. Khả năng này chính là phương cách phụng hành Nhân Thừa, Thiên Thừa; hiện giờ chưa thể cầu mong tiến bước trên đường xuất thế, giải thoát theo pháp Phật mà chỉ có thể nuôi dưỡng từ từ hạt giống pháp xuất thế.

- ✓ Không tin có bậc thánh thì trăm điều hại, không một điều lợi.

Nếu không như thế thì tất cả công đức của bao nhiêu bậc Thánh đều không thể tin được. Đây không những là chê bai sự thật mà còn huân tập thành chủng tử của tà pháp và nó làm chướng ngại cho sự tiến tu của chính mình.

- Cách suy nghĩ của người ngu.

Có một ít người tự cho mình thông minh, lấy cái hiểu biết của phàm phu đem so sánh tất cả với những

kiến thức khác, biết rằng mình không phải là Thánh, không có trí thanh tịnh, không có thần thông. Con người đều là như thế, làm gì có thánh nhân trong đó? Đây là sự ngu si của loại người này. Thật đáng thương sao.

- Nêu lên những việc thô thiển của thế gian để làm rõ tình huống ấy.

Giống như dùng đất sét để làm cái bình mà chưa qua lửa nung luyện nên gặp nước thì tan rã; gặp nắng nóng gió thổi bể hư, hao mòn. Còn nếu đã qua lửa nung luyện thì sẽ thành cái bình sứ, lúc ấy, gặp nước sẽ không tan, gặp gió thổi, gặp nắng soi sẽ không hao mòn, tan vỡ.

Những việc tầm thường, thô thiển của thế gian đã trải qua tu luyện vẫn còn vô số bất đồng, hướng chi tự xung: “Con người là linh thiêng nhất trong vạn vật” sao?.

- ✓ Tin và hiểu thật sâu sắc sự tồn tại của phàm, Thánh để đưa đến Chánh kiến vững chắc.

Sự tồn tại của phàm phu và Thánh nhân, từ trong niềm tin và hiểu biết thật sâu sắc, vững chãi thì mới phát khởi Chánh Kiến kiên định.

Trên đã nói rõ nội dung chủ yếu của Chánh Kiến thế gian. Đó là kiến thức không thể thiếu của người tu, học pháp Phật.

### 3.2.2. Năm hướng của thế gian

#### 3.2.2.1. Năm đường trong thế gian có nhiều bức bách và khổ đau.

流轉五趣中, *Lưu chuyển ngũ thú trung,*  
 身心多苦迫. *Thân tâm đa khổ bách.*

Trôi nổi trong năm đường,  
 Thân tâm nhiều đau thương.

- **Tóm lại, năm đường nhiều đau khổ, bức bách.**

Chúng sanh trôi nổi trong năm đường, thật sự không dễ chịu chút nào. Về thân tâm luôn luôn chịu biết bao khổ sở.

- **Riêng nói khổ sở nhiều ít của năm đường.**

Chẳng qua từ khổ nhiều đến khổ ít nên cũng cảm thấy nhẹ nhàng đôi chút.

Ba đường ác khổ nhiều, không cần nói nhiều.

Người đời cũng thế “*Trong mười chuyện thì chín chuyện không như ý*”.

Chư thiên hưởng phước cũng trở lại buồn khổ. Đặc biệt là lúc sắp chết, tự biết mình sẽ bị đoạ lạc, buồn khổ vô cùng không thể nói lên lời!

## 3.2.2.2. Khổ và Vui khác nhau.

## a. Đường ác.

**Phân biệt các đường ác****Địa ngục.**

大地獄極熱, *Địa ngục cực nhiệt,*  
 近邊遍遊歷, *Cận biên biến du lịch,*  
 八寒及孤獨, *Bát Hàn cập Cô Độc,*  
 是諸苦中極. *Thị chư khổ trung cực.*

Đại địa ngục nóng lắm, Từ gần cho đến xa,  
 Bát Hàn và Cô Độc, Nhưng nơi khổ rất mực..

• **Ý nghĩa của địa ngục.**

Trước nói sự khổ đau của địa ngục. Địa ngục tiếng Phạn gọi là Nại Lạc Ca, có nghĩa là chỗ khổ.

• **Hợp bốn loại địa ngục thành mười tám loại địa ngục.**

Địa ngục chia ra bốn loại, tổng cộng mười tám địa ngục.

- **Loại thứ nhất là tám địa ngục nóng, là địa ngục lớn rất nóng.**

- ***Chịu khổ sở nóng bức vô cùng do lửa dữ thiêu đốt, nên gọi là tám địa ngục nóng.***

Chủ yếu là tám địa ngục nóng.

Chủ yếu là tám địa ngục căn bản.

Do lửa dữ thiêu đốt, chịu khổ đau bức bách, nên gọi là tám địa ngục nóng.

Thiết lập tám địa ngục nóng ở trung tâm địa cầu.

✓ Tên gọi và đặc điểm của tám địa ngục lớn.

- Tám địa ngục lớn là: Đẳng hoạt, hắc thằng, chúng hợp, hào khiêu, đại hào khiêu, viêm nhiệt, cực nhiệt, vô gián.
  - Đặc điểm: Những địa ngục này có hai đặc điểm:
- + Chịu bức hại của lửa thiêu đốt nóng như nước đồng sôi.

Hết thầy đều bị lửa thiêu đốt dữ dội, tương tự nước đồng sắt nấu chảy (gần giống như nham thạch của núi lửa). Đất sắt, nhà sắt, chảo sắt, rào sắt, núi sắt, dây sắt, dao sắt, vòng sắt, chày sắt, chuỗi sắt, than sắt, đinh sắt, kiếm sắt, viên sắt; những đồng sắt đốt cháy này với vô vàn cách bức bách tội nhân.

+ Thân to sống lâu, cùng cực khổ đau không ngừng mà muốn chết không thể.

Thân thể càng lớn, tuổi thọ càng dài (địa ngục vô gián sống lâu một trung kiếp = 335.960.000 năm). Nguyên nhân có những đau khổ vô cùng trong địa ngục, không phải muốn chết mà được, muốn sống cũng không xong, vì đời trước nghiệp lực chưa hết nên đâu có cách nào, chết cho được; đốt cháy thành tro mà còn phải sống lại. Địa ngục vô gián sâu tận trong lòng đất (tiếng Phạn là A Tỳ) lửa cháy dữ dội, thân thể cực kỳ thống khổ, không gián đoạn tí nào. Đây là chỗ chịu quả báo cho chúng sanh tạo tội cực ác.

○ **Địa ngục cận biên.**

- ***Sự quan hệ giữa địa ngục cận biên và bát nhiệt địa ngục.***

Địa ngục Cận Biên còn gọi là Du Tăng địa ngục. Nơi đây gần với tám địa ngục lớn, nhiệt độ của những địa ngục này tương đương với nhau.

- ✓ **Từ tám địa ngục nhiệt hợp với bốn cửa thành 128 địa ngục.**

Mỗi địa ngục lớn đều có bốn cửa. Từ mỗi cửa đi ra có bốn loại địa ngục giống nhau. Như thế, mỗi địa ngục có bốn cửa và mỗi cửa có bốn địa ngục, tổng cộng có mười sáu địa ngục. Tám địa ngục đều như thế nên tất cả có 128 địa ngục.

- ✓ **Giải thích danh từ Du Tăng (遊 增).**

Chúng sanh trong tám địa ngục lớn, khi chịu khổ đau xong thì từ mỗi cửa đi ra, lại lần lượt phải đi khắp bốn cửa địa ngục này. Mỗi nơi đi đến chịu khổ đau càng tăng lên, cho nên gọi là Du Tăng.

▪ ***Tên gọi và nội dung của bốn địa ngục.***

Bốn địa ngục là:

***Đường Ôi:*** Hầm tro nóng bức.

***Thử Phần:*** Hồ chứa phân bùn và rất nhiều ruồi nhặng đục khoét.

***Phong nhện*** có ba nơi: Đường lưỡi dao; Rừng lá như cây kiếm; trong rừng còn có chó dữ; Rừng Thích Thiết, trong rừng còn có chim lớn mỏ bằng sắt. Ba chỗ này đều bị dao, tên đâm chém, khổ đau.

***Vô Cực Hà:*** Nơi nước tro sôi nóng, rơi vào trong đó giống như đậu rang trong chảo dầu sôi.

○ ***Bát hàn địa ngục.***

- ***Vị trí địa lý của Bát hàn địa ngục là Nam Cực và Bắc Cực.***

Bát hàn địa ngục hoặc nói từ Bát đại địa ngục, từ chiều ngang trung tâm địa cầu đến ngoài biên; hoặc là ở bên kia núi Thiết Vi. Núi Thiết Vi là một phần của thế giới này, nó nằm ven địa cầu. Truyền thuyết mặt trời, mặt trăng khó chiếu đến, rất lạnh, cho nên, suy ra Hàn địa ngục ở Nam, Bắc cực, có thể không sai.



- *Giải thích tên gọi, ý nghĩa của Bát hàn địa ngục.*

### **Bát hàn địa ngục là:**

Bao hay Bao Liệt là mụn, nhọt vỡ ra.

Hát triết tra, Hách hách phàm, Hổ hổ phàm (đây là ba nơi, dựa vào sự lạnh buốt mà gọi tên).

Thanh liên, Hồng liên, Đại hồng liên (đây là ba nơi, dựa vào màu da và sự nứt nẻ của da mà gọi tên). Sống rất dài nên thống khổ không chịu thấu.

Vì vậy nói rằng:

*Lạnh buốt xương thịt, không gì sánh nổi,*

*Khắp thân run rẩy và co quắp,*

*Hàng trăm mụn nhọt sanh trùng nhận,*

*Bắt nhai máu tuỷ chảy đầy miệng,*

*Răng lạnh thấu xương, lông dựng ngược,*

*Mắt, tai, cổ họng băng đóng kín,*

*Thân, tâm u tối vô cùng tận.*

*Trong Hàn địa ngục khổ dường nào!*

- **Cô độc địa ngục.**

- **Chỗ của Cô độc địa ngục là Nhân gian.**

Địa ngục cô độc có thể nói là Địa ngục ở nhân gian, hoặc ở trong núi sâu, hoặc ở nơi hải đảo, hoặc ở nơi đồng trống, hoặc ở chốn rừng thẳm. Những nơi ấy đều có loại địa ngục này.

▪ ***Ý nghĩa của Cô độc địa ngục.***

Đây không phải là nhiều người tập trung một chỗ mà là ít người, hoặc chỉ một hai người. Do nghiệp lực khác nhau mà chiêu cảm đi đến địa ngục này. Một loại quả báo nên gọi là Cô độc.

▪ ***Xin nêu ví dụ để thuyết minh.***

Có người cha ngược đãi con gái ruột, nhốt con trong căn phòng tối tăm, không ánh sáng, không thoáng khí, ăn không no, mặc không ấm suốt mười lăm năm, đứa trẻ phát triển không còn giống con người nữa. Tình cảnh của đứa bé này tương tự địa ngục cô độc.

• **Cái khổ cùng cực trong bốn loại mười tám địa ngục.**

Bốn loại mười tám địa ngục này là nơi tất cả chúng sanh chịu khổ sở cùng cực. Trước việc không có cách nào giải thoát sanh tử. Mọi người đều nhận thấy cái khả năng đoạ lạc, khổ đau này nên sanh tâm cực kỳ sợ hãi. Tốt nhất là chớ làm ác.

**Bàng sanh.**

旁生種種異, *Bàng sanh chủng chủng dị,*

吞噉驅使苦. *Thôn đạm khu sử khổ.*

Bàng sanh bao nhiêu loại, Cắn xé ăn lẫn nhau.

- **Nói sơ qua về nhiều loại bàng sanh khác nhau.**

Lại nói về khổ đau bức bách của loài bàng sanh. Bàng sanh hoặc gọi là súc sanh là bao quát tất cả những loài ngoài loài người. Người cận đại gọi đó là động vật. Hình thái, nhan sắc, chỗ ở, sinh hoạt, tuổi thọ của chúng ta hoàn toàn khác hẳn với những loài ấy.

- **Hình thái từ không chân đến nhiều chân.**

Loài không chân: con giun đất. Loài hai chân: loài chim. Loài bốn chân: loài thú. Loài nhiều chân: từ sáu, tám đến nhiều chân là loài trùng.

- **Chỗ ở: gồm lưỡng thể và ba thể.**

Nói về chỗ ở, vốn trước kia ở trong biển lớn, sau mới chia ra mỗi loài một nơi. Do vậy mới có loài ở trong nước, loài ở đất liền, loài ở không gian khác nhau. Trong ấy, có loài lưỡng thể, có loài bay trong không gian, có loài đi trên đất, có loài lặn xuống nước.

- **Sinh hoạt và tuổi thọ khác nhau rất lớn.**

Trí lực của chúng ta có cao thấp, thọ mạng của chúng ta có dài ngắn, hưởng thọ của chúng ta có khổ vui đều có sự khác nhau rất xa.

- **Thân sắc và hình thái đều do tâm lý ảnh hưởng đến sinh lý mà thành.**

Kinh nói “鳥等心種種故色種種” : Điều đẳng Tâm chủng cố, sắc chủng chủng: Các loài như chim vân vân, vì có tâm niệm phức tạp, nên màu sắc sặc sỡ. Dựa vào những nghiên cứu gần đây đã chứng minh vấn đề này.

Mắt của chim và thú (phát sinh nhãn thức) có khả năng phân biệt màu sắc: Xanh, hồng, tím và lông mao lông vũ trên thân của loài này với màu sắc rất đẹp; nếu những loài ấy không biết màu hồng vân vân là vì lông của chúng có màu tro, màu nâu.

Côn trùng dùng màu sắc để bảo hộ nên có hình dáng giống như cành cây, lá khô.

Điều ấy, chẳng qua là nhờ ở lâu trong một hoàn cảnh nên luôn luôn nhận thức như thế, huân tập vào nội tâm; do tổ chức của tâm lý ảnh hưởng sinh lý, cho đến ảnh hưởng đến màu sắc biểu hiện ra ngoài.

- **Kể đến nói rõ khổ sở bức bách của loài bàng sanh.**

- **Giết hại và ăn nuốt lẫn nhau.**

- ***Loài bàng sanh ăn nuốt lẫn nhau.***

Cái khổ đau của loài bàng sanh chính là tàn sát, ăn nuốt lẫn nhau, cá lớn đớp cá bé, con lớn ăn con nhỏ. Cảnh này ở đâu cũng có. Con nhện giăng tơ ở góc nhà là để bắt những con trùng bay qua; con ếch, chim chóc ăn côn trùng, với một số lượng đáng sợ; những con

trùng nhỏ trốn trong bọng cây, cũng có loài chim gõ kiến đến ăn chúng. Thông thường kiến càng là thức ăn ngon của loài chim xuyên sơn giáp. Long vương còn bị Kim xí điều ăn nuốt.

▪ ***Loài người là giết hại loài bàng sanh.***

Loài người đối với bàng sanh thì tàn sát, thôn tính. Có người bắt giết với số lượng lớn để lấy da, lông, răng, sừng của chúng để sản xuất thời trang. Thế giới bàng sanh, hiện giờ, là một lò sát sanh không phút giây nào ngừng nghỉ.

○ **Cái khổ bị trời buộc, sai sử, nô dịch.**

Còn có những loại như trâu, ngựa vân vân bị con người trời buộc, đánh đập, sai khiến nô dịch, không một chút tự do. Cái đau khổ bức bách của loài bàng sanh gần giống như địa ngục.

○ **Hành vi tàn sát, ăn nuốt giống như bàng sanh.**

Trước kia, khi Phật Thích Ca còn là thái tử, một ngày nọ, ra đồng xem nông dân cày ruộng, thấy nông phu cơ cực khổ quá chừng.

Khi những lớp đất được cày xới lên, côn trùng từ dưới đất bị hất tung lên, phơi mình trên nắng gắt. Những con chim trên trời, lao mình xuống, mổ lấy, nuốt chửng những con vật bé nhỏ kia. Thái tử thấy loài bàng sanh tàn sát, ăn nuốt lẫn nhau, lòng vô cùng thương xót nên phát nguyện xuất gia, tu hành.

**Nga quỷ.**

餓鬼常饑渴, *Nga quỷ thường cơ khát,*  
不淨以為食. *Bất tịnh dĩ vi thực.*

Nga quỷ thường đói khát, Lấy vật bất tịnh làm thức ăn.

- **Nga, quỷ không phải người chết làm quỷ.**

Nga quỷ là một loại chúng sanh trong ba đường ác. Dựa vào mặt chữ mà nói loại này thường chịu đói khát. Nga quỷ là một loại trong năm đường, so với hiểu biết phổ thông là người chết làm quỷ không giống nhau.

- **Nga quỷ có ba loại lớn**

Trong pháp Phật nói: Nga quỷ có ba loại: không tiền của, ít tiền của, nhiều tiền của.

- **Ba loại quỷ không có tiền của: Không có gì ăn, uống.**

Quỷ không tiền cũng có hai loại:

Cự khẩu: (Chính là Diêm Khẩu), khi ăn uống miệng hóa ra lửa dữ.

Châm khẩu: cuồng hống nhỏ xíu như cây kim, khi ăn uống không nuốt xuống được.

Xú khẩu: Miệng hôi thúi, không thể ăn uống.

○ **Ba loại quỷ thiếu tiên của: Quỷ ăn đồ bất tịnh.**

Quỷ thiếu tiên của ba loại ít, nhiều có thể ăn, uống được, cũng ba loại:

Châm mao, xú mao, bấu cỏ là do đặc trưng của thân thể mà có tên gọi như vậy.

Có loại khi gặp thức ăn, thức uống liền hóa thành máu mủ dơ bẩn, hoặc chỉ ăn đăm dãi, nước tiểu, phân... những thứ bẩn thỉu.

Dựa vào loài quỷ này mà nói, vì ăn uống thức ăn dơ dáy nên nói như vậy.

○ **Ba loại quỷ nhiều tiên của, hưởng thọ phong phú thức ăn, thức uống.**

Quỷ nhiều tiên và hưởng thọ khá phong phú, cũng có ba loại:

Khí giả là loài quỷ sống nhờ vật thực cứng giỗ của loài người. Loài người này gần giống với Thần Đạo.

Thất giả là loài quỷ sống nhờ vật phẩm vứt bỏ của nhân gian. Loại này hay gặp đói khát khổ sở.

Đại thể: đây là Dạ Xoa, La Sát là Đại Lực quỷ vương, phước hưởng thọ gần giống trời.

○ **Giải thích danh từ Nga Quỷ.**

Tuy có nhiều loại, nhưng phần nhiều là quỷ Vô Tài, Thiếu tài là quỷ chịu đói khát vô cùng. Do đó gọi chung là Nga Quỷ.

### **Nguyên nhân sanh vào sáu đường.**

悉由三不善, *Tất do tam bất thiện,*

惡行之所感。 *Ác hành chi sở cảm.*

Át do ba Bất Thiện,      Cảm thọ bởi làm ác.

- **Căn nguyên của quả báo khổ đau trong đường ác là ba Bất Thiện Căn.**

Trên đã nói ba đường ác chính là do ba Bất Thiện căn của phiền não, cảm nhận ác hành trọng đại: sát sanh, trộm cướp, tà dâm chính mình tạo ra.

Cõi Dục có ba căn nguyên Bất Thiện Pháp là Tham Dục, Sân Hận, Tà Kiến (Si). Do sự phát động của phiền não này sẽ dẫn đến bao nhiêu hành vi Tà Ác. Từ Ác Hành đến Ác Nghiệp. Từ đây dẫn đến cảm nhận quả báo khổ đau trong đường ác.

Nếu tạo nghiệp sát sanh thì do tham dục phát sanh, dẫn dắt, nếu mưu kế cướp tiền của người thì mất thân hại mạng.

Có người do sân hận dẫn dắt rồi đưa đến báo oán, phục thù; hay có người vì cơn nóng giận bộc phát nhất thời rồi đưa đến giết hại mạng sống.

Cũng có người từ tà kiến dẫn dắt mà làm những việc trái đạo.

Sát sanh như thế, trộm cướp, tà dâm cũng như thế.



- **Tùy theo ba cấp bậc nặng hay nhẹ mà dẫn đến ác báo.**

Với ba Bất Thiện Căn này dẫn vào Ác Nghiệp:

- Thượng phẩm cực ác cảm thọ quả báo địa ngục.
- Trung phẩm cảm thọ quả báo bàng sanh.
- Hạ phẩm đọa vào ngạ quỷ.

Tóm lại, tâm không khởi lên phiền não sâu nặng thì không làm trọng tội đại ác; như thế sẽ không rơi vào ba đường ác.

*b. Đường thiện*

### **Loài người:**

人中苦樂雜, *Nhân trung khổ lạc tạp,*  
 升沈之樞紐, *Thăng trầm chi xu nữu;*  
 人本誤鬼本, *Nhân bản ngộ quỷ bản,*  
 習俗謬相沿. *Tập tục mậu tương duyên.*

*Loài người có cả khổ và vui*

*Đầu mối thăng, trầm ở tại đây;*

*Gốc người ngờ vực là gốc quỷ,*

*Tiếp nối sai lầm những thói quen.*

- **Ở thế gian phải có đạo tràng tốt mới có học Phật pháp để Trí huệ tăng trưởng.**

Bây giờ cần nói đến thân người ở trong Đường Lành. Đây là điều thiết yếu mà chúng ta phải hiểu.

Thọ báo ở trong loài người không giống như khổ đau, khó chịu trong ba Đường Ác, cũng không giống như phước lạc đời sống trên mấy tầng trời mà, thân người có cả khổ lẫn vui, khổ đó rồi vui đó. Đối với việc học Phật pháp, không còn hoàn cảnh nào tốt hơn.

Vì khổ đau quá nhiều trong đường ác, đâu còn gì rảnh rang để tu học.

Và sự an vui thái quá trên các cõi trời, chỉ biết hưởng thụ nên Trí huệ sẽ tiêu hao dần. Như thế cũng chẳng thích hợp với Phật pháp.

Ở cõi Người, giống như mài dao trên đá, càng mài càng bén; sống trên cõi Trời giống như mài dao xuống đất, càng mài sẽ càng lụt.

- **Người là đầu mối thặng, trầm của Năm Đường.**

Ở trong năm đường, loài người là đầu mối của thặng trầm.

- **Sanh trên cõi Trời, rơi xuống đường Ác đều do thân người tạo Nghiệp quyết định.**

Nếu sanh lên các cõi Trời là từ sự tích tập Nghiệp Lành, tu tập Thiên Định.

Nếu từ Trời rơi lên cao hơn nữa hay từ đường Ác rơi sanh lên trời. Đây là nghiệp lành mà con người đã làm trong đời quá khứ.

Chúng sanh rơi xuống Đường Ác, hơn nữa, cũng từ Ác Nghiệp của thân người mà ra.

▪ *Từ trời rơi xuống Đường Ác.*

Nếu từ Trời rơi xuống Đường Ác, đây không phải là do khi làm trời tạo ra điều Ác, vì chư thiên không làm nghiệp nghiêm trọng (các trời từ Cõi Sắc lên chỉ có Phiền Não Hữu Phú Vô Ký. Phiền não rất vi tế và không phải thiện không phải ác; cuối cùng loại phiền não này có tính không thanh tịnh. Yêu Tụ Ngã là Bản Năng cũng thuộc loại này, đưa đến dâm dục của Dục Ái, đưa đến Sân, Si... không giống nhau. Con người và hầu hết loài súc sanh thì Dâm Dục là Bản Năng; đến một thời kỳ nhất định, sinh lý thay đổi thì Bản Năng ấy phát hiện. Đã thuộc Bản Năng không thể nói là Thiện là Ác. Như trâu, dê ăn cỏ không thể nói là chúng có đức tốt không sát sanh; con nhện giăng lưới bắt côn trùng để ăn, cũng không thể nói là tạo Ác Nghiệp Sát Sanh. Nếu phiền não dựa Bản Năng phát khởi lên và hành động dựa vào tính tự nhiên thì cũng thuộc Vô Ký). Đây là hưởng hết phước báo ở cõi Trời, thụ nhận quả báo đã chín mùi của Ác Nghiệp ở quá khứ chưa hết hẳn.

▪ ***Từ địa ngục sanh vào Đường Ác.***

Nếu từ Địa Ngục sanh vào Bàn Sanh hoặc ngạ Quỷ, chắc chắn không phải chúng sanh ở địa ngục đã tạo ra Ác Nghiệp. Chúng sanh ở Địa Ngục chịu khổ vô cùng không sao kể xiết, còn thì giờ đâu để làm ác nữa? Tất cả ác nghiệp này đều do con người đã tạo ra trong quá khứ.

▪ ***Từ Quỷ và Bàn sanh sanh vào đường ác.***

- ✓ Quỷ và Bàn sanh trừ bậc cao cấp, còn lại đều không tạo ra Dẫn Nghiệp.

Quỷ và Bàn sanh trừ số ít cao cấp, đa số còn lại không tạo ra Ác Nghiệp.

- ✓ Quỷ và Bàn sanh tuy không thanh tịnh và chỉ có nghiệp nhẹ, báo nhẹ.

Hiểu biết của người đời nông cạn, cuồng điên đưa đến lầm lạc, giết người còn phủ nhận trọng tội; hưởng chi hầu hết bàn sanh lại càng không biết gì, chỉ dựa vào bản năng sanh tồn mà hành động. Cá lớn nuốt cá bé, thú lớn đớp thú nhỏ. Đó là hiện tượng đáng thương của chúng sanh, không thanh tịnh, có thể có nghiệp nhẹ, quả báo nhẹ; nhưng chắc chắn sẽ không do đây mà hình thành Dẫn Nghiệp, khiến cho chúng sanh đọa lạc vào ba đường ác. Vì vậy, do nghiệp Lục mà thăng, trầm (trừ số ít ngạ quỷ, súc sanh); Chủ yếu là sự chiêu cảm từ Nghiệp Lục Thiện, Ác của con người.

○ **Chỉ có con người mới có thể tạo ra Cực Ác hay Cực Thiện cho đến thành Phật.**

Đọa địa ngục, đó là Ác Nghiệp của con người. Cắt đứt Căn Lành, đó là hành động cực ác, đến nỗi, cũng không còn trong nhất thời. Việc này chỉ con người mới có khả năng.

Ngược lại, tu thiền định sanh lên trời là nghiệp lành của con người. Được xuất gia, giữ giới, tu hành, vượt qua sanh tử, thành Phật, cũng chỉ có con người mới có khả năng.

Vì vậy, con người làm ác, có thể đến cực ác; làm lành cũng có thể đến cực thiện.

Dựa vào Năm Nẻo thẳng, trầm mà nói: Việc làm Thiện, làm Ác của con người là đầu mối then chốt của tất cả đều xuất phát từ đây mà lên hay xuống.

Con người là như thế, phải rất cảnh giác, chớ để mất người thân, rơi xuống đường ác.

Và cũng nên vui mừng, nhờ thân này cắt đứt sanh tử và là cơ hội đạt đến quả Phật.

### **Cõi trời**

|        |                                   |
|--------|-----------------------------------|
| 天趣初欲界, | <i>Thiên thú sơ Dục Giới,</i>     |
| 色及無色界, | <i>Sắc cập Vô Sắc Giới,</i>       |
| 身勝壽亦勝, | <i>Thân thắng thọ diệc thắng,</i> |
| 樂勝定亦勝. | <i>Lạc thắng định diệc thắng.</i> |

Cõi trời, trước Dục giới, Sắc và Vô Sắc giới.

Thân đẹp, sống thật lâu, Vui nhiều, Định cũng vững.

- **Trời có ba cõi.**

Trong sanh tử lưu chuyển, trời là Đường Lành, so với cõi người thì tốt đẹp rất nhiều.

- **Cõi dục**

- ***Tính chất chúng sanh cõi Dục và phiền não ràng buộc.***

Trước hết là trời Dục giới, không chỉ có Tâm có Sắc mà còn có cảnh Năm Dục và nam nữ Dục. Phiền não của chúng sanh trói buộc ở cảnh giới này không thể thoát ly được. Đó là cõi Dục.

- ***Chủng loại của chúng sanh ở cõi Dục.***

- ✓ Đó là địa ngục, Bàn sanh, Nga quỷ, Người, A tu la.

Đại địa của cõi Dục có: Mặt đất, Dưới đất, Trong nước, Trong hư không. Còn có các loài thuộc cõi Dục như Địa ngục, Bàn sanh, Nga quỷ, Người, A tu la.

- ✓ Cõi Dục có sáu tầng trời có thể chia thành Địa cư và không cư.

Ngoài những loài này ra, còn có Trời thuộc cõi Dục.

Dựa vào vị trí núi Tu Di ở trung tâm quả đất, có cõi trời Tứ Đại Vương Chúng, cõi Trời Đạo Lợi. Hai trời này là địa Cư Thiên.

Từ đây trở lên có Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hỏa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại. Bốn trời là không cư thiên. Cộng lại có sáu Trời.

- ***Sáu Trời cõi Dục có hình dáng tương tự con người nhưng phước đức, an vui vượt trội hơn nhiều.***

Sáu trời cõi Dục đều có hình dạng quốc gia với vua tôi, nam nữ, so với nhân gian không khác nhau nhiều, chỉ có phước đức, an vui vượt bậc thế thôi.

○ **Cõi Sắc.**

- ***Tính chất chúng sanh ở cõi Sắc và phiền não ràng buộc.***

Cõi Dục trở lên là cõi Sắc, đây là cõi có Tâm thức, có thân thể không có Dục Lạc. Phiền não chúng sanh bị ràng buộc ở đây (sắc) không thể thoát ly, cho nên gọi là Cõi Sắc.

- ***Cõi Sắc chia ra Bốn Thiên, mười tám Trời.***

Trời cõi Sắc, chia sơ lược là Bốn Thiên, chia chi tiết là mười tám trời.

Sơ thiên có ba Trời: Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm. Ở đây không phân biệt nam, nữ, nhưng vẫn còn hình thức quốc gia, vua tôi, nhân dân.

Nhị Thiên có ba Trời: Thiểu Quang, Vô Lượng Quang, Quang Âm.

Tam thiên có ba Trời: Thiên tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh.

Tứ thiên có chín Trời: Vô Vân, Phước Sanh, Quảng Quả, Vô Tướng, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu Cánh.

- ***Hình thức thế giới của Nhị thiên trở lên đều thuộc của chính mình.***

Nhị thiên trở lên đều ở riêng một mình, không ở chung nhiều người. Thế giới chính là cung điện của riêng mình, không giống như khí thế giới cộng đồng ở nhân gian.

○ **Cõi Vô Sắc.**

- ***Tính chất phiền não trói buộc của chúng sanh ở cõi Vô Sắc.***

Từ đây trở lên là cõi Vô Sắc. Ở đây thân thể và chỗ ở đều không phải vật chất (sắc) mà chỉ có Tâm thức. Chúng sanh bị trói buộc bởi Tâm, Tâm pháp này.

- ***Hình thức thế giới không có không gian, không có xứ sở.***

Vì không có vật chất nên không gian chiếm hữu, cho nên không thể nói ở đâu. Chúng sanh ở đây chỉ dựa vào Thiên Định (nghiệp nhân sanh vào cõi trời này) mà nói thì cõi này cao hơn Tứ Thiên Cõi Sắc nhiều lắm.



▪ ***Cõi Vô Sắc có bốn Trời.***

Cõi Vô Sắc cũng có bốn Trời: không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên.

Ba cõi có tổng cộng hai mươi tám trời.

○ **Các trời trong cõi có tổng cộng hai mươi tám.**

▪ ***Tán Địa.***

Dục giới: Ngũ thú tạp cư địa.

1. Địa ngục, 2. Súc sanh, 3. Ngạ quỷ, 4. A Tu La, 5. Cõi người có bốn châu, 6. Địa cư thiên (trời ở trên đất) có 2 trời:

a. Bốn Đại Vương Chúng Thiên, b. Đạo Lợi Thiên không cư thiên có bốn trời (trời ở trên không), c. Dạ Ma Thiên, d. Đâu Suất Thiên, e. Lạc Biến Hóa Thiên, f. Tha Hóa Tự Tại Thiên.

▪ ***Định địa.***

✓ Sắc giới có mười tám trời:

- **Ly sanh hỷ lạc địa.**

**Sơ thiên:** Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên, Đại Phạm Thiên

**Nhi thiên:** Định Sanh Hỷ Lạc Địa, Thiểu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, Quang Âm Thiên.

- **Ly hỷ điều lạc địa.**

**Tam thiên:** Thiểu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên.

- **Xả Niệm Thanh Tịnh Địa.**

**Tứ Thiên:** Vô Vân Thiên, Phước Sanh Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Tướng Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên, Sắc Cứu Cánh Thiên.

✓ Vô Sắc giới có bốn trời:

*Không Vô Biên Xứ Thiên   Không Vô Biên Xứ Địa*

*Thức Vô Biên Xứ Thiên   Thức Vô Biên Xứ Địa*

*Vô Sở Hữu Xứ Thiên   Vô Sở Hữu Xứ Địa*

*Phi tướng Phi phi tướng Xứ Thiên   Phi tướng Phi phi tướng Xứ Địa*

• **Phước lạc của Cõi Trời có bốn việc:**

○ **Cõi Trời là cõi phước lạc nhất trong năm cõi**

▪ ***Thân thể trang nghiêm.***

Thân thể cao lớn

Thấp nhất là Trời Tứ Vương, thân cao  $\frac{1}{4}$  câu lô xá bằng 90 trượng. (1 trượng = 10 thước Trung Quốc)

8 câu lô xá bằng 1 du thiện na. Theo kinh Phật nói: 1 du thiện na = 16 dặm của Trung Quốc.

Trời sắc cứu cánh, thân cao 16.000 du thiên na = 256.000 dặm.

▪ ***Doan nghiêm vượt trội hơn người đời.***

Chẳng những thân cao lớn mà còn trang nghiêm nữa, người đời không thể bì kịp.

Ngày xưa, em của Phật là Nan Đà có vợ tên là Tôn Đà Lợi người đẹp duy nhất lúc ấy. Khi Nan Đà đã xuất gia mà vẫn luôn nhớ đến nàng. Như Lai đem Nan Đà lên trời Đạo Lợi thấy thiên nữ, Nan Đà hiểu ra rằng Tôn Đà Lợi chẳng khác mấy so với con khi chợt mắt nên không còn nhớ đến nàng nữa từ đó.

○ ***Thọ mạng thù thắng.***

▪ ***Cõi trời sống rất lâu.***

Thấp nhất là trời Tứ Đại Vương chúng cũng sống lâu đến 500 tuổi, tương đương nhân gian là 900.000 tuổi.

Cao nhất là trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, sống lâu đến 8.000 đại kiếp. Trong một đời sống ở trời ấy, so với thế giới này của chúng ta trải qua thời kỳ hoại rồi thành, thành rồi hoại. Cứ như thế 80.000 lần. Sống lâu như vậy, quả thật, mong trường sanh hay sống mãi, không phải là điều viễn tưởng.

▪ ***An vui cùng cực.***

Trời Cõi Dục có vô số dục lạc.

Cõi Sắc, từ Sơ Thiên đến Tam Thiên không còn ưu sầu khổ não mà chỉ có niềm vui Thiên Định vi diệu.

Tứ Thiên trở lên thì Tâm, Cảnh hòa hợp, yên lặng an trú trong Định, so với Cõi Dục thì còn phiền não, loạn động; từ Sơ Thiên đến Tam Thiên thì còn hỷ, lạc xung động, đúng là hạnh phúc tột độ.

- **Thiên định hơn hết.**

Trời cõi Dục ở Không Cư cũng có một ít định lực.

Sơ Thiên trở lên chính là quả báo của tu tập Tứ Thiên và Tứ Vô Sắc Định.

Một đời sanh lên trời sẽ có quả báo ở trong Định lâu dài; từ khi định lực hết thì thọ mạng của họ cũng hết. Từ việc thọ mạng lâu dài ấy có thể biết quả báo thiên định của Trời Sắc, Vô Sắc thù thắng như thế nào.

Tóm lại, sanh tử trong ba cõi thì cõi Trời có phước, lạc hơn hết.

### 3.2.2.3. Khổ, vui đều do Nghiệp.

諸苦由惡業, *Chư khổ do ác nghiệp,*

樂由善業集. *Lạc do thiện nghiệp tập.*

苦樂隨業盡, *Khổ, Lạc tùy nghiệp tận,*

修善宜積極. *Tu thiện nghi tích cực.*

Các khổ do nghiệp ác, An vui từ nghiệp lành.

Tùy nghiệp hết khổ, vui, Nên tích cực tu thiện.

- **Khổ, Vui trong năm đường đều do Nghiệp mà có.**

Con người, ai ai cũng chán khổ, tìm vui. Hết thấy đều không muốn rơi vào đường ác mà, muốn sanh lên cõi người, cõi trời, nhưng đâu phải cứ mong muốn là thành công mà, cần thiết, trong Hành Nghiệp, phải đừng làm điều ác, siêng năng làm điều lành mới có được.

Như cái khổ trong ba đường gồm có: Cái khổ nhân gian, buồn khổ của trời Dục Giới. Tất cả khổ này đều do Ác Nghiệp đời trước mà có.

Phước Đức, An vui ở cõi trời gồm có: Cái vui của nhân gian; cái vui của Bàng Sanh, Ngạ quỷ thậm chí trong Địa Ngục (trừ địa ngục Vô Gián) cũng có tí xíu cảm giác an vui. Vô số quả báo an vui đều do Thiện Nghiệp tích tập mà có.

Quả báo Vui và Khổ, chắc chắn, dựa vào Hành Nghiệp Thiện, Ác đem lại. Cho nên, chỉ ngừng làm Ác, phát huy Thiện mới có thể lìa Khổ, được vui.

- **Khổ, Vui theo Nghiệp mà hết; phải tích cực tu tập điều Lành.**

○ **Quả báo khổ, vui theo Nghiệp lực mà kết thúc.**

Dựa vào nghiệp thiện, ác chiêu cảm quả báo Khổ, Đau; không phải vĩnh viễn mà, tùy vào hạn lượng của Nghiệp Lực kết thúc hay chưa. Đây là nhận thức cực kỳ quan trọng cho người tu Phật.

○ **Nêu lên cảnh thuận, nghịch.**

- ***Gặp phải nghịch cảnh không nên bi quan, mà phải nỗ lực tu tập Nghiệp lành để cầu phước đức, an lạc về sau.***

Nếu bản thân thiệt thực tin và hiểu đúng ý nghĩa lời Phật dạy thì dù cho gặp cảnh thống khổ sẽ không thất vọng, bi quan mà phải hiểu đây là do hữu hạn Ác Nghiệp chiêu cảm nên cuối cùng quả khổ cũng phải đi qua (ngay cả khi rơi vào địa ngục cũng sẽ được giải thoát); vì sao chỉ vì thống khổ mà tự làm rối loạn chính mình; phải nỗ lực tu tập Thiện Nghiệp mới mong được phước, lạc mai sau.

- ***Gặp được thuận duyên, không nên đắc ý buông lung. Phải biết phước, lạc cũng sẽ qua đi.***

Nếu gặp được thuận an vui cũng không được đắc thắng buông lung mà, phải biết đây là quả báo của Thiện Nghiệp. Nghiệp lực thiện cũng có hạn lượng; phước đức; an vui chẳng được bao lâu, rồi cũng đi qua (dù có sanh lên trời Phi Tướng Phi Tướng cũng

không tránh khỏi đọa lạc); vì sao có thể vì chút an vui mà buông lung tu tập thiện nghiệp.

▪ ***Nêu ví dụ làm rõ vấn đề.***

Ví dụ: Nếu năm mất mùa. Sinh hoạt khó khăn thì chỉ còn cách ra sức cày bừa, gieo trồng, phân bón, dẫn nước vào ruộng, trừ sâu phá hại nông sản. Như thế mới mong thoát khỏi đói khổ và thu hoạch sản lượng dồi dào, có được an vui, hạnh phúc.

Nếu gặp năm được mùa thì kho lẫm chứa đầy ngũ cốc, lại càng ra sức cày bừa, gieo giống, bón phân, dẫn nước, khử trùng. Nếu không như vậy, mà ngồi ăn núi lở; chờ đến khi không còn gì để ăn. Thế là khổ nữa.

- ***Không quan trọng tình huống hiện tại mà chỉ xác lập Chánh Kiến: Ra sức thực hành điều thiện.***

Nguyên nhân dựa vào Chánh Kiến tin sâu, hiểu rõ nghiệp quả, chán khổ tìm vui; đây không phải là đặt nặng tình hình hiện tại như thế nào mà chỉ biết xác lập là: “*Phải tích cực tu thiện*”. Quan niệm đời người chỉ cần biết ra sức thực hành điều Thiện mới có được Chánh Kiến về Phật Pháp mà thôi.

### 3.2.3. *Nhắc nhở Tu Thiện.*

若時能行善, *Nhược thời năng hành thiện,*  
 而未作善業, *Nhi vị tác Thiện Nghiệp,*  
 一旦苦果臨, *Nhất đán khổ quả lâm,*  
 爾時復何為? *Nhĩ thời phục hà vi?*  
*Đã đến lúc làm lành, Mà không chịu làm lành,*  
*Ngày kia khổ đau đến, Lúc ấy làm gì đây?*

- **Phải nắm lấy cơ hội làm lành để tự tạo nên nghiệp lành.**

Đây là bài kệ nhắc nhở phải làm lành tức thì. Nếu hiện giờ chưa rơi vào tám nạn; chưa là trẻ nít, già nua; chưa tàn phế, điên cuồng; mà lại còn có tri thức; còn có năng lực; còn có tiền của; còn có địa vị; còn có danh vọng; quả thật có thể tu tập Thiện Nghiệp; đây là cơ hội rất khó có được! Nếu không biết thương mình, bỏ phế thời gian mà chưa chịu ra sức tu tập Nghiệp Lành; há có đáng tiếc không!

- **Thân người vô thường, sớm tu tập Nghiệp Lành chớ có chần chừ.**

Được làm người hiện tại, đó là quả an vui, là chiêu cảm của Nghiệp Lành ở quá khứ. Nghiệp Lực có hạn lượng, không thể duy trì lâu dài. Khi tu tập Nghiệp Lành đã không còn, vậy thì một ngày kia, già chết ập



đến; đương nhiên ác nghiệp chín muồi; khổ quả đến nơi. Thử hỏi: Đến lúc này còn tu tập Nghiệp Lành kịp nữa không!

Vì vậy, con người nên sớm thực hành điều thiện, không thể chờ đợi, không thể nhờn nhơ qua ngày.

### **3.3. Việc làm chân chánh của Người và Trời.**

#### **3.3.1. Xác lập hạnh nguyện.**

求人而得人, *Cầu nhân nhi đắc nhân,*  
 修天不生天, *Tu thiên bất sanh thiên,*  
 勤修三福行, *Cần tu tam phúc hạnh,*  
 願生佛陀前. *Nguyện sanh Phật Đà tiền.*

Cầu người thì được người, Tu thiên chẳng sanh thiên,  
 Siêng tu ba phước hạnh, Nguyện sanh Phật hiện tiền.

- **Có ba vấn đề tu học thừa Trời, Người.**

Dựa vào ý tưởng ở trên mà nói: Nên biết ra sức làm lành, cần được quả an lạc của Trời, Người.

Nhưng ở trong Thừa Người, Trời, tu học thừa nào là tốt nhất?

Cái gì mới là quả báo Thiện Nghiệp sanh làm Trời, Người?

Làm thế nào mới không thể bị trói buộc vào phước báo của Trời, Người hoặc không đọa lạc do Ác Nghiệp đã tạo?

Trong bài kệ này sẽ giải đáp ba vấn đề đó.

- **Nhân thừa so với Thiên Thừa thì thắng hơn.**

Thừa người, thừa trời đều là quả lành.

- **Tu học Nhân Thừa của pháp Phật hơn Thiên Thừa.**

Dựa vào phước báo mà nói: Phước báo của Thiên thừa so với Nhân thừa hơn rất nhiều. Cho nên cần tu pháp nhân thừa thì, tốt nhất, nên tu pháp Thiên thừa. Tuy nhiên, như trên đã nói: Người có ba việc, so sánh còn hơn cả Trời. Phật ra đời ở thế gian; chư Thiên mạng chung cũng lấy thế gian làm Lạc Độ; ở đây thích hợp cho việc tu tập Phật Pháp, nhân gian so với trên Trời tốt hơn, pháp Nhân Thừa so với pháp Thiên Thừa cũng đáng quý hơn!

- **Đừng mong phước lạc cõi Trời mà không tu Định tâm hậu thì khó tránh khỏi chướng ngại.**

Chúng ta nhờ có thân người để học Phật. Rất không nên ham muốn phúc lạc ở cõi Trời. Vì thế phải tu pháp Nhân Thừa. Là vì cầu có được thân người mà tu tập chánh pháp Nhân Thừa; đương nhiên, dựa vào nghiệp thọ quả báo là có được thân người cao quý.

Cho đến pháp Thiên Thừa, không phải hoàn toàn không thể tu; nhưng quan trọng không phải vì sanh

lên Trời, đồng thời không mong muốn sanh lên cõi Trời. Pháp tu hành Thiên Thừa như thế là do Từ Nguyện Lực không vượt qua Nghiệp Lực để có quả báo sanh lên Trời. Nguyện Lực thì không thể nghĩ bàn! Tuy nhiên, pháp sâu xa của Thiên Thừa là Thiên Định lại là không phải là pháp vi diệu. E rằng Nguyện Lực không địch nổi Nghiệp Lực; bị Nghiệp Lực dẫn đến cõi Trời. Ở đây sẽ rơi vào tám nạn và trở thành chướng ngại lớn cho việc học Phật.

- **Ba phúc hạnh là quả báo của Chánh Nghiệp được sanh Nhân, Thiên Thừa.**

Cần tu tập Thiện Nghiệp của Nhân, Thiên thừa mới có được quả an lạc để sanh làm người, làm trời. Chánh Nghiệp sanh làm người, làm trời, Phật nói đó là ba phúc nghiệp của Bồ thí, Trì giới, Tu định. Cho nên chỉ cần siêng tu ba Hạnh Phúc Nghiệp mới có thể có được quả báo phúc lạc của trời, người.

Có một số người không hiểu rõ Nhân Quả, không tu Chánh Nghiệp mà muốn sanh làm Trời, Người là điều sai lầm. Như cầu khẩn Thượng Đế, mong mọi Thượng Đế cứu độ cho và đạt được mục đích sanh lên Trời. Phật từng quở trách những người ấy: Không tu Nghiệp Lành mà cầu khẩn được sanh làm Trời; giống như ném tảng đá lớn vào trong ao rồi ngồi trên bờ cầu khẩn, mong sao tảng đá nổi lên mặt nước trở lại. Cổ

đức từng nói: 生天自有生天業, 未必求仙便生仙: Sanh thiên tự hữu sanh thiên nghiệp, vị tất cầu tiên tiện sanh tiên: Làm trời do Nghiệp tạo làm Trời, chưa chắc cầu làm tiên liền được làm tiên.

Nhưng thế gian không biết đúng đắn Nhân Quả, không biết con đường đúng đắn để tu hành; lại mong muốn sai lầm cầu làm người, làm trời như vậy, không phải là ít. Thật đáng thương sao!

- **Phát nguyện gặp Phật, nghe Pháp, tu hành mới không chịu sự trói buộc quả báo của Trời, Người, cũng không đọa lạc vào chốn khổ đau.**

Tu tập pháp lành Trời, Người làm sao không bị trói buộc quả báo của Trời, Người hoặc là do làm ác mà bị đọa lạc?

Điều này chỉ còn cách phát nguyện sanh ra đời gặp Phật xuất thế, được gần gũi Phật, nghe pháp, tu hành mới có kết quả.

Nếu sanh gặp Phật ra đời, thấy Phật, nghe Pháp và có duyên với Phật, cùng có duyên với vô số thầy hiền, bạn tốt học Phật pháp, chẳng những huân tập căn lành Phật pháp mà còn kết duyên lành rộng rãi với Chánh pháp. Như vậy, kiếp sau sanh ở nhân gian sẽ gặp thầy, bạn dẫn dắt, phát nguyện trở về với Tam Bảo, gặp Phật, nghe Pháp, tu hành cùng vô số bạn đạo có duyên học Phật.

Tăng trưởng dần lên như thế, kể cả công đức sẽ không còn làm ác, đánh mất thân người; mà thiện căn còn tăng trưởng, hạt giống Phật càng được thành thực. Do đây đi vào pháp đại thừa xuất thế, lấy Phật đạo làm giai cấp tiến lên.

- **Có nguyện, có hành thì không mất thân người còn đi vào được Phật đạo.**

Cho nên khi người học chưa có thể phát tâm xuất ly, phát tâm Bồ đề thì nên khuyên thực hành pháp Đại Thừa, từng ngày phát nguyện: “惟願三寶慈悲攝受! 願生世世, 見佛聞法: Duy nguyện Tam Bảo từ bi nhiếp thọ! nguyện sanh sanh thế thế, kiến Phật văn Pháp: Xin nguyện Tam Bảo từ bi nhiếp thọ! Nguyện đời đời kiếp kiếp gặp Phật nghe Pháp. Phát nguyện gặp Phật nghe Pháp này, tu hành Nhân Thừa, chắc chắn sẽ không mất thân người, do đó đi vào Phật Đạo.

### 3.3.2. *Pháp môn thông thường*

#### 3.3.2.1. Ba loại phước lạc

##### a. *Bố thí phước lạc*

#### **Thí là Nhân của Lạc.**

依資具得樂,            *Y tư cụ đắc lạc;*

依施得資具,            *Y thí đắc tư cụ,*

故佛為眾生， *Có Phật vì chúng sanh,*  
 先讚布施福。 *Tiên tán bố thí phước.*

Dựa vào tiền của để được vui,  
 Nhờ vào bố thí để có tiền của;  
 Cho nên Phật thương chúng sanh,  
 Trước, khen ngợi phước bố thí.

• **Có ba loại căn bản phước nghiệp là thiện nghiệp của Trời, Người.**

Từ đây trở xuống, nói rõ ba loại Phước Nghiệp. Trước nói về Phước Nghiệp Bố Thí.

○ **Trước nói: Khởi đầu Chánh Pháp, kế nói: Pháp Xuất Thế.**

Như Lai nói pháp, không như chúng ta bây giờ. Một khi, Phật nói ra là Liễu Sanh Thoát Tử; Vãng Sanh Tịnh Độ; tức Có tức Không; tức Tâm tức Phật.

Đối với tất cả chúng sanh, trước hết, Như Lai nói chung: “Bố Thí, Trì Giới, Tu Định Sanh Thiên”

Nếu đối với chung cho Năm Thừa thì công đức này (chỉ Nghiệp Lành chung cho Trời, Người) mà có khả năng Tin Tưởng, Thọ Trì, Phụng Hành, lại còn phát khởi căn lành xuất thế. Đây là đề cập đến Pháp Môn Xuất Thế.

- **Nêu lên bài tụng của Bồ Tát Nguyệt Xứng, nói rõ trong ba Phước Nghiệp thì Phước Nghiệp Bồ Thí là quan trọng nhất.**

Trong ba Phước Nghiệp này, trước hết, Như Lai nói về Bồ thí. Đây là đạo lý vô cùng trọng yếu. Bài tụng của Bồ Tát Nguyệt Xứng như sau:

彼諸眾生皆求樂, *Bỉ chư chúng sanh giai cầu lạc,*

若無資具樂非有, *Nhược vô tư cụ lạc phi hữu*

知受用具從施出, *Tri thọ dụng cụ tùng thí xuất,*

故佛先說布施論. *Có Phật tiên thuyết bố thí luận.*

Các chúng sanh ấy đều tìm vui,

Nếu không tiền của, vui không có,

Dụng cụ thọ được từ bố thí,

Trước nhất Phật nói Luận Bồ thí.

Bài tụng này đem đến lời khai thị minh xác về Bồ thí.

- **Nương vào tiền của có an lạc.**
  - **Thân tâm được an vui của tất cả hữu tình đều lấy tiền của làm cơ sở.**

Nhu cầu sinh sống của con người chủ yếu dựa vào ăn uống, đi lại, thuốc men, mới có thể có được phước đức, an vui.

Bàng sanh là động vật thấp nhất cũng phải lấy thực vật làm thức ăn mới có thể có được phước lạc để sanh tồn. Vì vậy, phước lạc của chúng ta (lạc đây có nghĩa là sự hưởng thụ an vui do sinh lý phát khởi) không thể lìa khỏi nhu yếu thuộc vật chất mà tồn tại; về tinh thần có rất nhiều Hỷ, Lạc; thông thường cũng phải dựa vào cơ sở này.

- *Sống mà không biết lo xa thì mới nên học phương pháp cắt đứt bản cùng.*

Vì vậy, người xưa nói: “*Kho vừa đầy rồi sau mới nghĩ đến lễ nghĩa*”; giàu có rồi sau đó mới đề cao giáo hóa. Đây là hạt giống phước đức, an lạc của sự sống; là nhu cầu cơ bản của con người; Đức Phật, chưa bao giờ, phản đối nhu cầu chánh đáng này, mà còn xem đây là điều kiện tiên quyết và nói: “Phật pháp là dạy cách căn bản vĩnh viễn cắt đứt bản cùng”.

- **Dựa vào Bồ thí mà có được của cải.**

Của cải vật chất từ đâu mà đến?

- *Người đời chỉ biết có duyên đời này mà không biết nhân đời trước.*

Người đời chỉ biết việc làm lao nhọc, khoa học phát triển. Đây chỉ là duyên hiện tại, trước mắt mà không biết nghiệp từ đời trước xa xôi.



○ **Phật dạy của cải có được là do nghiệp.**

Phật nói: “Dựa vào thiện nghiệp bố thí vật chất nên đời này mới có tiền của, vật chất sung mãn”.

- ***Đơn cử sự liên tục và kết thúc của vật chất.***
- ✓ **Không dùng hoặc dùng hết thì đều kết thúc ở đời này.**

Vật chất chúng ta có được, nếu cất giữ mà không dùng tới, bất ngờ chết đi thì chẳng còn gì; Nếu chính mình hưởng thụ hoặc lãng phí thì cũng chẳng còn gì.

- ✓ **Phước điền bố thí thì mới có thể liên tục đến đời sau.**

Nếu đem một phần vật chất làm phước điền bố thí thì sẽ cảm thụ được phước đức, an lạc về vật chất đời sau. Công đức bố thí có nhiều, ít nên phước lạc cũng có khác nhau. Việc này giống như đem gieo hạt xuống ruộng, tương lai thu hoạch kết quả đến trăm, ngàn lần.

- ***Phân biệt nhân đời trước, duyên đời này để chỉ rõ nhân quả của lạc quả.***
- ✓ **Nhân đời trước thì chung, duyên đời này từ nhiều nguồn khác nhau.**

Tất cả vật chất của giới tự nhiên là cảm thọ, cộng nghiệp của chúng sanh; còn dựa vào nghiệp lực của đời trước nên mỗi người hưởng thụ một phần đóng góp của riêng mình.

- ✓ Nếu không có nghiệp bố thí đời trước thì duyên hiện tại cũng không.

Phước lạc vật chất do nghiệp lực cảm thụ được, tuy chủ yếu do công lao của đời sống hiện tại gom góp, phát triển, tạo tác; nhưng nếu không có nghiệp bố thí thì không có vật chất. Ví dụ ở vùng nghèo nàn hoặc thiếu thốn một số vật chất nào đó, cho dù cố sức bằng tất cả điều kiện có thể có, cũng không có cách nào khả thi.

- ✓ Quả vui phải dựa vào nghiệp Nhân bố thí mà có.

Vì vậy, phước lạc về vật chất, thực ra, dựa vào nghiệp thiện bố thí đời trước mà có, cho nên Phật vì chúng sanh, trước khen ngợi phước bố thí.

- **Để có được đời sống vật chất đầy đủ và dứt trừ được cái khổ bần cùng nên Phật, trước, khen ngợi phước nghiệp Bố thí.**

Như vậy, cuộc sống có đầy đủ vật chất là nhu cầu phước lạc tất yếu của đời người, đây là mong muốn cơ bản, chánh đáng hàng đầu. Đời sống đầy đủ vật chất này là dựa vào phước nghiệp bố thí, vì thế Phật vì chúng sanh nói pháp, thầy đều khen ngợi phước báo bố thí, khuyên người tu tập công đức bố thí để đời sau tránh khỏi gian khổ nghèo nàn làm ảnh hưởng đến sự thành công của sự nghiệp và tiến tu Phật pháp.

Thọ dụng vật chất là căn bản cho sự an vui của người đời và là pháp căn bản xuất thế, vì vậy khen ngợi phước nghiệp bố thí.

Như Lai, trước khen bố thí là đã thấy rõ thọ dụng vật chất chính là kiến lập sự an lạc của con người ở trần gian, là sự tu học của pháp xuất thế, chứ không thể nói suông mà thành tựu được.

### Nói chung về Bố thí

施以捨以利, *Thí dĩ xả dĩ lợi,*  
 由悲由敬別, *Do bi do kính biệt,*  
 心田事不同, *Tâm điều sự bất đồng,*  
 功德分勝劣. *Công đức phân thắng liệt.*

Bố thí là buông để có lợi,  
 Do thương do kính có khác nhau,  
 Trong lòng tác ý đâu có giống,  
 Công đức hơn thua cũng chẳng đồng.

- **Với Ngũ Thừa cộng Pháp vương nặng vào bố thí vật chất.**

Bố thí theo Ngũ Thừa cộng Pháp thì vương nặng vào bố thí vật chất.

- **Nói chung các loại bố thí.**

- **Định nghĩa bổ thí: Bổ thí là buông để có lợi.**
  - ***Bổ thí có hai điều kiện là Mở Lòng và Làm Lợi Người.***

Thế nào mới cho là Bổ thí? Bổ thí phải có hai điều kiện lớn:

**Buông bỏ:** Đối với vật chất, chính mình phải có Tâm buông bỏ, Tâm hy sinh. Nếu có người vay mượn mà không thể trả, hay thất thoát, hay miễn cưỡng cho ai mà Tâm không thoải mái và lòng hối tiếc không thôi. Đây không thể gọi là bổ thí.

**Vì lợi ích cho người:** Bổ thí giúp người hoặc súc sanh, cốt cho người có được lợi ích. Nếu đem vật phẩm độc hại cho người với ý đồ giết chết đối phương thì không thể gọi là bổ thí.

Vì vậy, bổ thí có định nghĩa là Tâm ý vui vẻ, hy sinh phước lạc của chính mình để đem lại phước lạc cho người khác.

- ***Tinh thần bổ thí có thể tiếp cận với pháp Đại Thừa.***

Chân thật bổ thí chính là quyên góp của mình để làm lợi ích cho người. Không lạ gì, Lợi Tha là pháp đầu tiên của Đại Thừa, công đức Bổ thí có giá trị cực kỳ quan trọng.

- **Phân biệt động cơ và đối tượng của Bổ thí.**

Động cơ và đối tượng của Bồ thí như thế nào? Vấn đề này cũng có hai loại:

Do lòng thương xót (Bi Tâm): Đối với những người già yếu, cô độc, tàn phế, tật bệnh; hay những người bị tai họa do nước lụt, hỏa hoạn, bão tố; hay những người bị chiến tranh tàn phá; hay những người già nua sắp chết. Hãy bằng tâm thương xót đồng loại, thật lòng bố thí, thời đại gần đây đã đề xướng công việc từ thiện để tạo cơ hội cho chúng ta có thể hiện lòng từ bi mẫn này đối với đồng bào.

Do tôn kính: đối với cha mẹ hiếu dưỡng; đối với tôn trưởng cung phụng. Cung kính, cúng dường Tam Bảo là bố thí với tâm tôn kính cũng có nghĩa là báo đức.

Động cơ và đối tượng của hai loại bố thí này khác nhau.

- **Từ ba việc mà có hơn, kém về công đức bố thí khác nhau.**

Nói đến hơn, kém về công đức bố thí là dựa vào ba phương diện này để nói:

- ***Tâm phân biệt hơn, kém.***

Tâm không giống nhau: hoặc là tâm sâu nặng về bi mẫn và tôn kính; hoặc lơ lửng về tâm tôn kính; hoặc là không có cả hai tâm này. Vì tâm không giống nhau

nên tuy bố thí tuy giống nhau nhưng công đức khác nhau nhiều.

- ***Phước điền hơn, kém khác nhau.***

Phước điền là bố thí cốt gieo trồng phước đức.

- ✓ Kính điền là lấy Phật làm đối tượng tôn kính nhất.

Trong kính điền thì cúng dường cha mẹ hơn cúng dường tôn trưởng. Trong Tam Bảo thì cúng dường bậc Sơ quả không bằng cúng dường bậc Nhị quả; Nhị quả không bằng bậc Tam quả... Bồ Tát không bằng Phật. Tất cả công đức bố thí đều không bằng công đức bố thí Phật. Đây chính là duyên có tôn kính vượt trội nhất về phước điền.

- ✓ Bi điền: đối tượng trước nhất là người già nua, tàn phế.

Trong bi điền lấy mức độ khác nhau về đối tượng đáng thương xót để phân chia, nếu là người trẻ mà không chịu cố gắng lao động, đến nỗi không có cơm ăn, áo mặc; tuy những người này đáng thương, nhưng không bằng người già nua, tàn phế.

- ***Hơn, kém việc phân chia vật được bố thí.***

Sự là chỉ vật phẩm được bố thí.

Nếu tâm và phước giống nhau thì phải dựa vào vật phẩm được bố thí nhiều hay ít, từ đó, công đức chia ra nhiều hay ít.

Trong ba loại này lấy tâm làm trọng yếu. Với Phật pháp luôn lấy tâm làm trọng, cho nên, người nghèo bố thí một đồng hay một trái cây mà công đức hơn gấp trăm, vạn lần người giàu bố thí số lượng tiền của to lớn.

### **Chớ bố thí không đúng pháp.**

施應如法施,      *Thí ưng như pháp thí,*  
 勿隨至怖報,      *Vật tùy chí bố báo,*  
 求報及習先,      *Cầu báo cập tập tiên,*  
 希天要名等.      *Hy thiên yếu danh đẳng.*

Bố thí nên đúng pháp, Chớ bố thí theo kiểu: Tùy Chí và Sợ hãi; Báo ân cùng Cầu lợi; Theo truyền thống; Lên trời; Mong Danh Tiếng với cuộc đời.

- **Ở trong vật phẩm bố thí Tịnh, Bất Tịnh nên chọn vật phẩm sạch sẽ bố thí; bố thí phải đúng pháp.**

Công đức bố thí có lớn, nhỏ là dựa vào động cơ, đối tượng và vật phẩm để phân chia. Vì vậy, có một số việc bố thí không thuần nhất, không cao thượng nên tránh đi mà phải chọn bố thí đúng pháp. Những gì là không thuần nhất, không cao thượng, không đúng với ý nghĩa chân thật Phước Nghiệp?

- **Xin nêu lên bảy loại Bố thí bất tịnh:**

○ **Bố thí tùy chí:**

Không phải chính mình phát tâm tự động bố thí mà do có người xin, hay quyên góp đến tận nhà, không thể từ chối, miễn cưỡng bố thí mà lòng đau không dứt.

○ **Bố thí vì sợ hãi: chữ bố này có nghĩa là sợ hãi.**

Đây là nhận ra tài sản, địa vị, sanh mạng của mình đến hồi nguy cấp, khó bảo toàn được, sợ rằng thế nào cũng mất đi, do đó vội vàng bố thí; hy vọng nhờ công đức bố thí mà tai qua nạn khỏi, kéo dài mạng sống; gặp được quả báo dữ hóa lành. Kiểu bố thí này là hiện tượng, hầu hết tín đồ Phật tử thường thể hiện.

○ **Bố thí để báo ân:**

Vì đã nhận ân huệ của người nên bây giờ bố thí để trả ơn. Đây không thể gọi là gieo hạt giống phước mà chỉ là trả nợ. Có một số người gặp phải hoàn cảnh không thuận lợi, liền hướng về thần, Phật cầu nguyện. Đến khi hoàn cảnh thuận lợi thì bố thí đền trả lại. Cách này cũng không đúng tiêu chuẩn bố thí.

○ **Bố thí để cầu lợi:**

Ngay lúc bố thí đã mong mỗi người nào đó báo đáp cho. Thậm chí còn hy vọng người khác giúp đỡ; mong cầu người khác, vì mình mà hiến cả thân mạng. Đây mới là lúc nào, cũng lấy lễ vật long trọng đem đi bố thí, khiến cho người khác vì mình cảm kích mà ra sức giúp đỡ.



○ **Bố thí vì tập tục:**

Chính mình không có ý muốn bố thí, chỉ vì xã hội hay cha mẹ truyền lại thôi; mỗi năm gồm có bố thí Tam Bảo hay bố thí cho cơ quan từ thiện, lâu dần, thành tập tục bố thí lấy có.

○ **Bố thí vì muốn là trời:**

Đây chỉ là mong cầu có được sự an vui của thiên thần, có được sự giúp đỡ của thiên thần; hoặc là mong muốn sanh lên nước trời mà bố thí.

○ **Bố thí cầu danh:**

Chỉ vì mua danh mà thực hành bố thí. Có một số người ở trước quần chúng đông đảo, vì thể diện, bố thí để chứng tỏ ta đây rộng lượng, hào phóng.

- **Bố thí không đúng cách (Bất Tịnh), tuy có công đức nhưng không phải là đúng nghĩa Bố thí của pháp Phật.**

Đây là những cách bố thí, đương nhiên, cũng có công đức ít, nhiều; nhưng so với ý nghĩa chân thật về Bố thí của pháp Phật thì dường như đi quá xa! Bởi vì, phải xuất phát từ Tâm Bi, kính sâu sắc mà thực hành Bố thí đúng như pháp Phật, thì mới đúng.

b. Phước nghiệp giữ giới.

### Ý nghĩa quan trọng.

克己以利他, *Khắc kỷ dĩ lợi tha,*

堅忍持淨戒. *Kiên nhẫn trì tịnh giới.*

Khắc kỷ để lợi người,           Kiên trì giữ tịnh giới.

- **Giới hạnh khắc kỷ để lợi người là nghiệp bố thí vượt trội.**

Bây giờ cần nói đến phước nghiệp giữ giới. Chủ yếu của bố thí là hy sinh tiền của ngoài thân để đem lợi ích cho chúng sanh. Đó là đức hạnh có giá trị cao quý nhất, nhưng còn có thể làm được. Dứt ác làm lành để có được thanh tịnh cho Tâm mình, chính là tông yếu của Pháp Phật, cho nên, so với việc buông bỏ vật chất ngoài thân, lại càng vượt trội hơn. Giới là khắc chế tư dục của chính mình để đạt được đức hạnh cho đời sống an vui của trần thế, chính là từ khắc kỷ để lợi người vậy.

#### ○ Xin nêu hai giới để làm rõ vấn đề.

Như giữ giới không trộm cướp, không phải là không trộm cướp hôm nay, ngày mai, cũng không phải là trộm cướp ông A, bà B, mà là từ đây về sau, không trộm cướp tài sản của tất cả mọi người, của tất cả chúng sanh: Để giữ được giới không trộm cướp đối

với tài sản của tất cả mọi người, của tất cả chúng sanh. Vì vậy, giữ giới không trộm cướp là một bảo đảm an toàn cho tài sản của tất cả chúng sanh không bị xâm hại.

Như giữ giới không tà dâm: Không phải giới hạn cho vài người này mà từ đây về sau, đối với tất cả giới tính, quyết không dùng thủ đoạn dụ dỗ, cưỡng bức để thỏa mãn ham muốn nhục dục của chính mình, đưa đến phá hoại an vui, hòa thuận, trinh tiết của gia đình người khác.

○ **Đối với công đức lợi tha của Năm Giới, Phật khen ngợi vượt trội hơn cả Bồ thí.**

Vì thế, Phật khen năm giới là năm món bồ thí lớn. Với công đức lợi tha này, thực ra, so với Bồ thí thông thường, còn có giá trị cao thượng hơn.

- **Giữ giới cần tâm quyết định, kiên nhẫn, chịu đựng sự thử thách cả trong lẫn ngoài mới có thể giữ được không phạm.**

Giữ gìn giới hạnh chính là khắc chế ham muốn riêng tư của mình, cho nên phải có quyết tâm vững vàng, nhận lấy vô vàn thử thách; chịu đựng khốn khổ, gian nan; chịu đựng sự dụ dỗ, uy hiếp, cưỡng bức của hoàn cảnh ác liệt; chịu đựng tư dục của nội tâm không để cho nó quấy rối, phiền não; thậm chí, còn phải có quyết tâm: 寧持戒而死, 不毀戒而生:

Ninh trì giới nhi tử, Bất hủy giới nhi sanh: Thà giữ giới mà chết, Còn hơn phá giới mà sống.

Kiên nhẫn khắc chế tình dục, hoàn cảnh như thế mới đảm bảo giữ Tịnh Giới được; không để cho hủy phạm giới hạnh; không để cho công đức nhiều năm giữ giới mà chỉ trong một ngày thất bại toàn bộ (chỉ vì phạm giới); như người cả đời tuân thủ pháp luật, chỉ có một lần phạm pháp, liền bị sự chế tài của pháp luật.

### Phân loại giới luật:

#### Năm giới.

#### *Ý nghĩa của năm giới:*

以己度他情, *Dĩ kỷ độ tha tình,*  
 莫殺莫行杖, *Mạc sát mạc hành trượng,*  
 勿盜勿邪淫, *Vật đạo vật tà dâm,*  
 勿作虛誑語, *Vật tác hư cuống ngữ,*  
 飲酒敗眾德, *Âm tửu bại chúng đức,*  
 佛子應受持. *Phật tử ứng thọ trì.*

Quên mình cứu hữu tình, **Chớ giết**, Chớ đánh đập,

**Chớ trộm, Chớ tà dâm, Chớ nói lời giả dối,**

**Uống rượu hại đức hạnh,** Phật tử nên giữ gìn.

- Ba loại giới đức của Pháp Chung Năm Thừa.

Hiện giờ nói ba loại giới: năm giới, tám giới, thập thiện giới. Đây là giới đức của Pháp Chung Năm Thừa.

- **Nói rõ ý nghĩa giữ giới.**

- **Không hiểu ý nghĩa giữ giới như ham muốn công đức. Đó không phải giữ giới lý tưởng.**

Trước nói năm giới. Vì sao cần giữ giới? Có một số người không hiểu ý nghĩa giữ giới nhưng, chỉ vì yêu mến công đức giữ giới nên trì giới thôi. Tuy vậy, đây là việc làm tốt nhưng không phải là lý tưởng.

- **Quên mình cứu hữu tình.**

- ***Phật, Nho, đối với đức hạnh giữ giới đều giống nhau là quên mình cứu chúng sanh.***

- ✓ **Phật pháp.**

- Kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa đều nói giữ giới là quên mình để cứu độ chúng sanh.

Từ kinh A Hàm, kinh Pháp Cú đến kinh Đại Thừa, Phật đều nói rõ về Giữ Giới; đây là “*Quên mình để cứu độ chúng sanh*”, nhờ tự nguyện khắc chế tình dục của mình mà đức hạnh được nuôi dưỡng.

- Quên mình cứu độ chúng sanh, tức là pháp Tự Thông trong khế kinh đã nói.

Lấy tâm tình của chính mình để thông cảm tâm tình của tất cả chúng sanh; trong kinh gọi là pháp Tự Thông, nhà Nho cũng gọi là Thứ Đạo (suy kỹ cập nhân: Suy bụng ta ra bụng người).

Bộ tương ưng nói: *“Ta muốn sống, không muốn chết, muốn hạnh phúc, muốn tránh khổ. Nếu có kẻ muốn phá bỏ cái muốn sống; muốn không chết; muốn hạnh phúc; muốn tránh khổ cho ta, cho sinh mạng ta này (đây là dựa vào Sát Sanh mà nói); đây là những thứ ta yêu thích chăng?”*.

Nếu là những thứ ta không yêu thích thì ta phá bỏ; như vậy, những thứ chúng sanh khác không ưa thích cũng phá bỏ hay sao? Thế thì làm tổn thương nhau, giết hại nhau bất tận!

✓ Nho giáo.

Đây chính là điều Đức Khổng Tử nói: “己所不欲, 勿施於人: Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”.

- ***Quên mình cứu độ người là đạo đức bình thường giữa người với người.***

Đạo đức này không khó, từ đây có được ý thức về quên mình cứu độ người khác.

- ***Trì giới vốn là biểu hiện của tư nguyên xuất phát từ tâm từ bi.***

Chính mình chán khổ tìm vui, người khác cũng thế vì sao có thể cướp đoạt niềm vui của người khác để họ càng thêm đau khổ ư? Vì sao không cùng vui với niềm vui của họ, không cứu giúp những khổ đau của họ?. Phật dạy: “*Từ bi là đem an vui đến, nhờ phăng khổ đau đi*”. Đây là tinh thần thực tế. Cho nên khắc chế tình dục của chính mình, đó là giữ giới, không có gì khác mà là pháp Tự Thông (tự hiểu, tự cảm thông). Từ bi vốn xuất phát từ tự nguyện giữ giới. Đây là pháp tu: “Đời này vui, đời sau cũng vui”.

- **Nói rõ năm giới.**

- *Năm giới tuy là cơ bản của Phật tử tại gia, cũng là nguyên lý nhất quán của Giới Đức.*

Năm giới là giới luật của Phật tử tại gia thọ trì (Thiện nam: Ưu Bà Tắc, Thiện nữ: Ưu Bà Di) gọi là giới Cận Sự (Ưu Bà). Đây là giới đức cơ bản của gia đình nhưng cũng là nguyên lý nhất quán cơ bản của giới đức, cho đến giới Bồ Tát cũng không ra ngoài, chẳng qua càng triệt để thì càng thanh tịnh mà thôi. Năm giới vốn xuất phát từ: 以己度他情: Dĩ kỷ độ tha tính; Quên mình cứu chúng sanh.

- *Nói rõ Giới Tướng của năm giới.*

- *Bốn giới đầu là tánh giới: Chớ giết, Chớ đánh đập; chớ trộm; chớ tà dâm; chớ nói lời giả dối.*

✓ Chớ giết là giới không được sát sanh.

Không kể tự tay giết hay sai người khác giết đều có tội, cắt đứt mạng sống của chúng sanh, chính là sát sanh. Nếu ngộ sát (không cố tình làm) vẫn phải chịu trách nhiệm nhưng không thành trọng tội.

Trong giết hại chúng sanh, đương nhiên, giết người là tội nặng nhất.

Chớ đánh đập là cấm hấn dùng dao, gậy, gạch, đá làm tổn thương chúng sanh. Tổn thương, tuy không cấu thành tội sát, nhưng cũng là tội giết, chẳng qua tội nhẹ chút ít mà thôi.

✓ Chớ trộm là giới không cho mà lấy.

Không kể là của quốc gia, của tư nhân; theo Phật giáo: Tất cả của cải có chủ, nếu chủ nhân không đồng ý mà lén lấy, cưỡng bức lấy, chiếm lấy... đều phạm giới trộm cướp.

Theo Phật giáo, không thể vì lý do: Nghèo đói, bệnh tật, hiếu dưỡng cha mẹ, nuôi nấng vợ con mà trộm cướp. Bởi vì, đã là trộm cướp thì phải là tội.

✓ Chớ tà dâm, là giới không được tà dâm.

Nếu nam, nữ đồng ý, người bảo hộ đồng ý, không trái pháp luật, có nghi thức hôn lễ, công nhận thành vợ, chồng. Chánh dâm của vợ chồng này là yếu tố xây dựng gia đình, là tất yếu có con cháu nối dõi, là chánh đáng, không có tội.



Ngược lại, trai, gái ở trong gia đình đã được sự đồng ý của đối phương nhưng với pháp Phật thì không cho phép (như khi thọ giới Bát Quan Trai), quốc pháp cũng không cho phép hay dòng họ, người bảo hộ không đồng ý thì đều thuộc Tà Dâm. Đây là sự ngăn cấm đối với tín đồ tại gia của Phật giáo. Bởi vì, đây không những làm tổn thương ý chí tự do của đối phương mà còn phá hoại hạnh phúc gia đình, là hành vi xấu làm rối loạn trật tự xã hội.

- ✓ Chớ nói lời dối trá, là giới không được Vọng Ngữ.

Vì lợi ích cho mình, cho bà con, bạn bè hoặc làm cho kẻ thù bị tổn hại mà nói những lời dối trá thậm tệ. Không biết mà nói là biết, biết nói là không biết; có nói không; không nói có; phải nói trái; trái nói phải. Vì những lời nói dối trá này để cho mình và người thân được lợi ích, để cho người khác chịu tổn hại; đó là phạm tội vọng ngữ nghiêm trọng. Những lời nói vọng ngữ khác, tội có nhẹ hơn.

- ✓ Nói rõ nghĩa tổng hợp của **Tánh Giới**.

Bốn giới trên gọi là Tánh Giới, tội ác do phạm bốn giới này vốn có tự bản thân, không kể có thọ giới không thọ giới, hết thầy đều phạm tội. Không chỉ trong pháp Phật không cho phép mà trong quốc pháp cũng ngăn cấm.

- ***Giới thứ năm là cấm uống rượu là Giá Giới, nhưng cũng nghiêm cấm.***

✓ Chớ uống rượu là giới cấm uống rượu.

Làm cho tâm người rối loạn, chính là rượu, tuyệt đối không được uống.

Theo Pháp Phật mà nói: Rượu, đối với con người, hoàn toàn không được uống.

Tuy vậy, có một số người nói: uống rượu làm cho thân thể khỏe mạnh, nhưng theo Phật Pháp, có thể nói không đúng tí nào.

Rượu có thể làm rối loạn, làm hư đốn đức hạnh đối với Phật pháp và thế gian.

Uống rượu làm cho tâm hỗn loạn, không thể tự mình làm chủ được. Say rồi không chỉ làm sai, dù xưa nay giữ gìn giới luật, nghiêm khắc. Một khi đã uống rượu say thì cùng lúc phạm cả bốn trọng tội: Sát, Đạo, Dâm, Vọng; cho nên nói: Làm cho đức hạnh bại hoại. Thật ra, không chỉ công đức trong Phật pháp mà cho đến hạnh phúc gia đình, tình cảm bằng hữu, tiền của sự nghiệp, cũng vì uống rượu mà, tan nát không còn.

Rượu làm cho người mê loạn, làm chướng ngại trí huệ, là tội đầu phá hoại các đức hạnh.

Nguồn gốc của tất cả tội ác, đưa đến điên đảo chẳng biết gì, đó chính là rượu. Lại nữa, uống rượu làm cho người rơi vào trạng thái mê loạn; uống rượu

thành thói quen là trở ngại lớn cho chánh niệm, chánh trí. Có một số người thường hay say xỉn, sanh ra con cái có tinh thần không bình thường hoặc bị chứng trí huệ kém cỏi. Cho nên, uống rượu dường như không có tội ác gì nhưng, thật ra rất chướng ngại cho trí huệ, đứng đầu tội làm bại hoại đức hạnh.

- ✓ Nên giữ năm giới thật nghiêm là cơ sở đi theo pháp môn xuất thế.

Vì thế, không chỉ giữ bốn giới trước thật nghiêm mà, người Phật tử còn phải giữ giới không được uống rượu cần trọng hơn để bảo tồn đức hạnh, đồng thời, tiến tu trí huệ là pháp môn xuất thế căn bản.

### ***Công đức của 5 giới***

五 戒 盡 形 壽,      *Năm giới tận hình thọ,*

眾 德 之 所 歸.      *Chung đức chi sở quy.*

Suốt đời giữ năm giới,      Là nơi phước đức trở về.

#### • **Ngũ giới.**

Từ trước đến đây đã nói về năm giới là tịnh giới mà Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di phải giữ gìn. Khi quy y Tam Bảo, tự nguyện nói: “*Từ đây đến hết đời, con nguyện trở về, nương tựa ba ngôi Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng*”; cho nên suốt đời giữ gìn năm giới.

- ***Quy y là tín nguyện, thọ giới là thực hành.***

Quy y là tín nguyện chí hướng về Tam Bảo, thọ năm giới là thực hành quy y hướng về Tam Bảo.

▪ ***Quy y không thọ giới là quy y giả danh.***

Quy y mà không giữ năm giới thì có thể gọi là giả danh Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Thực ra, chỉ là giả danh quy y thôi.

▪ ***Từ: “giữ gìn mạng sống” trong văn quy y tức là thế nguyện thọ giới.***

Khi quy y nói: “*Từ hôm nay đến chết, Giữ gìn mạng sống*”, chính là thế nguyện thọ giới.

Giới là pháp vốn có liên quan với từ bi, cho nên không sát sanh là gốc của giữ gìn mạng sống; không trộm cướp, không tà dâm... đều là phân biệt rõ ràng để nói về giữ gìn mạng sống. Có người dịch từ Hộ Sanh (giữ gìn mạng sống) thành “*Xả sanh*” càng rõ hơn nêu lên giới Bất Sát trong năm giới làm ví dụ (khi thọ giới không phải nói rõ tất cả giới điều, thọ giới từ kheo cũng như thế). Vì vậy, sau khi quy y mới thọ năm giới, đừng quá phân biệt giới Tương mà thôi.

○ ***Có bốn cách thọ trì năm giới:***

▪ ***Chân thành quy y Tam Bảo thì phải thọ trì năm giới.***

Đã chân thành quy y Tam Bảo không thể không

thọ trì năm giới. Có tín ngưỡng mà không cải thiện hành vi thì rõ ràng tín ngưỡng thiếu chân thật, không thể xem Ưu Bà Tắc đầy đủ.

- ***Nêu lên cách bốn loại thọ giới từ một phần cho đến toàn phần.***

Tuy Như Lai đại bi hiểu rõ tập nhiễm sâu nặng của nữ cư sĩ tại gia, không dễ gì thọ trì toàn bộ tịnh giới cùng một lúc; nhưng nếu nghiêm khắc thì sẽ làm cho họ không được gặn gũ Tam Bảo, cho nên, tùy từng người mà có thể giữ được nhiều hay ít giới nên chia bốn loại Ưu Bà Tắc: Ưu Bà Tắc giữ một giới; Ưu Bà Tắc giữ hai giới; Ưu Bà Tắc giữ ba Giới; Ưu Bà Tắc giữ năm giới;

Do đó, trong những người Phật tử tại gia quy y Tam Bảo, nếu giữ được năm giới thanh tịnh là bậc Thượng Thiện.

- **Năm giới là chỗ trở về muôn phước.**

Thọ năm giới và giữ được thanh tịnh, đó có thể gọi là nơi trở về của muôn phước; giống như có được ngọc Ma Ni, lúc ấy, tất cả châu báu sẽ theo nhau trở về.

- **Đời sống hiện được an vui, làm mọi việc được may mắn.**

Do giữ giới, đời sống hiện tại không phạm quốc pháp, được xã hội tôn trọng và trời, người hoan hỷ, thiên long hộ trì, quỷ thần tà ác muốn lôi kéo cũng không thể, nên mọi việc đều may mắn tốt lành.

- **Quả báo đời sau sanh vào cõi lành hay hơn nữa, có thể phát sanh công đức xuất thế.**

Giữ giới là không làm tất cả tội ác, tâm tánh thanh tịnh, quả báo sanh lên làm người, làm trời, cũng có thể là nơi Định, Huệ nương tựa, phát sanh công đức xuất thế. Công đức của năm giới, không thể nói hết!

### **Tám giới.**

加行日夜戒, *Da hành nhật da giới,*

隨順出離者. *Tùy thuận xuất hy giả.*

Thọ giới Bát Quan Trai, Bậc tùy thuận xuất ly.

### ● **Ý nghĩa 8 giới.**

Loại thứ hai của Tịnh Giới là giới Bát Quan Trai có tám giới cũng gọi là Giới Cận Trụ.

- **Nghĩa tổng hợp của tám giới quan trai.**
  - ***Giải thích giới tướng của tám giới này.***
  - ✓ **Năm giới trước giống năm giới đã thọ, chỉ có giới không dâm giống người xuất gia.**

Tám giới là không sát sanh, không trộm cướp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu. Năm giới này giống năm giới đã nói ở trước.

Chỉ có giới không Dâm dục chỉ áp dụng trong thời hạn thọ giới dù là quan hệ với vợ chồng cũng cấm tuyệt đối, giống như người xuất gia cho nên nói là không Dâm.

✓ Ba giới sau giống như người xuất gia.

Sáu là không được xúc hương, cài hoa trang điểm thân thể, không ca múa, xem nghe; dĩ nhiên, chính mình không được làm những việc đó.

Bảy không được ngồi nằm trên giường cao rộng lớn, sang trọng.

Tám không được ăn phi thời, nghĩa là quá Ngọ không được ăn.

Ba giới sau giống người xuất gia.

▪ ***Nói rõ ý nghĩa chữ Trai.***

Trong 8 giới thì giới không được ăn phi thời gọi là Trai.

○ ***Ý nghĩa của căn trụ giới. Thọ giới Bát Quan Trai, Bậc tùy thuận Xuất Ly.***

▪ ***Giải thích ý nghĩa.***

Đệ tử Phật tại gia, chưa thể xuất gia tu hành,

nhưng đối với đời sống xuất gia vô cùng hâm mộ. Vì vậy, Phật chế ra tám giới để Phật tử tại gia tập tu hạnh xuất gia bằng cách thọ trì tám giới trong một ngày một đêm. Đây gọi là hạnh của Bạc tùy thuận xuất ly A La Hán..., học tập sống đời đạm bạc của người xuất gia.

Người thọ giới này ở gần gũi với chư Tăng, Ni, cho nên gọi là Cận Trụ giới.

- ***Thọ tám giới là thời gian ngắn hạn của người tại gia tập tu hạnh của người xuất gia.***

Năm giới thì suốt đời giữ gìn, chính là đức hạnh của Phật tử tại gia, vì thế, phải học tập hạnh xuất gia trong thời gian ngắn nên thọ tám giới này. Như giữ thêm giới không được cầm giữ vàng bạc, chính là giới của Sa Di chính thức xuất gia.

- **Nghi thức thọ trì và kỳ hạn của tám giới.**

- **Thời gian và nghi thức.**

Phật chế tám giới Bát quan trai thọ trì trong một ngày một đêm, thông thường là sáu ngày chay trong mỗi tháng; tức là vào các ngày 8,14,15,23,29,30 (ÂL) là những ngày bố thí, tu thiện ở Ấn Độ. Vào sáng sớm những ngày này, nói chung, đến chùa, mời thầy A Xà Lê truyền cho 8 giới Bát quan trai. Người đang giữ giới không được hủy phạm, cho đến sáng hôm sau, mặt trời mọc ở phương Đông, thì tuyên bố khóa tu



hoàn tất. Lần sau có muốn thọ giới này cũng thực hiện như thế.

○ **Kỳ hạn thọ trì giới.**

▪ ***Phật chế thọ trì một ngày đêm.***

Phật tử tại gia không thể sống lâu dài như người xuất gia, cho nên, Phật chế thọ trì tám giới trong một ngày đêm.

▪ ***Không giới hạn trong một ngày đêm mà tùy sự phát tâm thọ trì của người thọ giới.***

Đã đành là như thế, nhưng không hẳn giới hạn trong một ngày đêm mà tùy sự phát tâm của người thọ giới, có thể kéo dài thời gian ba ngày, năm ngày hay một tháng đều có thể được.

● **Thứ tự trước sau và so sánh công đức giữa năm giới và tám giới.**

○ **Công đức giữa năm giới và tám giới có hơn, kém khác nhau.**

So với năm giới, tám giới tinh nghiêm hơn nhiều. Nhưng năm giới thì thọ trì suốt đời, cũng có chỗ vượt hơn Bát quan trai giới; cho nên, công đức năm giới và tám giới theo tình huống thọ trì mà quyết định, khó nói bên nào hơn, bên nào kém.

○ **Tuy có thứ tự trước sau giữa năm giới và tám giới, nhưng cũng có ngoại lệ.**

Lại nữa, năm giới là giới Phật tử tại gia luôn thực hành; tiến lên một bước là học tập đời sống xuất gia; vì vậy, thỉnh thoảng mới thọ trì Bát quan trai giới; nhưng cũng có lúc không thể thọ trì năm giới suốt đời mà có phát tâm tu Bát quan trai giới này trong ngắn hạn. Tuy trường hợp này là ngoại lệ, nhưng Phật pháp chủ yếu hướng dẫn con người làm điều thiện, cho nên, cũng cho phép như thế.

### **Giới thập thiện.**

不殺盜邪淫, *Bát sát, đạo, tà dâm,*  
 不妄語兩舌, *Bát vọng ngữ, lưỡng thiệt,*  
 不惡口綺語, *Bát ác khẩu, y ngữ,*  
 離貪瞋邪見. *Ly tham, sân, tà kiến.*  
 諸善之根本, *Chư thiện chi căn bản,*  
 佛說十善業, *Phật thuyết thập thiện nghiệp,*  
 人天善所依, *Nhân, thiên thiện sở y,*  
 三乘聖法立. *Tam thừa thánh pháp lập.*  
 Không giết, không trộm, không tà dâm,  
 Không nói hai lời, không vọng ngữ,  
 Không nói thêu dệt, không nói ác,  
 Xa lìa tham, sân và tà kiến.

Ấy là căn bản các điều lành,  
 Nên Phật nói Nghiệp đạo Thập Thiện,  
 Là nơi nương tựa cho trời, người,  
 Là Ba Thừa pháp Phật lập ra.

• **Nói chung về giới Thập Thiện**

○ **Thập thiện là giới.**

Tịnh giới thứ ba, thập thiện nghiệp cũng gọi là thập thiện giới.

○ **Từ Luật Nghi và Giới Luận về Thập Thiện Nghiệp**

- ***Trong luật nghi mà Phật quy định hoàn toàn không có Thập Thiện Nghiệp.***

Khi Như Lai quy định luật nghi, trong ấy có nghi thức trao và nhận nhưng hoàn toàn không có Thập Thiện Nghiệp.

- ***Kinh và Luận đều nói Thập Thiện Nghiệp là Giới.***

- ✓ **Kinh Luận Đại Thừa đều nói Thập Thiện Nghiệp là giới của Bồ Tát.**

Chỉ dựa vào kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa; kinh Ưu Bà Tắc Giới...; Nhập Trung Luận; Nhiếp Ba La Mật Đa Luận... đều nói Thập Thiện Nghiệp Đạo là giới của Bồ Tát.

- ✓ Từ A Hàm về sau đều khen Thập Thiện và Năm Giới như nhau và là đức hạnh chủ yếu.
- ***Luật nghi và Giới tuy có giống và khác nhưng đều là Giới, còn lấy Thập Thiện Nghiệp làm căn bản.***
- ✓ Thập Thiện Nghiệp là Giới cũng là căn bản.

Trong pháp Phật, Giới là Luật Nghi có giống và khác nhau ít nhiều. Bất luận là tự nguyện thọ trì hay thọ trì từ thầy đều là Giới; căn bản là Thập Thiện Nghiệp.

- ✓ Năm giới, tám giới là giới cũng là luật nghi.

Dựa vào hoàn cảnh, căn tánh của người tu học mà quy định giới luật tuân thủ không giống nhau, năm giới, tám giới... và tám loại Luật Nghi (gom hết vào giới luật của Thanh Văn) là Giới cũng là Luật Nghi.

- ✓ Trong giới phước nghiệp, căn bản của đức hạnh là Thập Thiện Nghiệp.

Vì thế, ở trong giới phước nghiệp lại nói Thập Thiện Nghiệp là căn bản của đức hạnh.

- **Giải thích tướng của Thập Thiện Nghiệp.**

Thập Thiện Nghiệp chia làm ba loại: Thân, Miệng, Ý.

- ***Thân có ba: không sát sanh, trộm cướp, tà dâm.***

Thân thiện nghiệp có ba: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm so với ba giới trước của năm giới giống nhau.

- **Miêng có bốn: không nói dối, hai lời; không nói ác, nói lời thêu dệt.**

Ngũ thiện nghiệp có bốn: Không nói dối; không nói hai lời; không nói ác; không nói thêu dệt.

- ***Giải thích bốn giới tương của miêng.***

Không nói dối giống với giới thứ năm.

Không nói hai lưỡi: không chỉ là động cơ phá hoại sự hòa hợp tốt đẹp của người khác, mà còn đâm bị thóc, chọc bị gạo, làm thị phi đảo lộn, ly gián dòng họ.

Không nói lời ác: không nói lời độc ác, gièm pha khiến người khó chịu, như mắng nhiếc, chửi rủa, trêu chọc, phê phán nghiệt ngã, hà khắc, đả kích cay độc.

Không nói lời thêu dệt; không nói lời vô nghĩa, như bàn tán chuyện trộm cướp, dâm ô; chuyện trào phúng; phê phán chua cay, nghiệt ngã; nói lời bóng gió. Cách nói năng này không những hao tổn thời gian mà còn có hại cho thân tâm.

- ***Ngũ nghiệp là đức hạnh căn bản cho sự an lạc nói chung.***

Mười nghiệp lành chú trọng bốn nghiệp lành thuộc

về ngôn ngữ là điểm chung cho sự hòa thuận, an lạc của loài người.

Mười nghiệp lành chú trọng vào ngữ nghiệp đã nói rõ: Đây là đức hạnh căn bản chung cho sự hòa thuận, an lạc của loài người.

Truyền bá ngôn ngữ, văn tự, khoa học, kỹ thuật mà bằng bốn khẩu nghiệp ác là đi ngược lại với đức hạnh chân chánh thông thường của loài người.

Con người truyền đạt tâm tình, ý nghĩa đến người khác bằng ngôn ngữ. Nếu con người với nhau trong cuộc đời này chỉ toàn sử dụng vọng ngữ, lường thiết, ác khẩu, ý ngữ để trao đổi hằng ngày thì thử hỏi an lạc của con người, hòa thuận của gia đình, thịnh trị của quốc gia, bình an của thiên hạ từ đâu mà có được?

Sự truyền đạt của ngôn ngữ, tuy nói: “*Miệng người nhanh như gió*”, rốt cuộc không dễ gì truyền bá khắp nơi. Từ khi có chữ viết ra đời mới có thể truyền đi xa hơn, lâu hơn; Gần đây còn phát minh thêm điện thoại, truyền hình; đây là ý thức của loài người trên thế giới này, tin tức, nhờ vậy, càng phổ biến nhanh chóng.

Nhưng mà một khi tin tức phổ biến nhanh chóng thì nói dối, nói hai lưỡi, nói ác, nói thêu dệt lại càng đầy đầy. Hiện tại, chúng ta đang đối mặt với một thế giới như vậy. Tuyên truyền rằng đang xây dựng một

nền hòa bình vĩnh cửu cho nhân loại, nhưng ngược lại với đức hạnh, luân thường của loài người. Đó đúng là leo lên cây tìm cá.

○ **Ý có ba: xa lìa Tham, Sân, Tà Kiến.**

Thiện nghiệp của Ý có ba: xa lìa tham dục; sân hận và tà kiến.

▪ ***Giải thích ba giới tướng thuộc ý.***

Lìa xa tham dục là đối với tài sản, địa vị quyền lực của người khác không mong tâm thèm muốn cho được, không mưu tính kế hoạch cướp lấy tài sản của người khác mà chính mình phải an phận tri túc, lìa bỏ tâm tham dục.

Xa lìa sân hận là đối với người khác không khởi lên tâm sân hận, oán thù; không rắp tâm làm tổn hại người khác.

Lìa xa Tà Kiến chính là Chánh Kiến. Chánh kiến có thiện ác; có nghiệp báo; có đời trước, kiếp sau; có phàm phu, thánh nhân.

▪ ***Ý nghiệp, tuy thuộc nội tâm nhưng nó là nguồn gốc của thân nghiệp, khẩu nghiệp.*** Hai nghiệp này biểu hiện ra là hành vi của thân và miệng.

Lìa mười nghiệp ác, thực hành mười nghiệp thiện, đó chính là đức hạnh con người nên làm.

Ngược với Thập thiện là Thập ác. Bỏ thập ác làm thập thiện; đó thực sự là đức hạnh mà con người nên làm.

- **Thập thiện là căn bản của các việc lành.**

- **Thập thiện là nghiệp quan trọng.**

Các nghiệp thiện vốn rất nhiều nhưng nghiệp quan trọng nghe, thấy được rõ ràng là Mười Nghiệp Thiện.

- **Mười Nghiệp Thiện là đức hạnh khởi đầu và cùng tốt của con người.**

- ***Mười việc lành này là nơi nương tựa căn bản của tất cả điều lành.***

Vì vậy căn bản của thiện nghiệp, Phật nói chính là mười nghiệp thiện.

Ở trong pháp Đại Thừa là giới của Bồ Tát cũng là căn bản tất cả hạnh lành của Thanh Văn, Duyên Giác, Trời, Người. Cho nên nói: “*Chỗ nương tựa của trời, người tu tập*”; “*là pháp Tam Thừa của Phật, từ đây mà thành lập*”.

- ***Dẫn kinh để chứng minh.***

Ở trong Phật pháp, mười nghiệp thiện là đức hạnh bắt đầu và cuối cùng.

Trong khi kinh Hải Long Vương nói: “*Những người tu thiện pháp là những chúng sanh thuộc trời,*



người hoàn toàn dựa vào nơi căn bản. Dựa vào nơi căn bản là sự giác ngộ của Thanh Văn, Độc Giác; Dựa vào nơi căn bản là sự giác ngộ của bậc Vô Thượng Chánh Đẳng. Dựa vào nơi căn bản là những gì: Đó là mười nghiệp lành”.

Lại nói: “Con đường của mười nghiệp lành là sanh làm trời, người, chứng được Quả học, Vô học của các bậc sa môn, sự giác ngộ của Độc Giác và tất cả các diệu hạnh của Bồ Tát, là chỗ nương tựa của tất cả Phật pháp”.

c. Tu định là phước nghiệp.

### Đôi tri hai tai và

欲樂不可著, Dục lạc bất khả trước,  
散亂多眾苦, Tán loạn đa chúng khổ,  
依慈住淨戒, Y từ trụ trì giới,  
修定最為樂. Tu định tối vi lạc.

Dục lạc không được dính; Tán loạn nhiều khổ đau;  
Nương từ, giữ giới tốt; Tu định là vui nhất.

### • Tổng quát về tu định phước nghiệp.

Bây giờ lại nói về tu định phước nghiệp.

- Chỉ có tu định mới có thể đạt được mục đích Tư Tịnh Kỳ Ý.

Có người cho rằng Bồ thí là thiện hạnh lợi tha tích cực, còn trì giới chỉ là đức hạnh tiêu cực cho chính mình; tu định, đây là phước nghiệp gì mà nói? Không biết rằng Phật pháp lấy “*Tự Tịnh Kỳ Ý*” làm nòng cốt, nhưng các pháp trong thế gian chỉ có Tu Định mới có thể đạt được mục đích.

○ **Căn bản đức hạnh của chính trị, giáo dục đều tham cứu đến nội tâm.**

Phàm là chính trị dùng đức để giáo hóa dân chúng; tôn giáo cũng thế, lấy đức để giáo hóa mọi người; xét cho cùng, đều phải đi đến căn bản đức hạnh; cho nên, không thể không tham cứu đến nội tâm.

- ***Quan niệm tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ của nhà Nho cũng xuất phát từ Chánh Tâm mà ra.***

Nếu nhà Nho lấy Tu, Tề, Trị, Bình làm nhiệm vụ mà không tu thân thì không thể. “*Từ vua cho đến dân thường đều lấy Tu Thân làm gốc*”, nhưng tu thân còn phải từ hiểu biết thấu đáo (trí tri); Tâm ý chân thành (thành ý); Tâm hồn chánh trực (chánh tâm) mà thực hành. Căn bản là triệt để vấn đề ở nội tâm của chính mình. Đó là Định Tâm Thanh Tịnh thì không còn sự nhiễu loạn do nhiễm ô. Đây, há không gọi là Thiện sao? Đây chính là đức hạnh đáng quý.

- ***Theo quan điểm của sách Đại học thì Định là quá trình nội tâm của phước nghiệp.***

Như sách Đại học nói: “*Biết dừng lại rồi sau mới Định*”, đến khi “*An rồi sau mới có Sở Đắc*”. Đây chính là quá trình nội tâm tu Định Phước Nghiệp của thế gian.

- **Lý do và chuẩn bị của Tu Định.**

- **Chủ yếu của Tu Định là đối trị Dục Lạc và Tán Loạn.**

Vì sao phải Tu Định? Lý do không phải ít, nhưng chủ yếu là nhận ra Tội Ác thực sự này của thế gian xuất phát từ hai nguyên nhân chính mà, nếu không Tu Định thì không thể đối trị được.

- ***Dục lạc là gốc của khổ giống như mật ngọt dính trên lưỡi dao bén.***

Dục lạc: Con người đối với vật chất; đối với sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc chạm dễ chịu thích ý vừa lòng với mình và ham muốn tính yêu nam nữ đều là những lưu luyến không thể rời xa. Ham muốn hiện tại, tham đắm không buông. Ham muốn quá khứ, niệm niệm không quên. Ham muốn vị lai, mù quáng tìm tòi. Những dục lạc (ham muốn) này tìm tòi gian khổ không thôi mà rất khó có được. Khi có được nó rồi lại lo sợ khó thể giữ nổi; đến lúc mất rồi,

buồn đau không kể xiết! Thử nghĩ: Tất cả những vấn đề của đời người: Xã hội, kinh tế, chính trị... dường như tồn tại không ngoài sự tham cầu dục lạc của mọi người. Dục lạc thì Chớ Có Dính Vào, nó giống như mật ngọt dính trên lưỡi dao bén; dường như không có gì đáng kể, nhưng vì không biết, thè lưỡi liếm vào thì rất khổ đau bởi cái hại cắt lưỡi khó lường.

- ***Tán loạn, không thể tự chủ, dễ sanh khởi phiền não.***

Tâm người tán loạn, so với con vượn nhảy nhót không ngừng còn gấp ngàn lần. Vì từ trong tâm tán loạn nên tánh tình dễ xúc nổi, nhận thức không rõ ràng, chính xác (tán loạn nặng đến cả cái học ở thế gian cũng không sao hiểu được); tự mình không khống chế được bản thân, hầu hết đều biến chuyển theo hoàn cảnh. Tán loạn có sức mạnh của nhân tố phiền não, điên đảo phát sanh, làm cho con người rơi vào biển ham muốn với bao nhiêu lo buồn, khổ sở bởi yếu đuối, tự mình không thể nào ra khỏi.

- **Tu định mới có thể không bị ràng buộc bởi Dục Lạc, không bị nhiễu loạn bởi Dục Lạc, tâm địa sáng trong an định và chính mình có được tự do.**

Tu Định phải đầy đủ Từ Tâm và Tịnh Giới. Nhưng tu tập Thiền Định, trước không thể không chuẩn bị hai

điều; nếu không có thể sẽ dẫn đến hại nhiều hơn lợi.

***Một là dựa vào Tâm Từ.***

Tu Định không phải vì hiếu kỳ, không phải vì ý đồ thỏa mãn dục lạc vô độ hay để sống lâu; hoặc là mong có được thần thông để báo thù ai đó mà, cốt là nuôi dưỡng Tâm Từ với ý niệm đem lại lợi lạc cho chúng sanh. Có Tâm Từ thì tâm tánh sẽ được nhu hòa, dễ dàng tu tập thành tựu. Khi đã thành tựu rồi không lợi dụng định lực, thần thông làm nhiều loạn chúng sanh.

***Hai là an trụ trong Tịnh Giới.***

Để an trụ trong Tịnh Giới phải thọ trì mười nghiệp đạo, thân, miệng phải biểu hiện đức hạnh hiền lành. Nếu hành nghiệp không chánh đáng, tu định sẽ chiêu cảm tà ma. Có thành tựu Định Lực cũng là tà định; kết quả thành quyến thuộc của ma vương, hại mình, hại người mà thôi.

- **Tin, hiểu rằng cái vui thế gian không hơn được cái vui của thiền định, cho nên, phải cố sức Tu định.**

Trước khi tu cần xác tín rằng các pháp trong thế gian, Tu định là an lạc cao nhất. Cái vui ở thế gian là cái vui năm Dục, cái vui nam nữ dâm dục là hơn hết; nhưng so với cái vui Thiền Định thì không thể nào bằng được. Niềm vui trong Định thấu tận xương tủy,

lan tỏa toàn thân, ví như trận mưa lớn, nước lênh láng từ công rãnh đến sông suối, ao hồ.

Nếu xác tín và hiểu được rằng Tu định phát sinh niềm hỷ lạc mà trong thế gian không có gì sánh bằng; ngay khi tu tập cũng không luyến ái dục lạc, vật chất bên ngoài mà một lòng kiên trì tu tập không đứt đoạn, không lười biếng.

### **Quá trình tu tập thiền định.**

調攝於三事, *Điều nhiếp ư tam sự,*  
 心一境名定, *Tâm nhất cảnh danh Định,*  
 漸離於分別, *Tiệm ly ư phân biệt,*  
 苦樂次第盡. *Khổ lạc thứ đệ tận.*

Đối với ba việc phải điều phục, nuôi dưỡng.

Chú tâm vào một cảnh gọi là Định.

Từ từ xa lìa sự phân biệt, Khổ, vui lần lượt hết.

#### **• Quá trình tu tập thiền định.**

- **Phương pháp tu tập Thiền Định là điều phục, nuôi dưỡng Thân, Tâm.**

Nói đến phương pháp tu tập Thiền Định thì không ra ngoài điều phục, nuôi dưỡng Thân, Tâm.

- ***Nghĩa chung của điều, nhiếp***

Điều là nhiếp phục, là điều hòa. Tâm người như con ngựa hoang, khó thuần hóa; như con trâu dữ, phá hoại mùa màng; phải cần có công phu điều phục, rèn luyện một thời gian để cho tâm nhu nhuyễn, chuyển hóa theo ý muốn của mình.

Điều còn có nghĩa là điều hòa thân thể; Hơi thở; Tâm niệm. Cả ba việc này cốt điều hòa Tâm cho dễ chịu, hoàn hảo, đừng để Tâm loạn động. Chỉ có như thế Tâm mới từ từ đi vào An Định.

Nhiếp là thu nhiếp, khiến cho Tâm niệm tập trung, không để cho nó tán loạn.

▪ ***Đối tượng điều nhiếp.***

Có ba việc là đối tượng để điều nhiếp (điều phục và thay thế hay nuôi dưỡng), đó là Thân, Tức, Tâm (thân thể, hơi thở vô ra, tâm niệm).

Thân thể cần an ổn, ngay thẳng, thanh thản, điều hòa; không được hành động tùy tiện, cũng đừng để thân thể có cảm giác bức xúc, căng thẳng, như mắt nhắm nghiền, miệng mím chặt, lưỡi cong lên.

Điều tức là thở ra, hít vô nhẹ nhàng, chậm rãi, không phát ra tiếng cũng không được biến động hình thể của miệng, mũi, dường như có, dường như không; nhưng phải từ từ tập luyện, không nên quá gấp.

Điều Tâm là khiến Tâm buộc chặt vào Niệm (trong cảnh duyên hiện tiền), đừng để cho tán loạn, đừng để cho hôn trầm, đừng để cho trạo cử, Tâm Ý tập trung (trở về một nơi) thì Tâm có thể bình an, ngay thẳng và tự nhiên an trú trong Định.

Ba việc này có tương quan với nhau nhưng tâm là chính, ở trong thân thể thì thường vắng lặng, yên bình; Tâm và Hơi thở nương tựa lẫn nhau thì mới đến được Cảnh định.

○ **Hai quá trình Đắc định và Tu định.**

▪ ***Đạt được Tâm Nhất Cảnh Tánh thì gọi là Định.***

Cần tu tập như thế nào mới được xem là Đạt Định? Khi đạt đến TÂM NHẤT CẢNH TÁNH thì gọi là Định.

Định tiếng Phạn gọi là Tam Ma Địa (samAdthi) có nghĩa là Đăng Trì.

Đăng là Bình Chánh: Ngay thẳng, yên tĩnh; không xúc nổi, bòn chòn; trầm ngâm, tâm tối.

Trì là thu nhiếp tâm, giữ gìn Chánh Niệm, không để tâm tán loạn.

▪ ***Làm sáng tỏ quá trình trước, sau tu tập Định.***

Khi mới tu tập Định thì cột niệm vào một cảnh, khi đó vọng tưởng lao xao, Tâm không dễ gì an trụ.



Niệm giống như sợi dây leo, khiến tâm luôn chuyển động theo cảnh. Tu tập lâu dần, vọng niệm từ từ cắt đứt; tiến lên bước nữa, vọng niệm thỉnh thoảng còn khởi lên, lâu hơn nữa mới duy trì được Tâm bình đẳng (an ổn), Tâm trụ vào một Cảnh, như thân tâm nhẹ nhàng, an tịnh. Đó chính là Đắc Định.

- **Trình độ sâu, cạn của Định.**

Định có nhiều trình độ, từ cạn vào sâu mà hay nói là Tứ Thiên, Bát Định. Bây giờ, nói rõ một số loại.

- ***Xa lìa dần dần sự phân biệt.***

Căn cứ vào sự phân biệt mà nói thì Định là xa lìa dần dần sự phân biệt.

- ***Người không có Định thì hết thấy đều có phân biệt.***

Như tâm niệm của người bình thường, không thể cắt đứt được sự đổi thay bởi trần duyên, càng không dễ dứt được sự thay đổi đối với việc lãnh hội và thực hành.

- ***Người tu tập thiền định dần dần lìa xa phân biệt.***

Một khi đã tu tập thiền định để Tâm an trụ vào một cảnh, niệm, niệm tương tục an trụ rõ ràng. Tâm cực kỳ an định và sáng tỏ rất mực thì mới có thể đi vào Định được.

✓ Sơ Thiền và Trung Gian Thiền đều có phân biệt.

Có một số người vọng niệm đã dứt một ít, hoặc là tối tăm, bất giác liền cho là Tâm Vô Phân Biệt.

Không biết rằng đi sâu vào Sơ Thiền, Tâm còn phân biệt: Tầm là thô phân biệt; Tứ là tế phân biệt, cho nên gọi Tam Ma Địa có Tầm có Tứ.

Sơ Thiền đến Nhị Thiền trung gian; có được Trung gian Thiền. Đến đây mới không khởi Thô Phân Biệt nên gọi là Vô Tâm Hữu Tứ Tam Ma Địa.

✓ Nhị Thiền trở lên không có phân biệt, vượt lên trên cả Tầm và Tứ.

Đến Nhị Thiền thì ngay cả vi tế phân biệt cũng không còn nên gọi là Vô Tầm Vô Tứ Tam Ma Địa. Đến cảnh giới này, tuy còn Tự Tánh phân biệt nhưng không có Khái Niệm Phân Biệt nữa, cho nên cũng sẽ không có phát sanh ngôn ngữ (ngôn ngữ là âm thanh hóa của Tầm Tứ trong nội tâm).

Đến Tam Thiền trực giác được Bình Đẳng, thanh tịnh trong nội Tâm, cho nên nói: “*Nội tâm bình đẳng, thanh tịnh, chánh niệm, chánh tri*”; nhưng kết quả này, ngoại đạo cũng có, nên chớ có cho Tâm Vô Phân Biệt là chứng được Tâm Thể Bồn Tịnh rồi.

Đó chẳng qua là dựa vào pháp thế gian mà nói, từ Nhị Thiền trở lên, có thể nói là Vô Phân Biệt Định vượt lên trên Tầm, Tứ.

○ **Khổ, Vui tuần tự hết.**

Dựa theo tình cảm mà nói về “*Khổ, vui tuần tự hết*”.

- ***Ở Dục giới chịu khổ, vui cả về sinh lý và tâm lý.***

Ở Cõi Dục này có: Từ sinh lý phát sinh ra khổ, thọ, từ tâm lý phát sinh ra Ưu Thọ.

- ***Từ Sắc giới trở lên thì Ưu, Khổ, Hỷ, Lạc, tuần tự hết.***
- ✓ **Sơ Thiên thì Ly sanh Hỷ, Lạc (không còn sanh ra Hỷ, Lạc).**

Đến Sơ Thiên ưu, khổ từ dục lạc, phiền não quấy động không còn tái sanh nữa. Lúc này, do lìa xa dục lạc mà hỷ lạc sanh khởi. Hỷ là niềm an vui trong tâm, lạc là trạng thái nhẹ nhàng của thân và tâm.

- ✓ **Nhi thiên thì Định sanh Hỷ Lạc.**

Đã đến Nhị Thiên, tuy cũng có Hỷ Lạc như vậy, nhưng đó là Hỷ lạc do Định Sanh, không giống như Hỷ lạc do Ly Dục Sanh.

- ✓ **Tam Thiên thì Ly Hỷ Diệu Lạc.**

Niềm vui sướng tận cùng đến nhảy cẫng lên như thế, cho nên mới đi thẳng vào Tam Thiên gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc: Niềm vui sướng cũng không còn. Lạc Thọ của Định này đã đến đỉnh điểm của niềm vui thế

gian, cho nên hay nói rằng “*Giống như đi vào Diệu Lạc của Thiên thứ ba*” để hình dung về cực lạc. Đương nhiên, trạng thái an lạc này không thể so sánh được với “*trạng thái an lạc lừa xa ràng buộc*” của phiền não để được giải thoát.

✓ Tứ Thiên thì Xả Niệm Thanh Tịnh.

Đến Thiên thứ tư trở lên, Lạc Thọ cũng hoàn toàn chấm dứt, chỉ còn một vị Xả Thọ tịnh tại. Trạng thái này so với hỷ lạc sanh ra do xung động, quả thật là Phước lạc cao xa!.

| Số thứ tự | Thiên chi của Tứ Thiên   | Tên gọi                |
|-----------|--|------------------------|
| Sơ thiên  | Tâm (giác), Tứ (quán), Hỷ, Lạc, Nhất Tâm                         | Ly sanh hỷ Lạc Địa     |
| Nhị thiên | Nội Tịnh, Hỷ, Lạc, Nhất Tâm                                      | Định sanh Hỷ Lạc Địa   |
| Tam thiên | Hành Xả, Chánh Niệm, Chánh Huệ (phương tiện), Thân Lạc, Nhất Tâm | Ly Hỷ Diệu Lạc Địa     |
| Tứ thiên  | Hành Xả, Niệm Thanh Tịnh, Bất khổ Bất lạc, Nhất Tâm              | Xả niệm thanh tịnh địa |

### **Phân biệt phương pháp Định.**

四禪四空處, *Tứ Thiên, Tứ Không Xứ,*  
 慈等四無量, *Từ đẳng Tứ Vô Lượng,*  
 佛說諸定法, *Phật thuyết chư Định pháp,*  
 次第而修習. *Thứ đệ nhi tu tập.*

Tứ Thiên, Tứ không xứ; Từ vân vân tứ vô lượng tâm;  
 Phật nói các pháp Định; Tu tập theo tuần tự.

- **Tứ Thiên, Tứ Không Xứ là toàn diện Định lực từ cạn đến sâu.**

- **Tứ Thiên thì Định, Huệ bằng nhau.**

Nói đến trình độ cạn, sâu của pháp Định, trước hết là bốn căn bản Thiên: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên.

Thiên là tiếng Phạn có nghĩa là Tịnh Lự, so với Định, Huệ hay Chỉ, Quán bằng nhau, cho nên trong Phật pháp coi trọng Thiên này.

- **Tứ Không Xứ thì Định sâu, Huệ cạn.**

Trên Tứ Thiên có Tứ Không Xứ Định: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Tứ không xứ là Định Duy Tâm của Thế tục; Định càng sâu thì Huệ lực, ngược lại, càng yếu đi (mờ đi).

○ **Tứ Thiên, Tứ không xứ gọi chung là Bát Định.**

Tám định này thế gian, ngoại đạo đều có thể tu chứng. Dựa vào Định Lực sâu, cạn mà nói đây là pháp Thiên Định toàn diện từ cạn đến sâu.

- **Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả là đạo đức cùng tốt của thế gian, là pháp môn tu tập sanh về cõi trời.**

○ **Nghĩa chung của Từ, Bi, Hỷ, Xả.**

Tứ Vô Lượng Tâm còn gọi là Định Tứ Vô Lượng Tâm. Từ là mong muốn người được an lạc. Bi là thương xót thống khổ của chúng sanh. Hỷ là đồng tình với sự sung sướng của người khác. Xả là tâm bình đẳng, không thương yêu người thân, không ghét bỏ kẻ thù.

○ **Nghĩa chung của Vô Lượng.**

Tu chứng được Tứ Vô Lượng thì có thể tu tập Định Tứ Vô Lượng (nhưng hỷ Vô Lượng giới hạn ở Sơ và Nhị Thiên). Vì sao gọi là Vô Lượng? Khi tu tập, hoặc Từ hoặc Bi..., trước quán sát người thân, sau quán sát kẻ thù; từ một người, vài người, nhiều người; từ một nước, cả thiên hạ đến chúng sanh mười phương thế giới đều tràn đầy Tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả và mong muốn chúng sanh được an lạc, lìa khổ đau. Kết duyên với vô lượng chúng sanh, mười phương có được phước báo vô lượng, cho nên, gọi là Vô Lượng.

**Phật nói về phước nghiệp Tu Định**, hầu hết vì người tại gia mà nói nên nhấn mạnh Tứ Vô Lượng tâm này. Nếu duy trì, chuyên chú tâm này, niệm niệm không mất. Đây vốn là đạo đức cùng tột của con người, là pháp môn tu tập sanh lên cõi trời.

• **Phật nói tuân tự tu tập các Pháp Định.**

- **Mới học Pháp Định phải tuân tự, không được vượt cấp.**

Phật nói về những pháp Định này cần phải từng bước tu tập.

Từ Sơ Thiền đến Nhị Thiền, từ Nhị Thiền đến Tam Thiền, thẳng đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Đây gọi là không thể vượt cấp.

- **Học lâu có thể vượt qua tuân tự hoặc đi ngược thứ tự.**

Khi tu tập đến thuần thục cũng có thể vượt qua tuân tự hay đi ngược thứ tự.

### 3.3.2.2. Chọn lựa Ba Phước

布施多雜染,      *Bố thí đa tạp nhiễm,*  
 禪定向獨善,      *Thiền Định hướng độc thiện,*  
 依人向佛道,      *Y nhân hướng Phật đạo,*  
 戒行為宗要.      *Giới hạnh vi tông yếu.*

Bồ thí nhiều tạp nhiễm; Thiên định gần độc thiện;  
Nương người gần Phật đạo; Giới hạnh là cốt yếu.

- **Phân biệt lợi, hại của ba phước.**

- **Nương người gần Phật đạo nên chú trọng giới hạnh.**

Như trên đã nói: “*Cầu làm người thì được thân người, tu thiên đạo mà không sanh lên cõi trời*”; vì ở trong pháp môn Thiên, Nhân Thừa, muốn nương vào thân người tu tập để ngày càng gần gũi Phật đạo thì nên tu tập như thế nào? Nếu chú trọng vào Trì Giới.

- **Phân biệt, so sánh về hơn, kém của ba phước.**

- ***Tai họa ngầm của Thí và Định.***

- ✓ **Bồ thí nhiều tạp nhiễm.**

Bởi vì việc tu tập phước nghiệp Bồ Thí của người đời, phần nhiều không đúng pháp mà xen nhiều vào nhiễm ô, phiền não. Bất luận Bồ Thí cầu phước to lớn đến đâu, nếu không tu tập, giữ gìn giới hạnh thì ngay cả thân người cũng không thể có được mà, chỉ có thể ở trong các loài bàng sanh, ngã quý si mê hưởng phước thôi; tiền đồ nguy hiểm vạn phần.

- ✓ **Thiên Định gần với độc thiện.**



Tu Thiên Định chắc chắn thù thắng nhất rồi, nhưng trong khi tu hành phải lánh xa năm dục hoặc là ở ẩn trong núi rừng, chỉ chú trọng niềm vui Thiên Định của riêng mình, hướng về độc thiện. Chờ đến khi chứng được Nhị Thiên trở lên thì đến hay đi đều chỉ một mình. Việc này, đối với việc thực hiện hòa bình và an lạc ở thế gian để hướng đến hạnh Bồ Tát hóa độ chúng sanh thì khoảng cách còn rất xa.

- *Ưu điểm vượt trội của giới hạnh. Nương thân người tu tập hướng đến Phật đạo lấy giới hạnh làm cốt yếu.*

Nguyên nhân hy vọng đời sau không mất thân người là nương vào thân người hướng đến Phật đạo, không thể không lấy năm giới, mười giới làm tông yếu để thực hành. Bồ tát mới học gọi là Bồ Tát Thập Thiện cũng chú trọng vào việc tu tập mười điều lành.

- **Trong ba phước hành, chủ yếu là Giới lành còn Thí và Định là phụ.**
  - *Lấy Giới làm chính thì không mất thân người, không làm chướng ngại học Phật, nhân cách và đạo đức có thể được kiên toàn.*

Người có giới hạnh sẽ sanh ra ở cõi người, dù có nghèo hèn, nhất định cũng không chướng ngại việc học Phật pháp.

Nếu có giới hạnh mà còn tu Bồ thí nữa thì có được phúc nghiệp to lớn trong đời người càng tốt đẹp hơn.

Tương tự như thế, nếu có giới hạnh mà không có Định thì thân người không mất; có giới hạnh mà còn tu siêng năng pháp Định thì, ngược lại, sẽ sanh lên Trời Trường Thọ, trở thành chướng ngại lớn cho việc học Phật.

Vì vậy phải nương vào thân người để đi dần đến Phật đạo nên lấy Giới hạnh làm chính, cũng chính là đạo đức mà con người trọng thị để kiến toàn nhân cách.

- **Tùy sức Bồ thí, tu Định lấy Bốn Vô Lượng làm chính yếu.**

Từ cơ bản giới hạnh này rồi tùy hoàn cảnh, tùy khả năng đi đến Bồ thí.

Nếu muốn tu Định pháp nên tu Định Tứ Vô Lượng; bởi vì định này với pháp Đại Thừa xuất thế, lợi ích chúng sanh có nhiều điểm tương thông.

### **3.3.3. Pháp Môn Để Tu**

#### **3.3.3.1. Pháp môn Lục Niệm.**

|        |                                   |
|--------|-----------------------------------|
| 心性怯畏者, | <i>Tâm tánh khiếp úy giả,</i>     |
| 佛說應修念. | <i>Phật thuyết ưng tu niệm.</i>   |
| 繫念佛法僧, | <i>Hệ niệm Phật, Pháp, Tăng,</i>  |
| 戒施天功德. | <i>Giới, Thí, Thiên công đức.</i> |

如入光明聚, *Như nhân quang minh tụ,*  
陰暗一時失. *Âm ám nhất thời thất.*

Người tâm tánh sợ hãi, Phật dạy Tu Lục Niệm.

Luôn nhớ Phật, Pháp, Tăng Công đức Giới, Thí, Thiên.

Như người tỏa ánh sáng, Bóng tối liền tiêu tan.

- **Vì người có tâm tánh sợ hãi mà Phật nói pháp môn Lục Niệm.**

Có một số người tâm tánh sợ hãi mà sợ hãi có nhiều loại. Như đi một mình lúc trời tối; một mình trong không gian vắng lặng; sợ thân; sợ quỷ. Lại còn sợ bệnh; sợ chết; sợ sau khi chết đọa lạc vào địa ngục. Trong tâm vô cùng lo buồn, hồi cải với bao nhiêu khổ não không chịu nổi. Vì những người có tâm tính sợ hãi như vậy nên Phật nói pháp môn Lục Niệm.

- **Phân chia pháp môn Lục Niệm.**

- *Niệm là nhớ đến cũng là phương tiện tu tập Định.*

Niệm là hệ niệm (cột tâm mong nhớ vào một đối tượng), ức niệm (Tâm luôn nhớ đến đối tượng), khiến cho tâm thay đổi cảnh đang nhớ đến. Niệm là phương tiện tu tập thiền Định, cho nên, nếu niệm sâu thì có thể đạt được Nhất Tâm Bất Loạn, nếu niệm còn cạn cũng có thể niệm niệm tương tục.

○ *Nội dung của Lục Niệm.*

Thế nào là Lục Niệm?

- ***Ba niệm trước là hệ niệm về Công đức, Nhiếp thọ, Hộ trì Tam Bảo.***

Niệm Phật là nhớ đến tướng tốt, trang nghiêm của Phật; nhớ đến Trí huệ, Ân đức, Đoạn đức... Công đức của Phật.

Niệm Pháp là nhớ đến chánh pháp của Phật có tính chất thanh tịnh, an lành và giải thoát. Nếu có khả năng thọ trì, phụng hành thì đến một lúc nào đó sẽ thông đạt, chứng tri được.

Niệm Tăng là nhớ đến Tăng Thanh Văn với Tứ song Bát bối, với công đức từ Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến..., đó là phước điền của thế gian. Còn nhớ đến Tăng Bồ Tát với Đại bi, Đại trí, Tự lợi, Lợi Tha.

Đây là nhớ đến công đức của Tam Bảo, chính mình trở về với Tam Bảo để được nhiếp thọ, hộ trì của Tam Bảo; tâm mình được an trú trong thanh tịnh, oai đức của Tam Bảo; liền xa lánh được Ác niệm, xa lánh Dục nhiễm và cũng xa lánh, lìa bỏ lo buồn, sợ hãi.

Trong kinh nêu lên ví dụ: Nếu Đế Thích và A tu la đánh nhau; những bộ hạ của Đế thích là A Già, Dạ Xoa... khi nhìn thấy từ xa lá cờ hiệu của Đế Thích

tung bay thì dũng khí tăng lên gấp trăm lần. Chúng sanh, nếu chánh niệm công đức Tam Bảo; tin sâu vào Tam Bảo cũng sẽ được nhiếp thọ, hộ trì, tâm được an định thì sự sợ hãi đâu còn nữa?

- ***Sau Tam Bảo là nhớ đến công đức pháp lành của chính mình.***

Niệm giới là nhớ đến chính mình đã giữ được Giới thanh tịnh mà không khuyết, không phạm.

Niệm Thí là chính mình nhớ đến, đã từng ở trong phước điền, tu tập Bồ thí đúng như pháp.

Niệm Thiên là chính mình từng tu công đức Thí, Giới cho nên đã được quả báo ở cõi Trời Dục Giới phước lạc nhiệm màu vượt bậc và bầy báo trang nghiêm.

- ***Trong kinh hầu hết dạy về Lục niệm này cho người có tâm tánh sợ hãi.***

Người nào sợ bệnh, sợ chết, sợ đọa lạc, trong kinh hầu hết dạy về Lục Niệm này.

- ✓ Đã từng tu công đức thì không lo buồn, sợ hãi.

Người thì không thể không bệnh, không thể không chết; nếu đã từng tu công đức thì đời sau sẽ tốt hơn đời này; giống như ra khỏi bóng tối, bước vào ánh sáng; giống như ra khỏi nhà tranh, bước vào lầu đài tráng lệ; giống như thôi chức vụ thấp được thăng lên

chức vụ cao. Nếu nhớ được như thế thì chúc mừng không kịp, há lại lo buồn, sợ hãi sao?

✓ Không tu tập công đức thì mới sợ hãi.

Thật ra, việc đáng sợ hãi không phải là già, chết đến, mà là không tu tập công đức bằng cách quy y Tam Bảo, Bồ Thí, Giữ Giới... để một đời luống qua vô ích.

- **Như người tỏa ánh sáng, bóng tối liền tiêu tan.**
  - *Lục Niệm đều từ Niệm mà phát sanh ra Tín, Giải về Định một cách kiên cố.*

Công đức luôn nhớ đến Tam Bảo do nương về, tin tưởng mà có; giống như thế giới Cực Lạc cũng xuất phát từ Niệm Phật, Niệm Pháp, niệm Tăng. Nếu chân thành trở về, nương tựa Tam Bảo hoàn toàn; đó cũng chính là nhớ đến trọn vẹn Tam Bảo. Bất luận luôn nhớ đến công đức Tam Bảo; nhớ đến công đức của Thí, Giới, Thiên đều từ Niệm mà phát sanh ra Tín, Giải về Định một cách kiên cố.

- *Tin sâu Tam Bảo và Nhân quả thì sợ hãi lo âu sẽ tiêu tan.*

Tin sâu vào sự gia hộ của Tam Bảo, tin sâu vào lý tất nhiên của Nhân lành thì Quả tốt với tâm kiên định, không nghi ngờ; tự nhiên như người tỏa ánh sáng lớn thì lập tức sợ hãi, lo âu tiêu tan.

3.3.3.2. Pháp môn Di Lặc.

正念彌勒尊, *Chánh niệm Di Lặc Tôn,*  
 求生彼淨土, *Cầu sanh bĩ Tịnh Độ,*  
 法門最希有, *Pháp môn tối hy hữu,*  
 近易普及故. *Cận dị phổ cập cố.*  
 見佛時聞法, *Kiến Phật thời văn pháp,*  
 何憂於退墮. *Hà ưu ư thoái đọa.*

Chỉ nhớ và tôn kính Đức Di Lặc,  
 Cầu được sanh về Tịnh Độ của Ngài,  
 Đó là pháp môn ít có trong đời,  
 Gần gũi và dễ tu cho tất cả.  
 Khi gặp Phật thì liền nghe được Pháp mầu.  
 Đâu còn gì để lo sợ thoái lui.

- **Vì người lo sợ thoái lui trên đường tu học mà Phật nói pháp môn Di Lặc.**

Hoặc có người cho rằng Phật Thích Ca Mâu Ni đã nhập Niết Bàn còn Phật Di Lặc chưa xuất hiện nên bắt cứ tu Lục Niệm hay Lễ Phật, Niệm Phật; tất cả đều phải có Phật là nơi trở về, nương tựa của chúng ta. Như thế mới có được niềm tin kiên định, Phật và chúng ta có duyên đặc biệt mới hộ trì chúng ta được

và sẽ không thoái lui trên đường đạo. Tuy vậy, đây là đối với công đức Tam Bảo, định luật nhân quả nhưng tin tưởng, hiểu rõ triệt để thì còn thiếu sót, mà đó chỉ là thường tình của chúng sanh thôi.

○ **Sơ lược về pháp môn Tịnh Độ của Di Lặc.**

Phật Thích Ca từ, bi vô hạn, vì thế, đã từng nói về “*Hãy nhớ đến, tôn kính pháp môn của Di Lặc và cầu sanh về Tịnh Độ của Ngài*”.

▪ ***Di Lặc là Đức Phật vị lai của Cõi Ta Bà.***

Bồ Tát Di Lặc ở trong pháp hội của Phật Thích Ca, được thọ ký tương lai làm Phật ở cõi này.

▪ ***Hiện tại, Di Lặc đang thuyết pháp tại nội viện Đâu Suất, và sẽ hạ sanh nhân gian, hóa độ hữu tình trong tương lai.***

“*Hiện tại, Di Lặc thuyết pháp cho chúng sanh ở nội viện Đâu Suất tại cung trời Đao Lợi, tương lai sẽ hạ sanh nhân gian, hóa độ hữu tình.*”

Đức Di Lặc hiện đang ở trên cung trời Đâu Suất, gọi là nội viện Đâu Suất. Tất cả Bồ Tát đời sau, sanh xuống Cõi Ta Bà để hoàn thành Phật quả, trước tiên, đều phải ở tại đây; từ trước Phật Thích Ca Cũng đều như thế.

Nội viện Đâu Suất là một cõi Tịnh Độ trang nghiêm, thanh tịnh. Bồ tát Di Lặc luôn ở đây, thuyết



pháp cho vô lượng đại chúng nghe. Trải qua một khoảng thời gian nữa, Bồ Tát Di Lặc sẽ thành Phật quả tại cõi Nam Diêm Phù Đề. Lúc ấy, thế giới của chúng ta đây sẽ sớm chuyển thành Tịnh Độ. Ở trong cõi Tịnh Độ nhân gian của Phật Di Lặc này có ba hội Long Hoa hóa độ vô lượng chúng sanh.

- **Nếu muốn vãng sanh, chính mình gặp Đức Di Lặc và nghe pháp thì không còn lo sợ đọa lạc.**

Vì vậy, nếu phát nguyện vãng sanh về Tịnh Độ Đâu Suất thì sẽ thấy được Bồ Tát Di Lặc; về sau cùng Bồ Tát hạ sanh xuống nhân gian, thấy Phật Di Lặc nghe pháp. Đương nhiên, đây là hướng thẳng tiến nên đâu còn lo sợ đọa lạc gì nữa? (Trích từ kinh Di Lặc Hạ Sanh thành Phật và kinh Di Lặc Bồ Tát Thượng Sanh).

- **Từ ba điểm nói rõ Tịnh Độ Di Lặc so sánh với Tịnh Độ khác càng thêm vững vàng.**

Vãng sanh tu theo pháp môn Tịnh Độ Di Lặc so với các Tịnh Độ khác trong mười phương thế giới thật là ít có, thật là vững vàng. Điều này có thể dựa vào ba điểm để nói.

- **Thời gian và không gian rất gần gũi.**

### **Gần**

- ***Về địa điểm, gần hơn những Tịnh Độ khác trong mười phương nhiều.***

Đức Di Lặc đang sống trên Trời Đâu Suất, tương lai đến nhân gian chúng ta cùng một thế giới, cùng trong Cõi Dục; nên nói về địa điểm rất gần, không giống như Tịnh Độ khác trong mười phương thế giới, đều phải đi qua ít nhiều Phật Quốc.

- ***Về thời gian, trở lại nhân gian cũng ngắn hơn Tịnh Độ khác.***

Nói về thời gian, đời sau sanh về nội viện Đâu Suất, không quá lâu, trở lại nhân gian.

Không giống như vãng sanh về Tịnh Độ khác, không biết phải đến năm nào, tháng nào, mới có thể trở lại cõi Ta Bà.

- ***Cùng ở cõi Dục nên chỉ có Tán Địa, do đó điều kiện rất dễ để được vãng sanh.***

### **Dễ dàng:**

Tịnh Độ Đâu Suất và Tịnh Độ Nhân Gian tương lai đều ở cõi Dục với thiên định là Tán Địa, cho nên chỉ cần quy y Tam Bảo, giữ giới thanh tịnh, bố thí đúng pháp, còn có phát nguyện vãng sanh, niệm lớn: Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Phật thì chắc chắn vãng sanh về Tịnh độ Đâu Suất.

Không giống vãng sanh về những Tịnh Độ khác, nếu không 一心不乱: Nhất Tâm Bất Loạn thì không thể. Nhất tâm bất loạn chính là Định. Điều này thật là không dễ chút nào!

○ **Pháp môn rất phổ cập.**

**Phổ cập:**

- ***Tịnh độ Di Lạc thì gồm đủ ba căn và rộng độ năm giai cấp trong loài người (theo Ấn Độ giáo).***

Vãng sanh Tịnh Độ Di Lạc, không nhất thiết phải phát Tâm Bồ Đề, tâm xuất ly mà chỉ phát sanh Tâm Tăng Thượng của thiện căn Trời, người cũng có thể vãng sanh theo ý nguyện.

Ở Tịnh Độ Đâu Suất và Tịnh Độ Nhân gian, Phật Di Lạc nói pháp cho trời, người; nói pháp cho Nhị Thừa; nói pháp cho Bồ Tát tùy thuận tất cả căn cơ; cho nên, tất cả đều được lợi ích, kể cả trời, người.

Ở trong quá trình thấy Phật, nghe Pháp; thêm tăng tiến hướng thượng; từ từ chuyển hóa căn tánh trời, người thành căn tánh xuất thế; chuyển hóa căn tánh Nhị Thừa thành căn tánh Đại Thừa cũng trở về Phật đạo.

- ***Các Tịnh Độ khác nhau chỉ nói về Đại Thừa, không phổ cập như Tịnh Độ Di Lạc.***

Tịnh Độ này không giống với Tịnh Độ khác; ngay cả chủng tánh Nhị Thừa cũng không thể vãng sanh, làm sao có thể thích ứng với căn tánh Trời, Người? Vì vậy, Tịnh Độ Di Lạc mới được gọi là Pháp Môn Phổ Cập cả ba căn, quảng độ năm Tánh.

- **Giải thích những nghi ngờ đối với pháp môn Di Lạc.**

- ***Nghi ngờ và sợ rằng không thấy Phật, nghe pháp mà còn thoái lui.***

Có người nói: Hiện tại vãng sanh Tịnh Độ Di Lạc, tương lai, sau khi Phật Di Lạc niết bàn, nếu như không giải thoát sanh tử thì chúng ta làm sao đây? (Lại sợ không thể gặp Phật, nghe pháp và bị thoái lui trên đường đạo!).

Không biết tâm từ bi của Phật Thích Ca đem chúng ta giao cho Phật Di Lạc sẽ hạ sanh ở tương lai. Đạo chư Phật giống nhau, khó nói Phật Di Lạc sẽ không chỉ bảo cho chúng ta, gần gũi với Phật vị lai sao?

- ***Nghi ngờ tu để được làm Trời mà không sanh lên trời, mà lại nói sanh lên trời Đâu Suất.***

Có người nói: Như trên nói “Tu làm Trời mà không sanh lên Trời”, tại sao lại nói cầu mong sanh lên Trời Đâu Suất vậy?

Không sanh lên trời với chủ ý là không nương tựa vào Định sâu sắc mà sanh lên trời Trường Thọ, trời Dục Giới mà, chính là Nội Viện Trời Đâu Suất của Bồ Tát Di Lạc. Ở đây, thường được thấy Phật, nghe pháp, tu hành nên, đương nhiên, không trở ngại gì cho việc vãng sanh.

○ **Nghi ngờ vì sao không đề cao vãng sanh Tịnh Độ Di Đà.**

Có người nói: Vì sao không đề cao vãng sanh Di Đà Tịnh Độ vậy?

Cần phải biết, vì sao không đề cao Tịnh Độ Cực Lạc của Phật A Di Đà?

Cần biết rằng Tịnh Độ Cực Lạc của Phật A Di Đà là tịnh Độ Bất Cộng thuộc Đại Thừa; thông thường bậc Thanh Văn không tin, không hiểu. Điều này sẽ nói sau khi trong pháp Đại Thừa, còn ở đây chỉ nói rõ trước, sau của Ngũ Thừa Cộng Pháp.

○ **Nghi ngờ Sư Tử Giác sanh ở ngoại viện.**

Có người nói: Thầy Sư Tử Giác, từ trước, có tu học pháp môn Di Lạc, phát nguyện cầu sanh nội viện Đâu Suất mà, cuối cùng sanh ở ngoại viện, hưởng thọ dục lạc. Vì vậy, vãng sanh Tịnh Độ Đâu Suất, e rằng, không đáng tin cậy.

Không biết rằng câu chuyện Sư Tử Giác sanh ở ngoại viện mà những vị hoằng truyền pháp môn Di Lạc như: Chân Đế, Huyền Trang cho đến Vô Trước, Thế Thân. Trong truyện ký của thầy Thế Thân, Vô Trước đều không ghi câu chuyện nào như vậy. Đây chỉ là dụng tâm của một người nào đó, cố ý dựng lên.

- **Kết luận: Khi thấy Phật, nghe pháp; đâu còn lo lắng gì về việc thoái lui.**

Không luận là căn tánh nào học Phật, chỉ cần công đức quy y Tam Bảo, công đức Bồ thí đúng như pháp và Trì Giới thanh tịnh; phát nguyện, hồi hướng Tịnh Độ Di Lạc. Trong quá trình thấy Phật, nghe pháp và tu hành, chắc chắn, sẽ tiến lên, đâu còn gì phải lo lắng thoái lui! Vì vậy, chân thành mời phát nguyện vãng sanh, xưng niệm: *“Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lạc Phật”*.

## **SÁCH CƯ SĨ LÊ HỒNG SƠN DỊCH ĐÃ IN**

- 1. TỰ ĐIỂN PHÁP TAM TẠNG**
- 2. NHẬP MÔN DUY THỨC HỌC (BÁT THỨC QUY CỬ TỤNG)**
- 3. ĐẠI THỪA QUẢNG NGŨ UẨN LUẬN**
- 4. KINH KIM CANG, LỤC TỔ HUỆ NĂNG KHẨU QUYẾT**
- 5. ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGUYÊN THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC**
- 6. YẾU GIẢI TRUNG LUẬN**
- 7. BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH**
- 8. PHIẾM LUẬN DUYÊN KHỞI PHÁP**
- 9. SÁU NHÀ CHÚ GIẢI TÂM KINH BÁT NHÃ**
- 10. PHÁP TƯỚNG TÔNG (DUY THỨC TAM THẬP TỤNG)**
- 11. LUẬN 100 PHÁP**
- 12. TỰ ĐIỂN PHÁP TƯỚNG TÔNG**

## **CHƯA IN**

- 1. LUẬN CÂU XÁ**
- 2. HAI MƯƠI BỐN OAI NGHI, LUẬT SA DI, CẢNH SÁCH**
- 3. MƯỜI TÔNG PHÁI PHẬT GIÁO TRUNG HOA**
- 4. TÂM KINH, TỔ HÁM SƠN GIẢNG**





# CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT

## Quyển 1

Pháp sư Ân Thuận - Việt dịch: Cư sĩ Lê Hồng Sơn

Mã ISBN: 978-604-475-274-7

**Chịu trách nhiệm xuất bản**  
GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP  
BÙI THỊ LÂM NGỌC

**Biên tập:** Võ Thị Thanh Hiếu  
**Trình bày:** Thy Loan  
**Sửa bản in:** Thanh Hiếu  
**Bìa:** Thanh Lưu

Thực hiện liên doanh: Ông Lê Hồng Sơn

---

In: 1.000 bản. Khổ: 14.5 x 20.5 cm. In tại: TRUNG TÂM  
XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI MIỀN TRUNG;  
132 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu,  
Đà Nẵng. Số xác nhận ĐKXB: **1972-2023/CXBIPH/2-249/ĐoN**.  
Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận ngày: 19/06/2023.  
Quyết định xuất bản số: 540/QĐB-ĐoN, cấp ngày: 22/06/2023.  
In xong và nộp lưu chiểu: Q3/2023

---

Nhà Xuất bản Đồng Nai, 1953J (210 cũ) Nguyễn Ái Quốc, TP Biên Hòa, Đồng Nai  
Ban Biên tập: (02513) 825 292 - P Kinh doanh: 946 521 - 946 530  
- Email: dongnainxb@gmail.com